

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

NGUYỄN VĂN GIANG

**BIỆN PHÁP DẠY HỌC DẤU CÂU
CHO HỌC SINH LỚP 2 TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊ TRẤN
HUYỆN BẮC YÊN - TỈNH SƠN LA**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

SƠN LA, NĂM 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

NGUYỄN VĂN GIANG

**BIỆN PHÁP DẠY HỌC DẤU CÂU
CHO HỌC SINH LỚP 2 TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊ TRẤN
HUYỆN BẮC YÊN - TỈNH SƠN LA**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Chuyên ngành: LL&PPDH Tiểu học

Mã số: 60140111

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trần Thị Thanh Hồng

SƠN LA, NĂM 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản luận văn này là công trình do chính tôi nghiên cứu và soạn thảo. Tôi không sao chép từ bất kỳ một bài viết nào đã được công bố mà không trích dẫn nguồn gốc. Nếu có bất kỳ một sự vi phạm nào tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Sơn La, ngày tháng năm 2016

Học viên

Nguyễn Văn Giang

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI	1
2. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ.....	3
3. MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU.....	6
4. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU.....	6
5. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC.....	7
6. ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN VĂN	7
7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	8
8. CẤU TRÚC LUẬN VĂN.....	8
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC DẠY HỌC DẤU CÂU Ở TIỂU HỌC	9
1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN.....	9
1.1.1. Khái niệm về dấu câu.....	9
1.1.2. Phân loại dấu câu	10
1.1.3. Vai trò của dấu câu tiếng Việt.....	12
1.1.4. Cơ sở tâm sinh lý của học sinh Tiểu học với việc học về dấu câu	22
1.1.5. Quan điểm dạy học dấu câu ở tiểu học	29
1.2. CƠ SỞ THỰC TIỄN.....	30
1.2.1. Khảo sát thực trạng dạy học dấu câu tiếng Việt ở Trường Tiểu học thị trấn huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La.....	30
1.2.2. Kết quả khảo sát	31
Tiểu kết chương 1.....	48
CHƯƠNG 2: BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC DẤU CÂU CHO HỌC SINH LỚP 2	50
2.1. Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực	50

2.1.1. Phương pháp luyện tập theo mẫu	51
2.1.2. Phương pháp phân tích ngôn ngữ	53
2.1.3. Phương pháp trực quan	54
2.1.4. Phương pháp trò chơi học tập	56
2.1.5. Phương pháp sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học.....	58
2.2. Dạy học dấu câu qua phân môn Luyện từ và câu	61
2.3. Dạy học dấu câu qua các phân môn khác trong môn Tiếng Việt.....	66
2.3.1. Giờ Tập đọc.....	66
2.3.2. Giờ Kể chuyện	68
2.3.3. Giờ Tập làm văn.....	70
2.3.4. Giờ Chính tả.....	72
2.4. Vận dụng các hình thức tổ chức dạy học	75
2.4.1. Học cá nhân.....	75
2.4.2. Học nhóm	75
2.4.3. Học toàn lớp.....	76
2.5. Đổi mới kiểm tra, đánh giá	77
2.5.1. Yêu cầu về đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập dấu câu	77
2.5.2. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập dấu câu của học sinh qua việc luyện tập	82
Tiểu kết chương 2.....	84
CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ VÀ THỂ NGHIỆM SỬ PHẠM	87
3.1. Những vấn đề chung về thể nghiệm.....	87
3.1.1. Mục đích thể nghiệm.....	87
3.1.2. Đối tượng, thời gian và địa bàn thể nghiệm.....	87
3.1.3. Nội dung thể nghiệm và tiêu chí đánh giá thể nghiệm	88
3.1.4. Phương pháp thể nghiệm.....	90
3.2. Định hướng thiết kế thể nghiệm.....	90

3.2.1. Vận dụng sáng tạo các phương pháp dạy học về dấu câu ở tiểu học	91
3.2.2. Biện pháp dạy học dấu câu qua tiết học Luyện từ và câu	99
3.2.3. Dạy học dấu câu qua hệ thống bài tập Luyện từ và câu	107
3.3. Thử nghiệm và đánh giá kết quả thử nghiệm	117
3.3.1. Cách thức thử nghiệm.....	117
3.3.2. Kết quả thử nghiệm	118
3.3.3. Kết luận rút ra từ thử nghiệm	120
Tiểu kết chương 3.....	120
KẾT LUẬN	121
1. Kết luận	121
2. Khuyến nghị	124
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	125
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Viết đầy đủ
HS	Học sinh
GV	Giáo viên
SGK	Sách giáo khoa
TN	Thẻ nghiệm
ĐC	Đối chứng

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Số lượng dấu câu được dạy học ở từng lớp.....	31
Bảng 1.2: Đánh giá nội dung luyện tập dấu câu	31
Bảng 1.3: Thống kê nội dung luyện tập dấu câu	33
Bảng 1.4: Thống kê số lượng dấu câu ở mỗi lớp.....	35
Bảng 1.5: Vị trí của các dấu câu trong câu.....	36
Bảng 1.6: Mức độ sử dụng dấu câu.....	47
Bảng 3.1: Thông tin về 2 lớp thể nghiệm và đối chứng.....	87
Bảng 3.2: Bảng tổng hợp kết quả khảo sát thực hành làm bài tập phát hiện dấu câu, tìm dấu câu.....	118
Bảng 3.3: Bảng tổng hợp kết quả khảo sát thực hành làm bài tập sử dụng dấu câu	118
Bảng 3.4: Bảng tổng hợp kết quả khảo sát thực hành làm bài tập sáng tạo khi dùng dấu câu.....	119

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 3.1: Dạy học nhận biết chức năng của dấu câu	95
Sơ đồ 3.2: Dạy học thực hành sử dụng dấu câu.....	100
Sơ đồ 3.3: Hệ thống bài tập dấu câu	107
Sơ đồ 3.4: Bài tập phân biệt nhóm dấu câu	109
Sơ đồ 3.5: Bài tập nhóm dấu câu giống nhau về vị trí.....	109
Sơ đồ 3.6: Hệ thống bài tập luyện tập tổng hợp về dấu câu	113

PHẦN MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Vai trò của dấu câu trong hoạt động giao tiếp bằng chữ viết rất quan trọng, sự vắng mặt của dấu câu trong một văn bản không những gây khó khăn lớn cho việc hiểu nội dung văn bản mà cũng có thể dẫn đến sự hiểu nhầm hoặc hiểu văn bản theo nhiều nghĩa khác nhau. Để giao tiếp bằng chữ viết đạt hiệu quả cao thì người tạo lập văn bản và người tiếp nhận văn bản đều cần nắm vững chức năng, công dụng của dấu câu và sử dụng chúng thành thạo, hướng tới sự tinh tế trong tiếp nhận và biểu đạt bằng chữ viết.

Dấu câu trong văn bản viết rất phong phú bao gồm: dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu chấm phẩy, dấu gạch ngang, dấu chấm lửng, dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép, dấu hai chấm... Mỗi dấu câu có một chức năng riêng trong câu. Với từng công dụng và chức năng riêng, trong văn bản viết, các dấu câu cần được dùng đúng chỗ và đúng mục đích diễn đạt. Khi ấy nội dung ý nghĩa của câu sẽ được biểu đạt rõ ràng mạch lạc, trong sáng hơn. Sẽ rất khó tiếp nhận khi một văn bản nếu thiếu đi những dấu câu, bởi ta sẽ không phân biệt được các vế câu, các thành phần câu, các mối quan hệ ngữ pháp trong câu, và do đó sẽ không hiểu được đúng thông tin mà văn bản thông báo. Trong chương trình dạy học việc dạy học sinh cách sử dụng dấu câu là một trong những yêu cầu đặt ra rất sớm. Mặc dù vậy hiện nay học sinh mắc lỗi khi dùng dấu câu rất phổ biến điều này chứng tỏ việc dạy và học dấu câu phức tạp hơn nhiều người vẫn nghĩ và những giải pháp hữu hiệu cho vấn đề này vẫn cần phải được tiếp tục nghiên cứu thêm nữa.

Trong các phương pháp dạy học Tiếng Việt truyền thống nặng về truyền thụ kiến thức, chủ yếu là thầy giảng giải, nêu vấn đề, đặt câu hỏi, học sinh suy nghĩ tìm hiểu lĩnh hội kiến thức. Hiện nay, Phương pháp dạy học theo quan điểm phát triển năng lực không chỉ chú ý tích cực hoá học sinh về

hoạt động trí tuệ mà còn chú ý rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp, đồng thời gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn. Tăng cường việc học tập trong nhóm, đổi mới quan hệ Giáo viên - Học sinh theo hướng cộng tác có ý nghĩa quan trọng nhằm phát triển năng lực xã hội. Bên cạnh việc học tập những tri thức còn bổ sung các chủ đề học tập phức hợp nhằm phát triển năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp.

Trên thực tế, có khá nhiều tài liệu nghiên cứu về vấn đề dạy đọc, dạy cách đánh vần, dạy viết chữ, dạy cảm thụ thơ văn,... nhưng rất ít công trình nghiên cứu về việc dạy học dấu câu và việc học sinh học cách sử dụng dấu câu như thế nào. Tuy số lượng dấu câu không nhiều, nhưng chúng được sử dụng linh hoạt: có dấu thực hiện chỉ một chức năng, có dấu đảm nhiệm nhiều chức năng khác nhau, cùng một dấu trong cùng một cấu tạo có thể đồng thời mang một số chức năng, hoặc cùng một chức năng có thể dùng nhiều dấu khác nhau... Ngoài ra, dấu câu còn được sử dụng có tính chất cá nhân, theo sáng tạo của người viết nghĩa là ngoài những quy tắc sử dụng dấu câu cơ bản, dấu câu còn được sử dụng biến hóa, sáng tạo. Do vậy, việc tiếp nhận và sử dụng dấu câu trở nên không đơn giản và theo đó việc dạy học dấu câu cũng đòi hỏi sự đầu tư thích đáng.

Cách sử dụng dấu câu cũng đã được đưa vào chương trình Tiếng Việt ở tất cả các bậc học phổ thông. Song biện pháp dạy học dấu câu tiếng Việt chưa được quan tâm nghiên cứu đúng mức, các sách hướng dẫn giảng dạy chưa giúp nhiều cho giáo viên dạy học dấu câu có hiệu quả. Tùy vào kinh nghiệm cá nhân, mỗi giáo viên có cách dạy học dấu câu khác nhau nhưng đều chưa khái quát hoá thành những "quy trình" rõ ràng. Bài học về dấu câu chưa gây được hứng thú học tập ở học sinh và bản thân các em cũng không coi đây là nội dung kiến thức quan trọng cần phải bỏ công sức để lĩnh hội một cách

cần trọng. Thực tế này đã đặt ra yêu cầu tìm biện pháp khắc phục những hạn chế về phương pháp dạy học dấu câu trong nhà trường ở từng bậc học nhằm giúp học sinh tiếp nhận và sử dụng đúng, thành thạo dấu câu trong việc biểu đạt tri thức, tư tưởng, tình cảm bằng chữ viết. Điều này nên được đặt ra ngay từ nhà trường tiểu học bởi ở bậc học này học sinh đã cần được biết tất cả dấu câu ở một mức độ nhất định để có thể tiếp nhận dễ dàng các văn bản được học và đọc, đồng thời tạo lập các văn bản theo yêu cầu. Hơn nữa, nếu không được luyện kỹ năng sử dụng đúng dấu câu, các em sẽ có thói quen không để ý đến nguyên tắc dùng dấu câu khi tạo lập văn bản.

Để từng bước nâng cao chất lượng dạy học dấu câu, việc nghiên cứu, đánh giá chính xác vấn đề dạy học dấu câu và đề ra các biện pháp tổ chức dạy học dấu câu đóng một vai trò hết sức quan trọng. Thực hiện đề tài ***Biện pháp dạy học dấu câu cho học sinh lớp 2 trường Tiểu học Thị trấn huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La*** là một việc làm cấp thiết hiện nay nhằm giúp cho giáo viên dạy lớp 2 ở trường Tiểu học Thị trấn huyện Bắc Yên nói riêng, các giáo viên dạy tiểu học nói chung có những thông tin và giải pháp hữu hiệu trong việc dạy học dấu câu có hiệu quả.

2. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

Dấu câu là một trong những nội dung dạy học quan trọng trong việc rèn kỹ năng sử dụng Tiếng Việt ở Tiểu học. Cho đến nay, vấn đề dạy học dấu câu đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Trong luận văn này chúng tôi đặc biệt chú trọng tới các công trình nghiên cứu sau:

Trước tiên phải kể đến tác giả Nguyễn Hiệt Chi, Lê Thước với cuốn "*Sách mẹo tiếng Việt Nam*" (1935); tác giả Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ và Phạm Duy Khiêm viết cuốn "*Việt Nam văn phạm*" (1947),... Đó là những cuốn sách bước đầu đề cập đến dấu câu tiếng Việt. Những năm 60 đã có một số công

trình nghiên cứu sâu hơn về dấu câu, như: "Nghiên cứu về ngữ pháp Việt Nam" (Nguyễn Kim Thản), "Đi tới sự thống nhất một số quy tắc dùng dấu câu" (Đào Thản), "Nói và viết đúng tiếng Việt" (Nguyễn Kim Thản, Hồ Lê, Lê Xuân Thại, Hồng Dân),....Sau đó còn nhiều tài liệu nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt đề cập đến dấu câu có thể kể đến cuốn "*Ngữ pháp tiếng Việt*" (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam).

Trong cuốn "*Tiếng Việt thực hành*" tác giả Lê A và Đinh trọng Huệ (Nhà xuất bản Giáo dục) đã xây dựng một hệ thống bài tập bàn đến nhiều vấn đề về từ, câu trong đó vấn đề dấu câu và các bài tập về dấu câu được đặc biệt chú trọng.

Công trình nghiên cứu về vấn đề *Dạy học dấu câu tiếng Việt* của tác giả Nguyễn Xuân Khoa đã giới thiệu sự tương quan giữa ngữ điệu và dấu câu, vai trò của sự quan sát ngữ điệu trong việc giảng dạy dấu câu, những nguyên tắc của phương pháp giảng dạy dấu câu, các kiểu bài tập sử dụng trong việc dạy dấu câu và những gợi ý cách dạy từng loại dấu câu ở trường tiểu học.

Giáo trình *Phương pháp dạy học Tiếng Việt* của Lê Phương Nga (chủ biên) đã đề cập đến các vấn đề chung của phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học cung cấp cho chúng ta những hiểu biết về đối tượng nhiệm vụ, các cơ sở khoa học, những đặc điểm của học sinh tiểu học trong quá trình chiếm lĩnh tiếng Việt, mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp dạy học tiếng Việt ở trường tiểu học. Chúng ta nhận thấy việc dạy học tiếng Việt cho học sinh Tiểu học có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Cuốn sách *100 bài tập luyện cách dùng dấu câu tiếng Việt dành cho học sinh tiểu học* (Nguyễn Quang Ninh, Nguyễn Thị Ban) đã đề cập đến vấn đề công dụng của dấu câu, cơ sở sử dụng dấu câu, các lỗi về dấu câu. Cuốn sách đã giúp các em thực hành luyện tập cách sử dụng dấu câu sao cho đúng.

Bàn về việc sử dụng dấu câu, một số tài liệu đã chỉ ra các lỗi sử dụng dấu câu, nguyên nhân và cách chữa. Những tài liệu này chính là những căn cứ

để chúng ta suy nghĩ về phương pháp dạy học dấu câu cho học sinh phổ thông sao cho khắc phục được các lỗi dùng dấu câu. Bên cạnh việc nghiên cứu về chức năng, công dụng của dấu câu, một số tài liệu còn có bàn về "cơ sở của dấu câu" hay "cơ sở sử dụng dấu câu". Cơ sở của dấu câu được hiểu là việc đặt dấu câu, sự diễn đạt các quy tắc dấu câu dựa trên cái gì và căn cứ vào đâu để sử dụng dấu câu cho chuẩn, cho hay. Các tác giả đã chỉ rõ việc sử dụng dấu câu nào và ở vị trí nào trong câu là dựa trên cơ sở ngữ pháp, ngữ nghĩa và tu từ. Thực chất, các tài liệu nghiên cứu này muốn chỉ ra nguồn gốc của dấu câu và lí do sử dụng dấu câu, giúp người đọc nhận rõ hơn vai trò của dấu câu trong việc khôi phục tính mạch lạc của ngôn ngữ viết tương đương với ngôn ngữ nói. Các tài liệu nghiên cứu cơ sở của việc dùng dấu câu là những gợi ý đối với việc xác định con đường, cách thức thuận tiện nhất để hướng dẫn học sinh nhận biết các chức năng, công dụng của dấu câu, cách tiếp nhận và cách dùng dấu câu khi tạo lập văn bản.

Bộ sách giáo khoa, Sách giáo viên Tiếng Việt ở Tiểu học đã định hướng về nội dung và phương pháp dạy học dấu câu với hệ thống bài tập phong phú giúp giáo viên và học sinh nghiên cứu cơ sở sử dụng dấu câu, tạo điều kiện để đổi mới phương pháp dạy học dấu câu song vẫn cần có những hướng dẫn cụ thể hơn về cách thực hiện đối với giáo viên.

Các công trình nghiên cứu trên đã đề cập về vai trò, chức năng, công dụng của dấu câu Tiếng Việt. Các công trình nghiên cứu trên cũng là cơ sở khoa học rất quan trọng để chúng tôi thực hiện đề tài.

Tuy nhiên chưa có một công trình nghiên cứu nào nghiên cứu về ***“Biện pháp dạy học dấu câu cho học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Thị trấn huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La”***. Vì vậy đây vẫn là “miền đất trống” cần khám phá, nhằm tìm ra các biện pháp dạy học Tiếng Việt nói chung và dấu câu nói riêng hiệu quả hơn góp phần nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho học sinh.

3. MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

3.1. Mục đích

Đề tài luận văn tập trung nghiên cứu thực trạng dạy học dấu câu của Trường Tiểu học Thị trấn huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La. Nhằm tìm ra biện pháp dạy học dấu câu, phát huy những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế của phương pháp dạy học dấu câu đang thực hiện, nhằm từng bước nâng cao chất lượng dạy học dấu câu hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu cơ sở lí thuyết về dấu câu tiếng Việt
- Nghiên cứu chương trình dạy học dấu câu tiếng Việt chủ yếu qua phân môn Luyện từ và câu lớp 2)
- Tìm hiểu cơ sở lí luận và thực tiễn của việc dạy học dấu câu ở lớp 2 Trường tiểu học Thị trấn huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La.
- Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học dấu câu cho học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Thị trấn huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La.
- Thử nghiệm sư phạm (Thiết kế thử nghiệm)

4. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài luận văn tập trung nghiên cứu thực trạng và biện pháp dạy học dấu câu cho học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Thị trấn huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La.

Ngoài ra những những cơ sở lí thuyết từ các tài liệu tham khảo cũng là đối tượng nghiên cứu của đề tài.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu một số vấn đề về cơ sở lí luận có liên quan và yếu tố có ảnh hưởng đến quá trình dạy học dấu câu cho học sinh tiểu học nói chung và học sinh tiểu học lớp 2 ở Trường Tiểu học Thị trấn huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La.

Do điều kiện thời gian, luận văn tập trung nghiên cứu một số biện pháp dạy học dấu câu cho học sinh tiểu học thông qua phân môn Luyện từ và câu.

Luận văn chỉ tập trung tìm hiểu, điều tra thực trạng phương pháp dạy học dấu câu cho học sinh tiểu học học lớp 2 ở Trường Tiểu học Thị trấn huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La

- Giáo viên: Dự giờ, phiếu hỏi

- Học sinh: Làm bài kiểm tra

Từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học dấu câu cho học sinh và tiến hành thử nghiệm trên lớp 2A1 và 2A2 ở Trường Tiểu học Thị trấn huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La.

5. GIẢI THUYẾT KHOA HỌC

Chúng tôi giả định hiện nay việc dạy học dấu câu ở trường tiểu học Thị trấn chưa tốt, còn gặp nhiều khó khăn cần tìm biện pháp khắc phục. Nếu xây dựng được các biện pháp dạy học dấu câu xuất phát từ đặc điểm lứa tuổi học sinh tiểu học, từ lí luận dạy học hiện đại theo hướng tăng cường thực hành, luyện tập để học sinh được luyện tập thường xuyên, liên tục thì chất lượng dạy học dấu câu ở nhà trường tiểu học sẽ có hiệu quả hơn, khắc phục được tình trạng sử dụng dấu câu mắc nhiều sai sót như hiện nay, sớm hình thành ở các em ý thức cũng như khả năng hiểu và sử dụng đúng dấu câu khi tiếp nhận và tạo lập văn bản.

6. ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN VĂN

Khi nghiên cứu đề tài này tác giả mong muốn đề tài sẽ đóng góp được những kết quả nghiên cứu sau đây:

- Phân tích thực trạng sử dụng dấu câu của học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Thị trấn huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La, xác định nguyên nhân của thực trạng đó, đánh giá việc sử dụng dấu câu có ảnh hưởng trực tiếp đến việc học tập dấu câu của học sinh.

- Xây dựng cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn của biện pháp dạy học dấu câu cho học sinh lớp 2. Đó là kết quả vận dụng lí luận ngôn ngữ học, tâm lí học lứa tuổi, lí luận dạy học tiếng mẹ đẻ... và kết quả của sự khảo sát thực tiễn dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học hiện nay.

- Chúng tôi xin đề xuất biện pháp dạy học dấu câu hiệu quả hơn trên cơ sở nắm bắt thực tiễn dạy học dấu câu ở trường tiểu học, trên cơ sở nghiên cứu lí luận tâm lí học, giáo dục học, ngôn ngữ học, phương pháp dạy học,... nhằm nâng cao chất lượng dạy học dấu câu trong nhà trường tiểu học trong những năm học tới. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ hỗ trợ cho người giáo viên trong việc nâng cao hiệu quả dạy học dấu câu cho học sinh tiểu học.

7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để thực hiện luận văn này, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp nghiên cứu lí thuyết:

Đọc tài liệu liên quan, phân tích tài liệu, tổng hợp, khái quát hóa các thông tin liên quan làm cơ sở lí luận cho luận văn.

- Phương pháp nghiên cứu thực tiễn:

+ Thống kê, khảo sát thực tiễn bằng cách dự giờ, trao đổi, dùng phiếu điều tra nhằm củng cố cơ sở thực tiễn của luận văn.

+ So sánh, tổng hợp lí thuyết và thực tiễn để khái quát, rút ra kết luận, đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả dạy học dấu câu cho học sinh tiểu học.

+ Phương pháp thực nghiệm, đối chứng: nhằm xác minh tính khả thi của các phương án đề xuất trong luận văn....

8. CẤU TRÚC LUẬN VĂN

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, tài liệu tham khảo và nguồn ngữ liệu, cấu trúc của luận văn gồm 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc dạy học dấu câu ở Tiểu học.

Chương 2: Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học dấu câu cho học sinh lớp 2

Chương 3: Thiết kế và thể nghiệm sư phạm

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC DẠY HỌC DẤU CÂU Ở TIỂU HỌC

1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1.1. Khái niệm về dấu câu

Có rất nhiều quan niệm khác nhau về dấu câu. Theo Đinh Trọng Lạc, “Trong chữ viết các dấu câu làm kí hiệu để đánh dấu các yếu tố thuộc về ngữ điệu hoặc dùng để diễn tả các sắc thái khác nhau trong tình cảm, thái độ của người viết hoặc để đánh dấu các loại câu có mục đích khác nhau” [20]. Theo cách hiểu này, dấu câu góp phần vào việc thể hiện ngữ điệu, sắc thái tình cảm của lời nói và mục đích của câu nói. Bàn về dấu câu, tác giả Lê A và Đinh Thanh Huệ lại nhấn mạnh vai trò quan trọng của dấu câu trong việc thể hiện cấu trúc ngữ pháp của câu: “Dấu câu là một trong những phương tiện ngữ pháp (thay cho ngữ điệu khi nói). Nó có tác dụng làm cho nội dung của câu văn mạch lạc, khúc chiết, ngăn cách các thành phần trong cấu tạo câu” [1]. Tập hợp các tài liệu nghiên cứu về dấu câu, chúng tôi cho rằng quan niệm về dấu câu trong cuốn *Ngữ pháp tiếng Việt* do Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam biên soạn và định nghĩa về dấu câu trong *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học* tuy chưa thật ngắn gọn xong cụ thể và đầy đủ hơn: “Dấu câu là phương tiện ngữ pháp dùng trong chữ viết. Tác dụng của nó là làm rõ trên mặt chữ viết một cấu tạo ngữ pháp, bằng cách chỉ ranh giới giữa các câu, giữa các thành phần của câu đơn, giữa các vế của câu ghép, giữa các yếu tố của ngữ liên hợp. Nói chung nó thể hiện ngữ điệu lên trên câu văn, câu thơ. Cho nên, có trường hợp nó không phải chỉ là một phương tiện ngữ pháp, mà còn là phương tiện để biểu thị những sắc thái tế nhị về nghĩa của câu, về tư tưởng, về tình cảm, thái độ của người viết” [30, tr 225]. “Dấu câu là các kí hiệu đồ hình được dùng trong ngôn ngữ viết để chỉ ra sự ngắt đoạn, đồng thời để truyền đạt các đặc trưng của phân đoạn cú pháp - ý nghĩa mà không thể biểu thị bằng các phương tiện hình thái hoặc bằng trật tự từ. Dấu câu còn hỗ trợ cho việc thể hiện cấu trúc cú pháp và tiết tấu, âm điệu của lời nói.”[30, tr 73].

Các ý kiến nêu trên đều giống nhau ở những điểm cơ bản sau:

- Dấu câu là kí hiệu dùng trong văn viết.
- Dấu câu có chức năng rất quan trọng trong việc tạo câu và biểu hiện ý nghĩa, ngữ điệu của câu.
- Quy tắc sử dụng dấu câu dựa trên cơ sở mục đích nói năng, cấu tạo ngữ pháp, ngữ điệu, quan hệ ý nghĩa giữa các phần trong câu.

1.1.2. Phân loại dấu câu

1.1.2.1. Cơ sở phân loại

Trong giao tiếp bằng lời nói, để biểu đạt rõ ràng, mạch lạc điều muốn nói, ngoài việc dùng từ, đặt câu chính xác, người nói cần phải biết ngừng nghỉ, lên xuống giọng phù hợp với nội dung biểu đạt. Trong văn bản viết, yêu cầu trên sẽ được thể hiện qua việc dùng dấu câu.

Dấu câu trong văn bản viết rất phong phú: dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm than, chấm hỏi, chấm phẩy, dấu gạch ngang, dấu chấm lửng, dấu ngoặc đơn, ngoặc kép, dấu hai chấm... Mỗi dấu câu có một vị trí và chức năng riêng trong câu. Ví dụ:

- + Dấu chấm: dùng để đặt cuối câu trần thuật.
- + Dấu phẩy: dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của câu.
- + Dấu ngoặc đơn: Dùng để đánh dấu phần có chức năng chú thích
- + Dấu hai chấm: dùng để đánh dấu phần bổ sung; giải thích, thuyết minh cho một phần trước đó, hoặc đánh dấu lời dẫn trực tiếp hay lời đối thoại.

Với từng công dụng và chức năng riêng, trong văn bản viết, các dấu câu cần được dùng đúng chỗ và đúng mục đích diễn đạt. Khi ấy, nội dung ý nghĩa của câu văn sẽ được biểu đạt rõ ràng, mạch lạc, trong sáng hơn. Sẽ rất khó tiếp nhận một văn bản nếu thiếu đi những dấu câu, bởi ta sẽ không phân biệt được các vế câu, các thành phần câu, các mối quan hệ ngữ pháp trong câu, và do đó sẽ không hiểu đúng được thông tin mà văn bản thông báo.

1.1.2.2. Các loại dấu câu

Dấu câu là phương tiện ngữ pháp dùng trong chữ viết. Trong văn bản dấu câu có tác dụng làm rõ trên mặt chữ viết một cấu tạo ngữ pháp, nó chỉ ra

ranh giới giữa các câu, giữa các thành phần của câu đơn, giữa các vế của câu ghép, giữa các yếu tố của ngữ và của liên hợp. Nói chung, dấu câu thể hiện ngữ điệu lên trên câu văn, câu thơ. Cho nên, có trường hợp dấu câu không phải chỉ là một phương tiện ngữ pháp, mà còn là phương tiện để biểu thị những sắc thái tế nhị về nghĩa của câu, về tư tưởng, về cả tình cảm, thái độ của người viết. Dấu câu dùng thích hợp thì bài viết được người đọc hiểu rõ hơn, nhanh hơn. Không dùng dấu câu, có thể gây ra hiểu lầm. Có trường hợp vì dùng sai dấu câu mà thành ra sai ngữ pháp, sai nghĩa. Ví dụ:

Chú lính bước vào đầu chú. Đội chiếc mũ sắt dưới chân. Đi đôi giày da trên chân lấm tẩm mồ hôi.

Đoạn văn đúng sẽ là:

Chú lính bước vào. Đầu chú đội chiếc mũ sắt. Dưới chân đi đôi giày da. Trên chân lấm tẩm mồ hôi.

(Tiếng Việt 3 - Tập 1)

Bộ dấu câu của các ngôn ngữ không hoàn toàn giống nhau cả về số lượng và chức năng của dấu câu. Trong Tiếng Việt hiện có 10 dấu câu được viết như sau:

STT	Tên gọi	Cách viết
1	Dấu chấm	.
2	Dấu chấm hỏi	?
3	Dấu chấm than	!
4	Dấu phẩy	,
5	Dấu chấm phẩy	;
6	Dấu hai chấm	:
7	Dấu ngoặc đơn	()
8	Dấu ngoặc kép	“ ”
9	Dấu gạch ngang	-
10	Dấu chấm lửng	...

Cùng với ngôn từ và cả 10 dấu câu này đã giúp cho người viết trình bày một cách mạch lạc mọi suy nghĩ, cảm xúc của mình bằng chữ viết.

1.1.3. Vai trò của dấu câu tiếng Việt

1.1.3.1. Dấu câu và mục đích nói của câu

Để thực hiện một mục đích phát ngôn, người ta thường dùng một cấu trúc cú pháp đặc trưng với những phương tiện ngôn ngữ riêng biệt như: tiểu từ, phụ từ, phụ tố, trật tự từ, ngữ điệu, hiện tượng tỉnh lược, v.v. Nghĩa là có một mối tương quan khá đều đặn giữa hình thức của câu và mục đích sử dụng nó. Trong ngôn ngữ nào cũng có hiện tượng một hình thức câu được sử dụng nhằm thực hiện nhiều mục đích phát ngôn khác nhau và một mục đích phát ngôn có thể được thực hiện thông qua nhiều hình thức câu khác nhau. Có những trường hợp việc sử dụng một hình thức câu nào đó lại nhằm thực hiện một mục đích phát ngôn vốn thường được thực hiện thông qua một hình thức câu khác. Ví dụ: cùng là một cấu trúc câu "Mẹ đã về" nhưng có thể nói theo những mục đích khác nhau và khi thể hiện trên chữ viết, phải sử dụng những dấu câu khác nhau:

- Thể hiện sự vui mừng: *Mẹ đã về!*
- Thể hiện sự hồ nghi: *Mẹ đã về?*
- Thể hiện sự thông báo: *Mẹ đã về.*

Khi nói, người nghe có thể nhận biết sự khác nhau về mục đích nói, về nội dung thông tin, nội dung biểu cảm của ba phát ngôn nói trên nhờ ngữ điệu, vẻ mặt hay điệu bộ, cử chỉ. Song trên chữ viết, người ta chỉ có thể nhận ra sự khác nhau của ba câu này nhờ vào dấu câu. Cùng là các dấu đứng ở cuối câu, nhưng theo quy ước chung trong tiếng Việt hiện nay thì dấu chấm được đặt ở cuối câu kể, dấu hỏi được đặt ở cuối câu hỏi, và dấu cảm được đặt ở cuối câu cảm và câu cầu khiến. Như vậy, "cách dùng riêng của ba dấu này phụ thuộc vào mục đích nói của câu; thay thế dấu này bằng dấu khác sẽ làm thay đổi ý nghĩa của câu." [26, tr. 217]

Hiện nay, hiện tượng học sinh sử dụng dấu câu thiếu chính xác một phần cũng do các em chưa xác định được rạch ròi mục đích nói của câu. Ví dụ, khi viết câu có mục đích cầu khiến như sau: "*Cô làm ơn chỉ giúp cháu nhà chú Hùng ở đâu ạ.*", học sinh thường sử dụng dấu chấm hỏi cuối câu mà không biết mình đã dùng sai dấu câu. Các em sẽ viết các câu cầu khiến kiểu đó như sau:

- *Chú làm ơn chỉ giúp cháu phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Bắc Yên ở chỗ nào ạ?*

- *Bạn hãy nói cho tớ biết bạn Nga lớp mình ốm thế nào?*

- *Cậu hỏi cô giáo xem thứ hai lớp mình có phải đi lao động không?*

Nguyên nhân của việc nhầm lẫn kể trên là do các em chưa phân biệt được sự khác nhau của câu có mục đích cầu khiến với câu có mục đích nghi vấn. Do vậy, để giúp học sinh tiểu học sử dụng đúng dấu câu, việc dạy học dấu câu không thể không căn cứ vào mục đích nói của câu.

1.1.3.2. Dấu câu và ngữ điệu của câu

Dấu câu là kí hiệu chữ viết để biểu thị ngữ điệu khác nhau. Những ngữ điệu này lại biểu thị những quan hệ ngữ pháp khác nhau và những mục đích nói khác nhau. Dấu câu góp phần thể hiện tiết tấu, âm điệu, ngữ điệu lời nói khi biểu đạt bằng chữ viết. Với người đọc, dấu câu không chỉ có tác dụng làm sáng rõ ý nghĩa ngữ pháp và nội dung thông tin của câu trong văn bản mà nó còn được dùng để ghi lại ngữ điệu của câu, là kí hiệu hướng dẫn cách thay đổi cao độ, tốc độ, nhịp điệu của các câu trong văn bản khi đọc và làm cho văn bản trở nên dễ hiểu hơn. Chẳng hạn, dấu chấm ghi lại chỗ ngắt giọng hơi dài và hạ giọng; dấu phẩy ghi lại chỗ ngắt giọng ngắn hơn một chút và thường là hơi lên giọng; dấu chấm lửng là chỗ sự ngắt giọng có thể kéo dài,... Người đọc, dù chỉ đọc văn bản bằng mắt thì họ vẫn có thể tưởng tượng được giọng nói, những quãng ngắt giọng sự lên giọng hay xuống giọng (ngữ điệu)... của từng câu. Có được điều này một phần là nhờ vào hệ thống dấu câu. Trong đời

sống giao tiếp chúng ta thường đọc bằng mắt hoặc đọc lướt là chủ yếu. Mặt khác, giữa văn nói và văn viết có sự khác biệt lớn. Lúc nói, đôi khi người ta không nghỉ hơi giữa các câu. Ví dụ, khi hùng biện người ta không ngắt câu hay dừng lại nhiều nhằm mục đích để người nghe chú ý. Như thế, nếu cứ tuân thủ quy tắc trên một cách máy móc, chúng sẽ gặp rắc rối trong thực tế. Dạy dấu câu cần khai thác vai trò của ngữ điệu trong việc giúp học sinh nhận biết chức năng của dấu câu song cũng cần tính đến những trường hợp ngoại lệ.

Theo Phêđôrenkô: Kỹ xảo phát âm ở hầu hết mọi người không tự nó phát triển và cũng không xuất hiện cùng với sự trưởng thành của cơ thể. Để dạy cho học sinh ngôn ngữ dạng viết, điều quan trọng và có hiệu quả đối với giáo viên chính là khả năng chuyển từ ngôn ngữ viết sang ngôn ngữ nói và ngược lại. Do vậy, cần phải rèn luyện cơ quan cấu âm để hoàn thiện kỹ xảo phát âm vốn là một quy luật lĩnh hội tiếng mẹ đẻ. Mối quan hệ qua lại giữa cách phát âm và cách viết mang tính biện chứng. Trong nhiều trường hợp, câu văn trong văn bản có sự tương ứng giữa ngữ điệu và dấu câu. Quan sát 3 câu dưới đây:

- *Hùng ơi đợi tớ.*
- *Hùng ơi, đợi tớ tí.*
- *Hùng ơi! đợi tớ nhé!*

Câu chữ và nội dung thông tin của 3 câu như nhau song cách sử dụng dấu câu khác nhau là căn cứ vào ngữ điệu của người nói. Theo đó, cấu tạo ngữ pháp của câu cũng thay đổi. Các yếu tố thuộc về ngữ điệu bao gồm: cường độ giọng nói lúc phát âm, thanh điệu, cao độ, tốc độ và nhịp độ lời nói... Ngữ điệu là đối tượng rất quan trọng của việc lĩnh hội tiếng mẹ đẻ. Trẻ em lĩnh hội từng hình vị mới không có cách nào khác là lĩnh hội cách phát âm của chính thể âm thanh tạo nên hình vị đó và tập phát âm chúng một cách thành thạo. Bởi vậy, khi dạy lời nói ở dạng viết, điều quan trọng là phải giúp

học sinh nắm được mối liên hệ giữa các âm vị, ngữ điệu với chữ cái và những dấu hiệu biểu thị khác, trong đó có hệ thống các dấu câu. Luyện đọc diễn cảm là học cách nhấn âm, phân biệt giá trị các chỗ ngắt, uốn cong ngữ điệu... Đó là một bằng chứng tỏ người đọc đã hiểu rõ văn bản viết. Phêđôrenkô cũng đã nhấn mạnh: "Việc đối chiếu lời nói miệng với lời nói viết lại càng quan trọng hơn khi nghiên cứu các quy tắc dấu câu - loại quy tắc phụ thuộc rất nhiều vào ngữ điệu..."[23 tr. 95].

1.1.3.3. Dấu câu và kết cấu ngữ pháp của câu

Dấu câu là phương tiện ngữ pháp dùng trong chữ viết. Tác dụng của nó là làm rõ trên mặt chữ viết một cấu tạo ngữ pháp, bằng cách chỉ ranh giới giữa các câu, giữa các thành phần của câu đơn, giữa các vế của câu ghép, giữa các yếu tố của ngữ và của liên hợp. Nói chung, nó thể hiện ngữ điệu lên trên câu văn, câu thơ. Cho nên, có trường hợp nó không phải chỉ là một phương tiện ngữ pháp, mà còn là phương tiện để biểu thị những sắc thái tế nhị về nghĩa của câu, về tư tưởng, về cả tình cảm, thái độ của người viết.

Theo tác giả Lý Toàn Thắng “ Khi chuẩn mực hóa cách dùng dấu câu lại không thể căn cứ chủ yếu vào ngữ điệu. Ngữ điệu về cơ bản là một phương tiện thể hiện cấu trúc cú pháp của câu, nó không tồn tại độc lập đối với cấu tạo cú pháp ấy. So với cấu tạo cú pháp, ngữ điệu không ổn định mà mang nhiều tính chất cá nhân. Do đó, nếu dựa chủ yếu vào nó thì không thể xác định những quy tắc dùng dấu câu thống nhất và vững chắc” [26]. Như vậy, cần dựa vào cấu tạo ngữ pháp để dùng dấu câu, hay nói cách khác, dấu câu còn được sử dụng để làm rõ cấu trúc cú pháp của câu: phân biệt câu này với câu khác, giữa phần này với phần khác trong câu... Về mặt nguyên tắc, có thể đặt dấu câu ở các vị trí: cuối câu, giữa câu, đầu câu, hai đầu của câu của ngữ đoạn (dấu ngoặc kép, ngoặc đơn). Các dấu có thể xuất hiện ở các vị trí như: giữa chủ ngữ và vị ngữ, giữa trạng ngữ hoặc các phần phụ khác với nòng cốt

câu, giữa các vế của câu ghép, giữa phần được nhấn mạnh và phần không được nhấn mạnh trong câu... Dấu câu làm cho cấu trúc cú pháp của lời nói được rõ ràng, tiện lợi cho việc hiểu nội dung văn bản; dấu câu giúp phân định ranh giới giữa các câu, các thành phần câu... với nhau.

Khi bàn về những cơ sở của việc dùng dấu câu trong tiếng Việt [26], tác giả Lý Toàn Thắng đã nêu các chức năng cú pháp chính của dấu phẩy là:

1. Dấu phẩy để chỉ ranh giới giữa bộ phận nòng cốt và các thành phần ngoài nòng cốt của câu. Thành phần ngoài nòng cốt có thể là: trạng ngữ, hô ngữ, chuyển tiếp ngữ, đề ngữ, dùng để phân cách các thành phần đồng chức năng, thành phần được giải thích.

2. Giữa chủ ngữ và vị ngữ nói chung không cần dấu phẩy, chỉ dùng dấu phẩy khi bộ phận chủ ngữ kéo dài.

3. Dấu phẩy dùng để ngăn cách các thành phần đẳng lập trong câu đơn và các vế trong câu ghép đẳng lập.

Cấu tạo cú pháp của câu chính là một cơ sở mang tính khách quan của việc sử dụng dấu câu khi tạo lập văn bản. Tuy nhiên, đối với học sinh mới bước vào tiểu học, không thể ngay lập tức yêu cầu các em phải nhận biết cấu tạo ngữ pháp của câu vì đây là một vấn đề không dễ. Trẻ em khi viết một đoạn văn mà không sử dụng dấu câu, các em cũng không cảm thấy có vấn đề gì khi đọc thành tiếng đoạn viết của mình, các em sẽ tự biết phải đọc như thế nào, phải ngắt hơi ở đâu. Song phải đọc một đoạn viết của người khác, hẳn các em không tránh khỏi lúng túng nếu không hiểu cơ sở ngữ pháp của việc sử dụng dấu câu cũng như chức năng ngữ pháp của các thành phần câu.

Khả năng tiếp thu cách đặt dấu câu của học sinh còn thể hiện qua khả năng sử dụng các cấu trúc câu mà ở đó việc ngắt câu là rất cần thiết. Do đó, chúng ta dạy viết hoa, dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than cho học sinh đã viết được câu kể, câu hỏi và câu cảm thán. Tương tự, chúng ta dạy cách

ngắt lời, cách sử dụng dấu gạch đầu dòng... cho trẻ đã hiểu và viết được những mẫu đối thoại. Mọi bài học về dấu câu dựa vào cơ sở ngữ pháp ở bậc Tiểu học chỉ nên tiến hành dựa vào trực quan. Khả năng trực quan này đã được hình thành ở học sinh nhờ quá trình sử dụng tiếng mẹ đẻ trong nói năng giao tiếp hàng ngày. Do vậy, cách dạy các bài ngữ pháp phải cụ thể. Người giáo viên phải xuất phát từ những văn bản đặt trước mắt học sinh để dẫn dắt các em sắp xếp được các ngôn từ ứng với chức năng ngữ pháp của chúng... dựa vào việc thực hành hoạt động ngôn ngữ nói hay viết.

1.1.3.4. Dấu câu và ngữ nghĩa của câu

Trong giao tiếp bằng lời nói, để biểu đạt rõ ràng, mạch lạc điều muốn nói, ngoài việc dùng từ, đặt câu chính xác, người nói cần phải biết ngừng nghỉ, lên xuống giọng phù hợp với nội dung biểu đạt. Trong văn bản viết, yêu cầu trên sẽ được thể hiện qua việc dùng dấu câu.

Trên thực tế, dấu câu được sử dụng khá linh hoạt, có thể sử dụng các dấu câu theo lối thông thường hoặc tạo ra các kết hợp giữa một số dấu câu tạo thành những dạng đặc biệt như: ...!!! ...???. Trong trường hợp này, dấu câu không chỉ là hình thức ngắt đoạn mà còn là hình thức biểu thị những trạng thái tình cảm khác nhau để chê bai, nghi ngờ một cách hay hơn, tinh tế hơn. Dấu câu giúp người viết biểu đạt nội dung văn bản một cách chính xác, mạch lạc. Khi ta thay đổi cách đánh dấu câu trên cùng một câu văn (tương ứng với cách ngắt câu khi đọc, khi nói) sẽ làm thay đổi nội dung thông tin hoặc nội dung biểu cảm của câu đó. Theo tác giả Lý Toàn Thắng “ngoài hai cơ sở cấu tạo cú pháp và ngữ điệu, những quy ước chung của xã hội về cách dùng dấu câu còn dựa vào quan hệ ý nghĩa (logic) giữa các phần trong câu. Cấu tạo cú pháp và ngữ điệu mới chỉ cho phép xác định được vị trí đặt dấu câu và nhóm những dấu câu đặt ở vị trí đó. Còn việc lựa chọn một dấu câu cụ thể trong nhóm những dấu câu đó – nghĩa là công việc thứ hai phải làm khi dùng các

dấu câu – là do nhân tố ý nghĩa của câu quyết định.” [26,tr. 216]. Đúng vậy, trong nhiều tình huống giao tiếp bằng chữ viết, ở cả ngôn ngữ biến hình và không biến hình, dấu câu có khả năng quy định cách hiểu nội dung của câu, đoạn, văn bản. Ví dụ, cùng một chuỗi từ ngữ giống hệt nhau song chúng lại truyền đạt những nội dung thông tin khác nhau:

- a. - *Đêm hôm qua, cầu gãy.*
 - *Đêm hôm, qua cầu gãy* [22]
- b. - *Chị ta hỏi nó làm gì?*
 - *Chị ta hỏi: “Nó làm gì?”*
 - *Chị ta hỏi nó: “Làm gì?”*[26]

Sự khác nhau về nội dung thông tin trong các câu nói trên tùy thuộc vào dấu câu và vị trí đặt dấu câu. Như vậy, khi biểu đạt điều muốn nói bằng chữ viết, người viết không thể không chú ý đến việc lựa chọn và sử dụng dấu câu để văn bản đạt hiệu quả giao tiếp như mong muốn. Quan hệ ý nghĩa giữa các phần trong câu hoặc mục đích diễn đạt của câu giúp người viết lựa chọn dấu câu thích hợp. Nội dung của câu là cơ sở quan trọng để sử dụng dấu câu và đó cũng là căn cứ quan trọng để dạy dấu câu. Có thể đánh giá khả năng tiếp thu cách đặt dấu câu của học sinh qua khả năng diễn đạt nội dung thông tin trong lời văn của các em. Khi trẻ học nói, trẻ phải nhớ được cần phải nói như thế nào. Việc ghi nhớ xảy ra một cách tự phát trong quá trình bắt chước lời nói của những người xung quanh. Kết quả là cảm quan ngôn ngữ (sự nhạy cảm ngôn ngữ) được hình thành. Cảm quan ngôn ngữ được thể hiện ở việc con người ta có thể hiểu các từ ngữ của tiếng mẹ đẻ ngay cả khi chưa được giải thích, thậm chí không có cảm giác khi mới nghe từ ngữ đó lần đầu tiên trong đời. Vì thế, dạy tiếng mẹ đẻ phải chú ý phát triển sự nhạy cảm ngôn ngữ của học sinh. Việc dạy học dấu câu cũng không nằm ngoài nguyên tắc đó.

Trên thực tế, qua khảo sát các bài làm văn của học sinh, chúng tôi nhận thấy bài nào diễn đạt ý yếu kém thì cũng mắc nhiều lỗi về dấu câu. Bởi vậy, việc dạy học dấu câu nên bắt đầu từ việc dạy cho học sinh biết cách trình bày lưu loát bằng lời những suy nghĩ, nhận thức, tình cảm... của mình. Dạy học dấu câu không thể tách rời việc dạy nghĩa của từ, mở rộng vốn từ, vốn hiểu biết, nâng cao khả năng dùng từ đặt câu, viết đoạn, viết bài... của các em. Việc phát triển khả năng diễn đạt của trẻ sẽ phải luôn luôn đi trước một bước việc dạy cách đặt dấu câu. Do đó, việc dạy học dấu câu ở tiểu học gắn chặt với việc phát triển tư duy và nâng cao khả năng diễn đạt cho học sinh.

1.1.3.5. Dấu câu và các phương tiện, biện pháp tu từ

Dấu câu là một trong những phương tiện quan trọng giúp người viết thể hiện điều muốn trình bày một cách mạch lạc, chính xác nhất. Không chỉ sử dụng đúng dấu câu, cần vận dụng sáng tạo đa dạng, độc đáo để biểu đạt cảm xúc, đem lại giá trị mới mẻ cho mỗi loại dấu câu.

Với từng công dụng và chức năng riêng, trong văn bản viết, các dấu câu cần được dùng đúng chỗ và đúng mục đích diễn đạt. Khi ấy, nội dung ý nghĩa của câu văn sẽ được biểu đạt rõ ràng, mạch lạc, trong sáng hơn. Sẽ rất khó tiếp nhận một văn bản nếu thiếu đi những dấu câu, bởi ta sẽ không phân biệt được các vế câu, các thành phần câu, các mối quan hệ ngữ pháp trong câu, và do đó sẽ không hiểu đúng được thông tin mà văn bản thông báo.

Việc sử dụng dấu câu vừa có cơ sở khách quan vừa mang tính chủ quan. Các quy tắc sử dụng dấu câu giúp người viết xác định vị trí đặt dấu câu và lựa chọn dấu câu thích hợp cho câu văn khi đặt bút viết. Song trên thực tế, đặc biệt trong các tác phẩm văn chương, dấu câu được sử dụng khá linh hoạt. Các tác giả có thể sử dụng các dấu câu theo lối thông thường hoặc tạo ra các kết hợp giữa một số dấu câu tạo thành những dạng đặc biệt như: dấu !!!; dấu ???; dấu ...?; dấu ...!; dấu !?!; v.v... Trong các trường hợp đó, dấu câu không

chỉ là hình thức ngắt đoạn lời nói mà còn là hình thức biểu thị những trạng thái tình cảm khác nhau: sự bình giá, chê bai, cổ vũ, khuyến khích, nghi hoặc, đồng tình, phản đối..., hoặc biểu thị đồng thời nhiều trạng thái tình cảm đó. Theo tác giả Lý Toàn Thắng “ Người viết dùng dấu câu không phải chỉ để giúp cho việc diễn đạt những tư tưởng và cảm xúc trong bài văn thêm chính xác mà còn để việc diễn đạt ấy được hay hơn, sinh động hơn và tinh tế hơn. Do đó chuẩn mực dùng dấu câu không thể chỉ là những quy tắc cũng nhắc mà phải là những quy tắc có thể cho phép sự linh hoạt, sáng tạo” [26].

Dấu câu xuất hiện trong văn bản với tư cách là một phương tiện tu từ sẽ mang lại một hiệu quả biểu đạt mới mẻ cho ngôn ngữ viết. Khi viết văn bản, để giúp người đọc hình dung được sự lên giọng, xuống giọng, nhấn giọng... ở từ ngữ nào đó, người viết thường phải dùng lời lẽ để miêu tả hoặc thuyết minh. Có nhiều trường hợp nhờ sử dụng dấu câu sáng tạo, tác giả đã chuyển tải được lượng thông tin phong phú trong một lượng ngôn từ hạn hẹp, bớt được những lời miêu tả, diễn giải chi tiết, làm tăng tính hàm súc của lời văn, mang lại giá trị nghệ thuật riêng cho văn bản. Trong cuốn *Máy vấn đề Việt ngữ học và ngôn ngữ học đại cương*, theo tác giả Lý Toàn Thắng, dấu câu thường được dùng với mục đích tu từ trong hai trường hợp sau:

- Dùng dấu câu khác thay cho dấu câu được dùng theo quy định thông thường.
- Đặt thêm dấu câu ở những chỗ mà theo quy định thông thường không cần thiết phải đặt, cụ thể là: giữa chủ ngữ và vị ngữ; giữa động từ và bổ ngữ; trước từ nối liên kết các phần trong câu.

Trong nhiều trường hợp, dấu câu cũng góp phần thể hiện nhịp điệu, tiết tấu đa dạng của các câu, đoạn trong văn bản. So sánh cách chấm câu của đoạn văn dưới đây ở hai bản in khác nhau:

“Éch ôm ộp. Cóc kèng kẹc. Chẫu chàng chẳng chuộc. Éch Ương uôm oap. Bọn có càng thì khua càng gõ mõ. Âm cả lên.”

và:

“Éch ôm ộp, Cóc kèng kẹc, Châu chàng chẳng chuộc, Éch Ương uôm oạp. Bọn có càng thì khua càng gõ mõ. Âm cả lên.”(Tô Hoài)

Trong bản in thứ nhất, bên cạnh liệt kê các con vật cùng các âm thanh đa dạng của mỗi loài, tác giả đã sử dụng câu ngắn với các dấu chấm tách câu liên tục làm cho số lượng câu tăng lên, tạo cảm giác về sự đông đảo của các loài tham gia “viện binh” cho Dế Mèn. Bản in thứ hai đã chuyển các dấu chấm của đoạn văn thành các dấu phẩy, cảm giác đó sẽ không còn chọn vẹn nữa.

Như vậy, trong đoạn văn trên nếu đọc lên thành tiếng sẽ không dễ nhận ra giá trị biểu đạt tinh tế của dấu câu như đọc văn bản bằng mắt. Trong những trường hợp như vậy, dấu câu thực sự là một phương tiện tu từ văn bản. Đôi khi dấu câu còn có khả năng tạo ra cấu trúc đặc biệt cho câu văn, câu thơ.

Trên đây chỉ là một số trong rất nhiều trường hợp dấu câu có khả năng tạo ra sức mạnh biểu đạt riêng cho ngôn ngữ viết. Trong tác phẩm văn học, các tác giả luôn có những sáng tạo đa dạng, độc đáo trong việc sử dụng dấu câu biểu đạt tư tưởng, trạng thái cảm xúc của người viết hoặc của đối tượng được phản ánh, đem lại những ý nghĩa, giá trị mới mẻ cho mỗi loại dấu câu. Như vậy, đối với người viết dấu câu là một trong những phương tiện quan trọng giúp người viết thể hiện được đầy đủ nhất ý tưởng, thái độ, cảm xúc, ngữ điệu... lời nói của mình chuyển đến người đọc, giúp trình bày điều muốn gửi tới người đọc một cách mạch lạc, khúc chiết, chính xác nhất. Dấu câu còn có thể giúp người viết biểu đạt lời nói một cách tinh tế, hàm xúc và có tính nghệ thuật. Đối với người đọc, dấu câu giúp cho họ hiểu đúng các nội dung của văn bản, hình dung được ngữ điệu, giọng điệu của lời nói khi chúng được ghi lại trong văn bản. Dấu câu còn giúp người đọc cảm thụ văn bản một cách tinh tế, chính xác, học hỏi được kỹ năng sử dụng dấu câu trong việc biểu đạt tư tưởng, tình cảm. Cách chấm câu sáng tạo góp phần tạo nên các câu văn hay

với những cách diễn đạt mới mẻ. Để cảm nhận được cái hay ấy, người viết và người đọc phải nhận biết được và có ý thức sử dụng các phương tiện, biện pháp tu từ đầu câu.

Tìm hiểu đầu câu trong mối quan hệ với mục đích nói của câu, với ngữ điệu, ngữ nghĩa, với kết cấu ngữ pháp và các phương tiện, biện pháp tu từ, chúng tôi có được những căn cứ khoa học để có thể đánh giá việc dạy học đầu câu đang được thực hiện trong nhà trường, xác định được nguyên nhân của việc mắc lỗi trong sử dụng đầu câu của học sinh để tìm cách khắc phục. Đó cũng là căn cứ quan trọng để chúng tôi đề xuất biện pháp dạy học đầu câu cho học sinh hiệu quả hơn.

1.1.4. Cơ sở tâm sinh lý của học sinh Tiểu học với việc học về đầu câu

1.1.4.1. Đặc điểm tri giác

Tri giác là sự phản ánh hình ảnh của sự vật và hiện tượng khách quan khi chúng tác động vào giác quan con người. Tùy theo mức độ tham gia tích cực của từng giác quan mà tri giác phân thành các loại khác nhau: tri giác hình ảnh, âm thanh, mùi vị, vận động... Tri giác là một khâu quan trọng của nhận thức cảm tính, là điều kiện quan trọng của nhận thức lí tính. Để có thể phát triển tri giác (nhằm phát triển nhận thức cho học sinh) cần tận dụng các phương tiện giáo dục trực quan, phát huy sự tham gia tích cực của tất cả các giác quan người học vào quá trình nhận thức (Các em được nhìn thấy, sờ thấy, nghe thấy, ngửi thấy,...). Các nhà nghiên cứu tâm lí đã khẳng định “Đối với học sinh tiểu học, tri giác góp phần quan trọng vào việc thu nhận kiến thức. Nhờ trực giác, học sinh tiểu học (nhất là học sinh các lớp đầu cấp) cảm nhận được tức thì mọi sự vật, mọi hiện tượng. Tuy nhiên ở học sinh tiểu học tri giác còn chung chung, mang tính chất đại thể, ít đi sâu vào chi tiết và không chủ định” [13]. Điều này đã được kiểm nghiệm qua thực tiễn. Đối với học sinh tiểu học, đặc biệt là học sinh các lớp đầu cấp kĩ năng diễn đạt bằng

lời và khả năng hiểu khái niệm còn hạn chế. Việc dạy học thông qua vật thể (các yếu tố trực quan) sẽ giúp các em nhận thức tốt hơn là việc dùng lời lẽ để giải thích các khái niệm. Trong dạy học, người giáo viên cần khai thác triệt để các yếu tố của bài học có thể “vật thể hóa” để các em cảm nhận bằng trực giác. Song dạy học dựa vào phương tiện trực quan (sự vật, hình ảnh, âm thanh...) cũng cần tính đến những trường hợp có thể gây ra hiện tượng phản tác dụng trong hoạt động nhận thức nội dung bài học. Việc lựa chọn yếu tố trực quan đòi hỏi phải vừa tạo hứng thú học tập cho sinh, vừa thu hút sự chú ý của các em vào trọng tâm bài học. Trong quá trình dạy học, dựa vào khả năng tri giác của học sinh, giáo viên tổ chức, hướng dẫn các em thực hiện tốt các hoạt động để tri giác một hoặc một số đối tượng nào đó, chỉ dẫn cho các em tập trung chú ý đến cái gì, luyện cho trẻ biết cách xác định những dấu hiệu, những thuộc tính bản chất của sự vật, hiện tượng. Lứa tuổi học sinh tiểu học có thể phân thành hai giai đoạn phát triển, giai đoạn đầu (tương ứng với lớp 1,2,3) các em tri giác còn mang tính chất ngẫu nhiên, số lượng các yếu tố tri giác được còn ít và chưa đi sâu vào bản chất. Giai đoạn sau (tương ứng với các lớp 4,5) các em đã biết xác định mục đích của việc tri giác, biết phân tích, suy luận khi tri giác. Bước đầu biết tìm tòi, khám phá bản chất của sự vật, hiện tượng và trình bày kết quả tri giác được.

Từ những đặc điểm tri giác trên, chúng ta thấy rằng, đối với việc dạy học dấu câu cho học sinh, nhất thiết người giáo viên phải biết phát huy hết khả năng tri giác (tri giác nghe, tri giác nhìn...) của các em trong việc nắm bắt các chức năng, công dụng của dấu câu chứ không thể dùng lời thuyết giảng về khái niệm dấu câu và các chức năng, công dụng của chúng. Chẳng hạn, có thể sử dụng các mô hình câu, các mẫu lời nói quen thuộc hoặc lời nói của chính học sinh để dạy học về dấu câu. Câu mẫu đưa ra để dạy dấu câu nên có độ dài (số lượng từ) vừa phải. Nếu viết câu lên bảng để phân

tích dấu câu (dạy dấu câu dựa vào thị giác của học sinh) chỉ nên viết trong một dòng để học sinh dễ nhận diện mối quan hệ của các thành phần câu gắn với chức năng, công dụng của dấu câu. Nếu đọc câu thành tiếng (dạy dấu câu dựa vào tri giác nghe), chuỗi âm thanh của phát ngôn cũng nên ngắn gọn để học sinh nhận ra mối quan hệ ý nghĩa, nội dung giữa các từ ngữ qua ngữ điệu. Lên các lớp trên độ dài của câu có thể gia tăng để phù hợp với sự phát khả năng tri giác của học sinh. Căn cứ vào đặc điểm tri giác này, chúng ta có cơ sở để xác định mức độ kiến thức và phương pháp dạy học phù hợp nhất đối với từng giai đoạn phát triển tâm lí, khả năng nhận thức của học sinh.

1.1.4.2. Đặc điểm chú ý

Duy trì sự chú ý của học sinh trong quá trình dạy học là điều rất cần thiết để đạt được mục tiêu dạy học đã đề ra. Nghiên cứu khả năng tập trung chú ý của học sinh tiểu học, các nhà tâm lí học kết luận rằng: “Sức tập trung chú ý phụ thuộc vào khối lượng vật thể được chú ý của học sinh. Cùng một lúc các em chưa chú ý được đến nhiều đối tượng” [13]. Như vậy, đối với học sinh tiểu học, không nên yêu cầu học sinh quan sát nhiều đối tượng, chú ý tới quá nhiều loại đơn vị kiến thức trong cùng một lúc mà phải cho các em tri giác từng loại đối tượng gắn với từng yêu cầu cụ thể.

Để việc học phù hợp với khả năng chú ý của học sinh tiểu học, chúng ta cần xác định được mức độ kiến thức vừa sức với lứa tuổi học sinh và trong giờ học cần tạo điều kiện tối đa để các em tham gia vào hoạt động tri giác các yếu tố trực quan. Bởi vì, ở tiểu học “sự chú ý của học sinh đối với việc thực hiện những hành động bên ngoài thường bền vững hơn sự chú ý đối với việc thực hiện các hành động trí tuệ” [15]. Điều này cho thấy, khi dạy học nói chung và dạy dấu câu nói riêng, người giáo viên cần phải đa dạng hóa đối tượng tri giác và phải phong phú cách trình bày bài học về dấu câu. Cụ thể là

giáo viên cần duy trì sự quan tâm của học sinh bằng cách sử dụng giọng nói, cử chỉ để thay đổi trọng tâm chú ý khác nhau: khi thì yêu cầu học sinh nghe câu để nhận ra chức năng của mỗi loại dấu câu, khi lại yêu cầu học sinh quan sát bằng mắt để nhận biết vị trí và chức năng ngữ pháp của dấu câu trong cấu trúc câu, lúc lại tổ chức cho các em hoạt động thực hành đặt câu, làm các bài tập về dấu câu ,... để tránh sự đều đều tẻ nhạt hoặc thay đổi liên tục cách tiếp cận của học sinh. Đó là cách hữu hiệu để duy trì sự tập trung chú ý của học sinh tiểu học đối với bài học.

Tìm hiểu sự chú ý của học sinh tiểu học giúp chúng ta xác định được các biện pháp duy trì sự tập trung chú ý của học sinh trong việc chiếm lĩnh, khám phá kiến thức nói chung và kiến thức về dấu câu nói riêng.

1.1.4.3. Đặc điểm trí nhớ

Theo tài liệu bàn về đặc điểm tâm lý học sinh tiểu học [29], “học sinh tiểu học nói chung có trí nhớ tốt. Các em có khả năng nhớ được nhiều điều, thậm chí cả những điều các em không hiểu. Ở những lớp đầu bậc học, đặc biệt ở lớp 1, ghi nhớ của các em chủ yếu vẫn là ghi nhớ không chủ định, nghĩa là các em chỉ ghi nhớ những gì các em thích. Những điều gì gây ấn tượng mạnh mẽ, gây được xúc cảm thì các em dễ nhớ và có thể nhớ lâu. Càng lên những lớp trên của bậc tiểu học, trí nhớ có chủ định càng phát triển. Năng lực ghi nhớ tăng dần. Học sinh lớp 5 ghi nhớ được số từ gấp 2 đến 3 lần học sinh lớp 1”. Học sinh tiểu học luôn ưa thích cái mới và rất sáng tạo trong hoạt động nhưng chưa có chiến lược tích lũy. Trẻ em tiếp thu nhanh nhưng khá mau quên, nếu không có hình thức nhắc lại thích hợp. Như vậy, để giúp học sinh phát huy có hiệu quả khả năng ghi nhớ của mình trong dạy học dấu câu, nội dung học tập phải được sắp xếp một cách có hệ thống, nội dung luyện tập cần có sự lặp lại ở mức độ phù hợp; giáo viên phải có phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, giúp các em huy động kiến

thức đã học vào việc chiếm lĩnh kiến thức mới. Cụ thể, trong dạy học ở tiểu học, nên vận dụng phương châm: “Trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một làm” [17].

Đối với việc dạy học dấu câu, không thể không nghiên cứu, tìm hiểu đặc điểm trí nhớ của học sinh tiểu học. Nó là căn cứ để chúng ta tìm kiếm những giải pháp tăng cường khả năng ghi nhớ kiến thức và củng cố kỹ năng sử dụng dấu câu cho học sinh. Chẳng hạn, giải pháp kết hợp củng cố kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu trong những giờ học tiếng Việt, thậm chí của các môn khác nếu có vấn đề liên quan đến việc sử dụng dấu câu; giải pháp thiết kế hệ thống bài tập hỗ trợ cho việc dạy học dấu câu trong chương trình môn Tiếng Việt; giải pháp đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập dấu câu, v.v... Các giải pháp này đều nhằm củng cố thường xuyên các kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu của học sinh, giúp các em từng bước nhận thức chắc chắn và sử dụng thành thạo các dấu câu tiếng Việt khi tiếp nhận và tạo lập văn bản.

1.1.4.4. Đặc điểm tư duy

“Tư duy là một quá trình tâm lý phản ánh những thuộc tính bản chất, những mối liên hệ và quan hệ bên trong, có tính chất quy luật của sự vật và hiện tượng trong hiện thực khách quan, mà trước đó ta chưa biết” [58]. Khả năng tư duy chính là khả năng nhận thức thế giới của con người. Khoa học tâm lý sư phạm đã nghiên cứu đặc điểm tâm lý lứa tuổi, khả năng tiếp nhận tri thức và hình thành kỹ năng ở mỗi độ tuổi khác nhau để dựa vào đó xác định những tri thức và kỹ năng cần thiết, phù hợp với đối tượng học sinh mỗi cấp bậc học và để lựa chọn những cách thức, phương pháp dạy học có hiệu quả.

Trong việc nhận thức thế giới, học sinh tiểu học chuyển dần từ nhận thức cảm tính sang tư duy trừu tượng, khái quát. Theo V. A. Krutétxki, tư

duy của học sinh tiểu học thay đổi rất nhiều trong quá trình học tập. Sự phát triển của tư duy dẫn đến sự tổ chức lại những đặc điểm tri giác và trí nhớ, chuyển từ không chủ định thành có chủ định, có điều chỉnh [19]. Càng về các lớp cuối bậc học, các em càng có khả năng “trừu xuất khỏi sự vật, hiện tượng, những thuộc tính, những dấu hiệu cụ thể, cá biệt, chỉ giữ lại những thuộc tính bản chất nhất, chung cho nhiều sự vật và hiện tượng, rồi trên cơ sở đó mà khái quát các sự vật, hiện tượng riêng lẻ khác nhau, nhưng có chung những thuộc tính bản chất thành một nhóm, một loại, một phạm trù”. Về đại thể, có thể chia toàn bộ hoạt động nhận thức của con người thành hai giai đoạn lớn: nhận thức cảm tính (cảm giác và tri giác), nhận thức lí tính (tư duy và tưởng tượng), đúng như Lênin đã tổng kết: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn - đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lí, của sự nhận thức hiện thực khách quan” [21].

Hoạt động dạy học cần phải dựa trên quy luật nhận thức và khả năng “khái quát hóa” của trẻ. Thuật ngữ “khái quát hóa” thường thấy trong các tài liệu tâm lí học, lí luận dạy học và phương pháp dạy học, “khái quát hóa” được dùng để kí hiệu nhiều khía cạnh của quá trình tiếp thu tri thức của học sinh. Các quá trình khái quát hóa được coi như là con đường cơ bản để hình thành khái niệm. Tài liệu ban đầu cho tất cả các cấp độ khái quát là các sự vật, hiện tượng đơn lẻ được tri giác một cách cảm tính. Trẻ em sẽ từ chỗ mô tả các tính chất của từng sự vật đến chỗ phát hiện và tách chúng ra trong một nhóm các sự vật tương tự. Ở đây trẻ tìm thấy và tách ra các tính chất ổn định, lặp lại của các sự vật đó.

Tìm hiểu các yếu tố tâm lí (tri giác, chú ý, trí nhớ, tư duy) của học sinh tiểu học giúp chúng ta hiểu đúng đối tượng dạy học. Từ đó có thể lựa chọn nội dung dạy học, mức độ yêu cầu, phương pháp dạy học... phù hợp với đặc điểm tâm lí lứa tuổi học sinh.

Như vậy, Chúng ta thấy đối tượng của cấp tiểu học là trẻ em từ 6 đến 11 tuổi. Học sinh tiểu học là một thực thể hồn nhiên, ngây thơ và trong sáng. Ở mỗi trẻ em tiềm tàng khả năng phát triển về trí tuệ, lao động, rèn luyện và hoạt động xã hội để đạt một trình độ nhất định về lao động nghề nghiệp, về quan hệ giao lưu và chăm lo cuộc sống cá nhân, gia đình. Trẻ em ở lứa tuổi tiểu học là thực thể đang hình thành và phát triển cả về mặt sinh lý, tâm lý, xã hội các em đang từng bước gia nhập vào xã hội thế giới của mọi mối quan hệ. Do đó, học sinh tiểu học chưa đủ ý thức, chưa đủ phẩm chất và năng lực như một công dân trong xã hội, mà các em luôn cần sự bảo trợ, giúp đỡ của người lớn, của gia đình, nhà trường và xã hội. Học sinh tiểu học dễ thích nghi và tiếp nhận cái mới và luôn hướng tới tương lai. Nhưng cũng thiếu sự tập trung cao độ, khả năng ghi nhớ và chú ý có chủ định chưa được phát triển mạnh, tính hiếu động, dễ xúc động còn bộc lộ rõ nét. Trẻ nhớ rất nhanh và quên cũng nhanh.

Dạy tiếng Việt hay học về dấu câu đều phải chú ý đến các đặc điểm tâm lý của học sinh. Vì tư duy của học sinh tiểu học còn mang tính tư duy cụ thể, trí nhớ trực quan hình tượng phát triển hơn trí nhớ lôgic. Khi dạy giáo viên cần phối hợp các phương pháp dạy học phù hợp và linh hoạt, giúp học sinh dễ dàng vận dụng kinh nghiệm sống của mình mà học tập. Thông qua giao tiếp và vận dụng tiếng Việt của học sinh, vận dụng quan điểm tích hợp trong dạy học (vừa cung cấp kiến thức vừa hình thành kỹ năng).

Nhiều học sinh tiểu học còn chưa biết tổ chức ghi nhớ có ý nghĩa là khuynh hướng phát triển trí nhớ máy móc. Vì vậy không thể yêu cầu các em hiểu nội dung theo định nghĩa trừu tượng, như vậy học sinh dễ dàng quên. Mà phần dạy "dấu câu" lại là mới mẻ học sinh phải tự tìm hiểu bài, tự khám phá kiến thức, vận dụng những kiến thức đó vào giao tiếp. Có như vậy học sinh mới nhớ lâu, hiểu kỹ các khái niệm theo ý hiểu của mình. Bởi vậy người giáo viên phải có những giải pháp phù hợp với tâm lý học sinh.

1.1.5. Quan điểm dạy học dấu câu ở Tiểu học

Ở tiểu học, để học sinh có thể dễ dàng nhận biết tác dụng và cách dùng dấu câu chúng ta không thể yêu cầu các em ngay lập tức học dấu câu trên cơ sở hiểu cấu trúc ngữ pháp của câu với hàng loạt thuật ngữ ngôn ngữ xa lạ với các em. Việc dạy dấu câu cho học sinh tiểu học nên bắt đầu từ ngôn ngữ nói, từ mối quan hệ giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Bởi ở tiểu học, nhất là lớp đầu bậc học này, phần kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng mẹ đẻ mới lạ nhất đối với trẻ chính là ngôn ngữ dạng viết, kèm theo là kỹ năng đọc và viết. Do đó nhà trường chú trọng hơn tới việc dạy cho học sinh hai kỹ năng này. Xong thực tế học sinh chỉ hiểu điều các điều các em đọc và viết khi chúng gặp lại ngôn ngữ đã sử dụng hàng ngày ở dạng nói. Đối với việc dạy học dấu câu cũng vậy, giáo viên cần giúp các em thấy được dấu câu chỉ là phương tiện ghi lại ngữ điệu của lời nói khi chuyển sang dạng viết. Theo cách này các em sẽ thấy việc học dấu câu trở nên dễ dàng hơn. Cụ thể là việc dạy học dấu câu có thể được bắt đầu từ lớp 1, nếu như chúng ta biết phát huy và tận dụng vốn hiểu biết về ngôn ngữ nói của trẻ.

Thứ tự dạy học dấu câu cho học sinh tiểu học cũng cần được xác định rõ ràng. Việc dạy dấu nào trước, dấu nào sau cũng cần cân nhắc đến khả năng nhận thức của học sinh. Vấn đề dạy học dấu câu nên được đặt ra sớm hơn đối với học sinh tiểu học. Song điều đó không có nghĩa là có thể dạy tất cả các chức năng của 10 loại dấu câu tiếng Việt. Cần xác định mức độ kiến thức và kỹ năng sử dụng mỗi loại dấu câu sao cho phù hợp với từng độ tuổi học sinh trong bậc học, giới thiệu với các em ở một chừng mực nào đấy để tạo hứng thú trong tiếp nhận ở học sinh.

Phải xác định thứ tự trước sau của các dấu câu bởi đặc điểm tâm lý của lứa tuổi này không thể dạy dấu câu theo lối cuốn chiếu mà cần có sự nhắc lại hợp lý để thường xuyên củng cố kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu cho các em. Do vậy

việc dạy học dấu câu không chỉ được thực hiện ở các giờ học về dấu câu như đã ghi trong chương trình môn học mà còn cần tìm ra các cơ hội để củng cố kiến thức và rèn kỹ năng sử dụng dấu câu cho các em trong các giờ học khác. Trong bộ sách giáo khoa Tiếng Việt, dấu câu được dạy từ lớp 1 đến lớp 5 và được thường xuyên ôn luyện qua giờ Luyện từ và câu, giờ chính tả có nhắc đến dấu câu xong chỉ nhằm mục đích nhắc nhở học sinh ghi nhớ các dấu câu có trong bài để viết chính tả cho đúng. Như vậy, dấu câu đã được dạy sớm hơn cho học sinh tiểu học, ngay khi các em biết đọc, biết viết, biết tiếp nhận và tạo lập những văn bản đầu tiên, qua đó từng bước hình thành ở các em thói quen và ý thức sử dụng đúng dấu câu.

1.2. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1.2.1. Khảo sát thực trạng dạy học dấu câu tiếng Việt ở Trường Tiểu học thị trấn huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La

1.2.1.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát những ưu điểm và hạn chế trong quá trình dạy học dấu câu của giáo viên và học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Thị trấn - huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La. Trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp tổ chức dạy học dấu câu cho học sinh lớp 2 ở tiểu học.

1.2.1.2. Nội dung khảo sát

- Nội dung chương trình dạy học dấu câu ở tiểu học và lớp 2 qua phân môn Luyện từ và câu.

- Thực trạng dạy học dấu câu của giáo viên.

- Thực trạng sử dụng (học) dấu câu của học sinh.

- Khảo sát giáo án

1.2.1.3. Đối tượng khảo sát

- Khảo sát giáo viên chủ nhiệm lớp 2 (2A1, 2A2)

- Khảo sát học sinh lớp 2 (2A1, 2A2)

1.2.2. Kết quả khảo sát

1.2.2.1. Nội dung chương trình dạy học dấu câu ở Tiểu học và lớp 2 qua phân môn Luyện từ và câu

Dấu câu được dạy từ lớp 1 đến lớp 5. Các dấu câu được dạy học ở từng lớp như sau:

Bảng 1.1: Số lượng dấu câu được dạy học ở từng lớp

Dấu Lớp	.	?	!	,	;	:	()	“ ”	-	...
1	x	x								
2	x	x	x	x						
3	x	x		x						
4		x	x			x		x	x	
5	x	x	x	x		x		x	x	

Như vậy, theo sách giáo khoa chỉ còn 3 dấu câu (dấu chấm phẩy, dấu ngoặc đơn, dấu chấm lửng) chưa có bài học trong sách giáo khoa. Nội dung dạy học dấu câu thuộc phân môn Chính tả và phân môn Luyện từ và câu sự phân bố thời gian dạy học mỗi loại dấu câu như sau:

Bảng 1.2: Đánh giá nội dung luyện tập dấu câu

Lớp	Dấu câu	Số tiết có nội dung luyện tập dấu câu	Tên phân môn có nội dung luyện tập dấu câu
1	Dấu chấm	3	Chính tả (Tập chép) Tập đọc
	Dấu chấm hỏi	1	
2	Dấu chấm	9	Luyện từ và câu
	Dấu chấm hỏi	3	

	Dấu chấm than	1	
	Dấu phẩy	9	
3	Dấu chấm	20	Luyện từ và câu, Chính tả
	Dấu chấm hỏi	1	
	Dấu phẩy	9	
4	Dấu chấm hỏi	3	Luyện từ và câu
	Dấu chấm than	1	
	Dấu hai chấm	1	
	Dấu ngoặc kép	1	
	Dấu gạch ngang	1	
5	Dấu chấm	2	Luyện từ và câu
	Dấu chấm hỏi	2	
	Dấu chấm than	2	
	Dấu phẩy	3	
	Dấu hai chấm	1	
	Dấu ngoặc kép	1	
	Dấu gạch ngang	1	

Nhìn vào bảng thống kê, học sinh được luyện tập, thực hành, củng cố kỹ năng sử dụng dấu câu từ lớp 1 đến lớp 5, theo hướng mở rộng dần số lượng các dấu câu được học, được luyện tập. Các bài học về lí thuyết dấu câu chủ yếu học ở phân môn Luyện từ và câu lớp 4,5. Ở lớp 5 HS được học đầy đủ về tất cả các dấu câu. Trong đó, dấu chấm được dành thời gian luyện tập nhiều hơn cả. Dưới đây là bảng thống kê tổng số tiết học có nội dung luyện tập dành cho mỗi loại dấu câu từ lớp 1 đến lớp 5:

Bảng 1.3: Thống kê nội dung luyện tập dấu câu

STT	Loại dấu	Tổng số tiết
1	Dấu chấm	34
2	Dấu chấm hỏi	10
3	Dấu chấm than	4
4	Dấu phẩy	21
5	Dấu hai chấm	2
6	Dấu ngoặc kép	2
7	Dấu gạch ngang	2

Nhìn vào bảng thống kê, chúng ta thấy sự phân bố thời lượng cho mỗi loại dấu câu chênh lệch nhau khá lớn. Qua tìm hiểu nội dung dạy học dấu câu trong bộ sách giáo khoa mới, chúng tôi nhận thấy dấu câu được dạy qua hai giai đoạn. Giai đoạn đầu (các lớp 1, 2, 3), dấu câu được dạy học thông qua các bài tập thực hành. Giai đoạn sau (các lớp 4, 5), dấu câu có bài học riêng với yêu cầu cao hơn, học sinh phải biết khái quát hóa về chức năng, công dụng của các dấu câu từ các ví dụ và bài tập cụ thể.

Trong giai đoạn đầu, dấu câu được dạy học chủ yếu dựa vào trực cảm ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ. Các bài tập dù không nêu ra công dụng, chức năng của dấu câu, dù không yêu cầu học sinh phải phân biệt các thành phần ngữ pháp của câu nhưng các em đã có thể biết đặt dấu câu đúng chỗ. Ví dụ, đối với dấu phẩy, sách lớp 2, 3 đã yêu cầu các em điền dấu phẩy vào câu văn, đoạn văn đã lược bỏ dấu phẩy tách trạng ngữ, tách các vế câu ghép, tách hộ ngữ, tách các thành phần cùng loại, tách bộ phận chuyển tiếp...

Giai đoạn sau, dấu câu có bài học riêng ở phân môn Luyện từ và câu. Lúc này, các chức năng, công dụng của dấu câu mới được phát biểu thành lời. Ví dụ, dấu phẩy được nêu với ba chức năng như sau:

- Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.

- Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ.

- Ngăn cách các vế câu trong câu ghép.

Cách trình bày bài học dấu câu trong sách Tiếng Việt mới đã có sự đổi mới, tạo điều kiện để học sinh chủ động, tích cực trong việc chiếm lĩnh kiến thức. Cụ thể là, trước khi nêu các chức năng, công dụng của dấu câu ở phần ghi nhớ, học sinh được quan sát các ví dụ về các trường hợp sử dụng dấu câu cụ thể.

Bên cạnh các nội dung dạy học dấu câu kể trên, trong giờ Chính tả, ở phần ghép chính tả, sách giáo khoa mới còn nêu các câu hỏi về dấu câu (đặc biệt đối với các dấu câu học sinh chưa được học) nhằm nhắc học sinh nhận diện dấu câu và lưu ý cách ghi cho đúng các dấu câu đó trong bài chính tả. Đây là điều mới mẻ và rất cần thiết bởi nó góp phần củng cố kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu cho học sinh. Tuy nhiên, nếu nhìn toàn diện cả 5 lớp, sự phân bố nội dung ôn luyện đối với các dấu câu vẫn cần được điều chỉnh sao cho thỏa đáng hơn nữa, bởi khi tạo lập văn bản, học sinh vẫn phải sử dụng được hầu hết các dấu câu tiếng Việt. Mức độ yêu cầu về kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu đối với mỗi lớp cần rõ rệt hơn nữa. Hệ thống bài tập cũng cần đa dạng hơn để phát huy hơn nữa tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo ở học sinh.

1.2.2.2. Thực trạng dạy học dấu câu của giáo viên

- Quy định của chương trình về dạy học dấu câu

Ở nước ta, dấu câu được dạy học khá đầy đủ ở cả ba bậc học: Tiểu học, Trung học cơ sở, Phổ thông trung học. Trong các văn bản chương trình mới ban hành, nội dung dạy học dấu câu ở từng cấp, bậc học như sau:

+ Ở chương trình môn Tiếng Việt tiểu học, dấu câu được dạy học từ lớp 1 đến lớp 5.

+ Ở chương trình Ngữ văn Trung học cơ sở, dấu câu được dạy học từ ở lớp 6,7,8.

+ Ở chương trình Ngữ văn Phổ thông trung học, dấu câu được củng cố, ôn tập.

Cụ thể ở bậc Tiểu học theo Chương trình Tiểu học mới:

Bảng 1.4: Thống kê số lượng dấu câu ở mỗi lớp

Dấu \ Lớp	.	?	!	,	;	:	()	“ ”	-	...
1	x	x								
2			x	x						
3						x				
4	x	x	x							
5	x	x	x	x		x				

Chương trình Tiểu học mới yêu cầu dạy số lượng dấu câu rải suốt cả 5 năm học. Việc dạy học dấu câu ở cả 5 năm học theo chúng tôi là hợp lí vì nó giúp trẻ được củng cố kiến thức, kĩ năng sử dụng dấu câu thường xuyên, liên tục.

- Nội dung dạy học dấu câu

Việc dạy dấu câu có thể được bắt đầu từ lớp 1, nếu như chúng ta biết phát huy và tận dụng vốn hiểu biết về ngôn ngữ nói của trẻ. Thứ tự dạy học dấu câu cho học sinh tiểu học cũng cần được xác định rõ ràng. Theo chúng tôi, nên phân loại các dấu câu theo nhóm để dạy học. Việc phân loại có thể dựa trên vị trí hoặc chức năng của dấu trong câu. Song ở tiểu học, nên phân loại dựa trên vị trí của dấu trong câu để các em tiện quan sát - đây là biểu hiện của tính trực quan rất cần chú trọng trong dạy học dấu câu

Bảng 1.5: Vị trí của các dấu câu trong câu

STT	Vị trí đặt		Cuối câu	Trong câu	Đầu câu	Hai đầu câu
	Dấu					
1	Dấu chấm		x			
2	Dấu chấm hỏi		x			
3	Dấu chấm than		x			
4	Dấu phẩy			x		
5	Dấu chấm phẩy			x		
6	Dấu hai chấm			x		
7	Dấu ngoặc đơn			x		
8	Dấu ngoặc kép			x		x
9	Dấu gạch ngang			x	x	x
10	Dấu chấm lửng			x	x	x

Dựa vào vị trí của dấu đặt trong câu, có thể chia các dấu câu tiếng Việt thành 4 nhóm như sau:

- Nhóm 1: các dấu chỉ đặt ở cuối câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than).

- Nhóm 2: các dấu chỉ đặt ở trong câu (dấu phẩy, dấu chấm phẩy, dấu hai chấm).

- Nhóm 3: các dấu có thể đặt ở trong câu hoặc hai đầu của ngữ đoạn, của câu - dấu kép (dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang).

- Nhóm 4: các dấu có thể đặt ở nhiều vị trí khác nhau trong câu (dấu gạch ngang, dấu ba chấm).

Ở nhóm thứ nhất, các dấu câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm cảm) được đặt ở cuối câu, là dấu kết thúc câu. Các dấu câu này gắn với mục đích nói của câu và được thể hiện rất rõ qua ngữ điệu khi đọc tái hiện. Đây là các

dấu mà học sinh có thể nhận biết dựa vào mục đích nói năng và ngữ điệu của câu - những yếu tố được thể hiện rất rõ trong ngôn ngữ nói.

Nhóm dấu thứ hai (dấu phẩy, dấu chấm phẩy, dấu hai chấm), một mặt vẫn có thể hướng dẫn học sinh dựa vào ngữ điệu để nhận biết cách dùng, song để hiểu và sử dụng chính xác nhóm dấu này, đòi hỏi học sinh bước đầu phải nắm được các chức năng ngữ pháp của các thành phần, bộ phận trong câu. Nhóm 3, nhóm 4 (dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang, dấu ba chấm) là hai nhóm dấu được sử dụng ở nhiều vị trí khác nhau trong câu, trong đó có những dấu được sử dụng đặc biệt (dấu kép), có những dấu luôn đi kèm với nhau (dấu hai chấm và dấu ngoặc kép; dấu hai chấm và dấu gạch ngang...). Theo chúng tôi, nhóm dấu 3 và 4 này nên dạy sau cùng để phù hợp với sự phát triển nhận thức của học sinh. Theo cách phân loại trên, nhóm dấu cuối câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than) nên dạy trước tiên và dạy sớm (có thể dạy từ lớp 1). Đây là các dấu gắn chặt với mục đích nói, học sinh có thể nhận biết dễ dàng khi dựa vào cơ sở ý nghĩa và ngữ điệu của câu vốn đã rất quen thuộc với ngôn ngữ nói của các em trước khi đến trường. Nhóm dấu thứ hai (dấu phẩy, dấu chấm phẩy, dấu hai chấm) nên dạy sau nhóm dấu thứ nhất, khi tư duy của các em đã phát triển hơn một bước để có thể nhận diện và phân tích thành phần ngữ pháp của câu. Nhóm dấu 3 và 4 nên dạy sau cùng. Vấn đề dạy học dấu câu nên được đặt ra sớm hơn đối với học sinh tiểu học. Tuy nhiên không thể dạy tất cả các chức năng của 10 loại dấu câu tiếng Việt. Cần xác định mức độ kiến thức và kỹ năng sử dụng mỗi loại dấu câu sao cho phù hợp với từng độ tuổi học sinh trong một bậc học và giữa các bậc học với nhau. Khi dấu câu được sử dụng là phương tiện tu từ, chỉ nên dạy khi học sinh đã sử dụng đúng và thành thạo dấu câu với các chức năng, công dụng cơ bản của chúng. Bởi không thực hiện như vậy, học sinh sẽ không phân biệt được trường hợp sử dụng dấu câu sai với trường hợp sử dụng dấu câu tu từ.

Theo chúng tôi, dấu câu với tư cách là một phương tiện tu từ cũng nên giới thiệu với học sinh tiểu học ở một chừng mực nào đấy để tạo hứng thú trong tiếp nhận ở học sinh. Cần xác định thứ tự của các dấu câu dạy học ở tiểu học, song với đặc điểm tâm lí của lứa tuổi này (các em dễ nhớ nhưng chóng quên) chúng ta cần có sự nhắc lại hợp lí để thường xuyên củng cố kiến thức và kĩ năng sử dụng dấu câu cho các em. Do vậy, việc dạy học dấu câu không thể chỉ được thực hiện ở các giờ học về dấu câu như đã ghi trong chương trình môn học mà còn củng cố kiến thức và rèn kĩ năng sử dụng dấu câu cho các em trong các giờ học khác. Vấn đề đặt ra với tất cả những ai quan tâm đến việc hình thành kỹ năng sử dụng dấu câu cho học sinh tiểu học là phải đưa ra biện pháp hữu hiệu nhằm góp phần nâng cao chất lượng và rèn kỹ năng này.

- Việc dạy học dấu câu ở trên lớp

Qua dự giờ tiếng Việt ở tiểu học, chúng tôi nhận thấy các giáo viên chú trọng nhiều đến việc giảng dạy và uốn nắn học sinh về cách dùng từ, đặt câu, về việc phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu, về cách diễn đạt, cách xây dựng nội dung bài viết... mà chưa thật chú ý đến việc rèn luyện kĩ năng sử dụng dấu câu cho các em. Nhìn chung, các giờ dạy về dấu câu chưa gây được hứng thú học tập ở học sinh.

Đối với giờ học nhận biết chức năng dấu câu, chủ yếu giáo viên giúp học sinh nhận biết những quy tắc, công dụng, chức năng của dấu câu bằng phương pháp thuyết giảng, rồi yêu cầu học sinh nêu (đọc lại) các quy tắc, công dụng của dấu câu ở phần Ghi nhớ. Các giờ học khác của bộ môn Tiếng Việt hầu như không đề cập gì đến dấu câu. Thời gian dành cho luyện tập, thực hành dấu câu rất hạn hẹp, khó có thể khắc sâu kiến thức, kĩ năng sử dụng dấu câu ở học sinh.

Sách hướng dẫn giáo viên dạy sách giáo khoa biên phần dạy học về dấu câu còn gây băn khoăn của nhiều người dạy. Các ý kiến tập trung vào mấy vấn đề sau:

- Ngay từ lớp 1, học sinh chưa được học về dấu câu nhưng trong sách giáo khoa đã xuất hiện hầu hết các loại dấu câu tiếng Việt (sách Tiếng Việt 1, tập 1 đã sử dụng dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu ngoặc đơn; tập 2 xuất hiện thêm dấu chấm cảm, dấu chấm lửng, dấu hai chấm, dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép).

- Trong sách Tiếng Việt lớp 1, 2, 3, 4, 5, dấu câu được dạy thông qua hệ thống bài tập, phần hướng dẫn dạy học dấu câu chủ yếu nêu lời giải cho các bài tập ở sách giáo khoa mà không có hướng dẫn cụ thể cho giáo viên về cách hướng dẫn học sinh làm bài tập cũng như cách giảng giải cho học sinh nhận biết chức năng, công dụng của dấu câu được học. Vì vậy, giáo viên và học sinh có phần lúng túng trước cách dạy và cách học các bài tập về dấu câu đưa ra ở sách giáo khoa.

Để tìm hiểu thực trạng dạy dấu câu ở trường tiểu học chúng tôi có điều tra thêm 30 bài thi “Tìm hiểu an toàn lao động và phòng chống cháy nổ” của giáo viên Trường Tiểu học thị trấn - huyện Bắc Yên. Kết quả thu được là tất cả các bài kiểm tra đã sử dụng hầu hết các loại dấu câu tương đối chính xác. Tuy nhiên những loại dấu câu này không đa dạng. Dấu chấm phẩy (;) ít được sử dụng, số bài giáo viên sử dụng loại dấu câu này là 14 bài. Điều đó chứng tỏ, để sử dụng có hiệu quả các loại dấu câu này ngay cả đối với các giáo viên cũng cần phải có những biện pháp dạy học để tự trau dồi kiến thức cho bản thân. Từ đó có kiến thức sâu rộng, chính xác để truyền đạt cho học sinh.

Những điều trình bày trên đây vẫn buộc chúng ta tiếp tục suy nghĩ, tìm ra biện pháp giúp giáo viên thực hiện thành công hơn nội dung dạy học dấu câu cho học sinh tiểu học.

- Hình thức làm bài tập rèn luyện

Có 2 hình thức làm bài tập được sử dụng thường xuyên:

- Cho bài hoặc đoạn bài không có dấu câu, yêu cầu học sinh điền dấu (câu) thích hợp vào chỗ gạch chéo (hoặc ô vuông) để diễn đạt đúng ý và ngữ pháp.

- Cho bài hoặc đoạn bài đã có dấu câu, yêu cầu học sinh nhận ra dấu câu sai và chữa lại dấu câu cho đúng. Đây là những hình thức bài tập thiết thực, có tính thực hành cao. Sách Tiếng Việt có những bài tập vui, hấp dẫn... tạo không khí học tập hứng thú, đồng thời cũng giúp học sinh nhận rõ vai trò quan trọng của dấu câu đối với việc tạo lập và tiếp nhận văn bản.

Nhiều bài tập có tính lặp lại rất phù hợp với tâm lí tiếp nhận của học sinh tiểu học, giúp các em dễ ghi nhớ cách sử dụng dấu câu được học. Ví dụ bài tập sau đây:

Có thể đặt dấu phẩy vào chỗ nào trong mỗi câu sau?

a) *Chăn màn quần áo được xếp gọn gàng.*

b) *Giường tủ bàn ghế được kê ngay ngắn.*

c) *Giày dép mũ nón được để đúng chỗ.*

(Tiếng Việt 2, tập 1, tr 100)

Bài tập trong sách giáo khoa đã thể hiện sự chú ý đến tính thiết thực trong việc dạy học dấu câu, tạo điều kiện cho việc đổi mới phương pháp dạy học dấu câu ở Tiểu học, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học so với trước đây. Tuy nhiên theo chúng tôi thiết kế hệ thống bài tập về dấu câu cho học sinh Tiểu học cần quan tâm hơn nữa đến vấn đề sau:

- Độ khó của bài tập phải phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh.

- Kiểu, loại bài tập cần đa dạng, phong phú. Đặc biệt cần có nhiều bài tập phát huy tư duy linh hoạt, sáng tạo của học sinh.

- Tăng cường các bài tập so sánh, đối chiếu các dấu câu gần gũi nhau về đặc điểm nào đó (hoặc vị trí, chức năng) mà các em dễ nhầm lẫn khi sử dụng.

- Xây dựng hệ thống bài tập bổ trợ cho việc dạy học dấu câu ứng với chương trình của từng lớp để giúp giáo viên có thể vận dụng linh hoạt trên từng đối tượng học sinh cụ thể.

- Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập dấu câu của học sinh

Việc kiểm tra, đánh giá chi phối rất lớn đến chất lượng dạy học. Trong nhà trường Tiểu học hiện nay, nội dung đánh giá kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu nhìn chung chưa toàn diện. Các đề kiểm tra định kì môn Tiếng Việt hàng năm chủ yếu là đề kiểm tra viết với số câu hỏi hạn chế (3 - 4 câu), lượng kiến thức rất hạn hẹp so với những gì học sinh được học trong chương trình. Bởi vậy, phần kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu rất ít được đề cập đến trong các bài kiểm tra, đề thi; hoặc có được đề cập đến thì cũng chỉ chiếm một tỉ lệ nội dung không đáng kể, chưa đủ cơ sở để đánh giá bao quát kết quả học tập về dấu câu của học sinh.

Nội dung câu hỏi hoặc bài tập về dấu câu nếu có trong các bài kiểm tra, bài thi của môn Tiếng Việt ở tiểu học thì chủ yếu đòi hỏi học sinh ghi nhớ kiến thức, mô phỏng theo mẫu đơn giản, chưa tạo điều kiện phát huy tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo của các em trong việc sử dụng dấu câu, chưa tạo động lực học tập và rèn luyện kỹ năng sử dụng dấu câu cho các em.

Bài kiểm tra kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu mỗi năm học là chưa có. Giáo viên đánh giá kỹ năng sử dụng dấu câu của học sinh chủ yếu thông qua việc trừ điểm mắc lỗi về dấu câu trong bài viết của phân môn chính tả, Tập làm văn,... Trong bài viết của học sinh, có thể các em không mắc lỗi về dấu câu song điều đó cũng chưa đủ để khẳng định là các em đã có kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu vững vàng nếu như việc sử dụng dấu câu trong bài viết của các em quá đơn giản và đơn điệu.

Kết quả bài kiểm tra chưa khách quan do đề kiểm tra ra theo kinh nghiệm của một hoặc một nhóm người. Điểm số của bài kiểm tra chưa giúp

giáo viên phân loại điểm mạnh, điểm yếu của học sinh trong phần kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu.

Thực trạng về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập dấu câu của học sinh ở trường tiểu học nói trên đã khiến chúng ta nghĩ đến sự đồng bộ trong việc đổi mới dạy học dấu câu: Phải đổi mới từ nội dung dạy học, phương pháp dạy học đến phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh mới có thể nâng cao hiệu quả dạy học trong nhà trường. Song cũng cần nhận xét những ảnh hưởng của việc sử dụng dấu câu trong các phương tiện thông tin bằng chữ viết ngoài xã hội tới việc dạy học trong nhà trường.

- Nhận xét chung về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả dạy học dấu câu ở trường tiểu học.

+ Dấu câu trong các sách, báo dành cho thiếu niên, nhi đồng.

Bên cạnh bài học về dấu câu, học sinh còn được tiếp cận với cả 10 loại dấu câu tiếng Việt được sử dụng trong mỗi trang sách giáo khoa. Đó là cơ hội để các em thực hành tiếp nhận dấu câu và học tập cách sử dụng dấu câu. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực không thể phủ nhận sự xuất hiện của các dấu câu trong sách giáo khoa cũng có những vấn đề cần bàn.

Trước hết đó là việc sử dụng dấu câu chưa thật nhất quán. So sánh cách dùng dấu câu trong ví dụ dưới đây:

Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều, lòng tôi lại náo nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

(Tiếng Việt 3, tập 1, tr 7)

Hằng năm, cứ đến mùa xuân, tiết trời ấm áp thì đồng bào Ê-đê, Mơ-nông lại tung bừng mở hội đua voi.

(Tiếng Việt 4, tập 2, tr 35)

Nhìn vào ví dụ trên, các cấu trúc câu giống nhau song cách sử dụng dấu câu khác nhau. Dành rằng, mỗi tác giả có những sáng tạo riêng, sử dụng dấu câu với tư cách là phương tiện tu từ hoặc trong tiếng Việt song song tồn tại các cách dùng khác nhau. Trước các hiện tượng như vậy, đối với học sinh tiểu học, nếu không được giáo viên giải thích, các em sẽ cho đó là sự thiếu nhất quán trong việc sử dụng dấu câu. Hiện tượng này dễ hình thành ở trẻ ấn tượng về sự lỏng lẻo của các quy tắc sử dụng dấu câu tiếng Việt để rồi các em tự cho phép mình không nhất thiết phải tuân theo các quy tắc dấu câu khi viết bài.

Trong sách báo dành cho thiếu niên, nhi đồng, dấu câu với tư cách là phương tiện tu từ xuất hiện khá nhiều, mặc dù hiện tượng này chưa được đề cập tới trong chương trình dạy học dấu câu ở tiểu học. Ví dụ:

- Như một bà mẹ thương con, cây nhãn dồn tất cả sữa ngọt sữa ngon của mình lên các chùm quả. Thế là quả lớn như thổi. Bằng hạt ngô. Rồi bằng hòn bi. Tròn. Và đều, chắc. (Vũ Tú Nam)

Hiện tượng sử dụng dấu câu như trên nếu thiếu sự giải thích của giáo viên sẽ khiến các em không hiểu rõ tác dụng tu từ của những câu này, dẫn tới việc các em sử dụng không đúng chức năng của mỗi dấu câu.

Trong sách báo dành cho thiếu niên, nhi đồng, còn không ít trường hợp sử dụng dấu câu thiếu nhất quán. Các mẫu đối thoại của các truyện cười đều có một dòng không có lời văn, chỉ có dấu câu biểu thị thái độ ngạc nhiên, sửng sốt hay nghi ngờ... của nhân vật. Song cách ghi dấu này không theo một quy tắc nào cả. Ví dụ:

1. Chị: - *Em của chị thích ăn gì nhất?*

Em: - *Em thích ăn bánh rán.*

Chị: - *Tại sao?*

Em: - *Vì bánh rán chỉ việc ăn luôn, không phải bóc vỏ ạ!*

Chị: - *!!*

2. Con: - *Mẹ ơi hôm nay con làm được 10 trang bài tập toán đây mẹ ạ!*

Mẹ: - *Ôi, con mẹ chăm học quá. Nhưng sao cô giáo cho nhiều bài tập vậy?*

Con: - *Vì đây là bài tập của nửa tháng con dồn lại làm một lần cho tiện ạ!*

Mẹ: - *?!!*

(Báo Nhi đồng, số 15(847), 2/1999)

Những hiện tượng sử dụng dấu câu như vậy đã trở thành phổ biến lâu nay. Chúng có tác động rất mạnh đến thói quen sử dụng dấu câu của mọi người. Qua ví dụ trên ta thấy để biểu đạt một trạng thái cảm xúc gần giống nhau, nhưng cách dùng dấu câu lại khác nhau. Liệu học sinh tiểu học sẽ tiếp nhận như thế nào đối với các trường hợp sử dụng dấu câu như vậy?

Các lời thoại nhân vật trong các truyện tranh thiếu nhi cũng mắc nhiều lỗi trong việc sử dụng dấu câu, phổ biến nhất là loại lỗi không đánh dấu câu hoặc đánh dấu câu không đúng với kiểu câu. Ví dụ trong một truyện tranh có ghi các lời thoại thiếu dấu kết thúc câu:

- *A! Thành công rồi*

- *Ô, nó đang lớn đấy*

- *Tuyệt quá*

(Báo Nhi đồng, số 33(760), 4/1998)

Các hiện tượng nói trên có không ít ở hàng loạt sách báo viết cho trẻ em. Điều này có ảnh hưởng không tốt đến việc sử dụng dấu câu ở học sinh.

+ Dấu câu trong các phương tiện thông tin bằng chữ viết khác

Độ chuẩn xác của việc sử dụng dấu câu trên các phương tiện thông tin bằng chữ viết có ảnh hưởng đến nhận thức và thói quen dùng dấu câu của mọi người. Trên các sách, báo và các phương tiện thông tin bằng chữ viết khác, không ít trường hợp sử dụng dấu câu không thống nhất, thậm chí tùy tiện, nhiều nơi,... hiện tượng này cũng khá phổ biến. Ví dụ: Trên một tấm biển treo ở phòng hội đồng của một trường tiểu học có câu: “Giáo viên chủ động,

sáng tạo, sử dụng hợp lí các phương thức tổ chức hướng dẫn học sinh hoạt động ”. Câu này mắc các lỗi về dấu câu: không đánh dấu chấm ở cuối câu, dùng thiếu dấu phẩy sau từ “tổ chức”.

Hiện tượng sử dụng dấu câu với sai sót như trên khá phổ biến. Như vậy, bên cạnh những tác động đáng trân trọng, nhiều loại sách, báo và các phương tiện thông tin bằng chữ viết khác đã có ảnh hưởng không tốt đến việc sử dụng dấu câu của người đọc. Để học sinh sử dụng đúng dấu câu, một mặt phải củng cố lại việc dạy và học dấu câu trong nhà trường, mặt khác cần điều chỉnh, rà soát, chuẩn mực hóa cách dùng dấu câu trên các phương tiện thông tin bằng chữ viết. Tuy nhiên, tất cả những điều đó chỉ có ý nghĩa khi bản thân người tiếp nhận và tạo lập văn bản phải quan tâm và ý thức được sự cần thiết của việc sử dụng dấu câu khi tạo lập văn bản.

1.1.2.3. Thực trạng sử dụng (học) dấu câu của học sinh

Như chúng tôi đã đề cập ở phần mở đầu, học sinh tiểu học chưa hứng thú với việc học dấu câu. Qua khảo sát bài tập làm văn của học sinh, chúng tôi thấy, bên cạnh những em sử dụng dấu câu tương đối vững, vẫn còn nhiều em mắc lỗi sử dụng dấu câu. các lỗi chính về dấu câu trong bài viết của các em là:

- *Không sử dụng dấu câu*: Hiện tượng các em không sử dụng dấu câu nào trong toàn bộ bài viết không ít. Hiện tượng này chứng tỏ học sinh chỉ quan tâm đến nội dung bài viết mà không nhận thức rõ tầm quan trọng của dấu câu. Điều đó cũng cho thấy người dạy đã không chú ý sửa lỗi về dấu câu cho học sinh, khiến việc không dùng dấu câu khi tạo lập văn bản đã trở thành thói quen ở các em. Khảo sát 50 bài làm văn của học sinh lớp 2, Trường Tiểu học thị trấn - huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La có 12 bài không sử dụng một dấu câu nào. Dưới đây là đoạn văn các em làm trong bài tập làm văn của học sinh mà chúng tôi khảo sát:

Bà em năm nay đã 60 tuổi nhưng tóc bà vẫn còn đen trước khi nghỉ hưu bà là cô giáo dạy ở trường Tiểu học bà rất yêu nghề dạy học và yêu thương học sinh bà hay kể chuyện cổ tích cho em nghe em rất yêu mến và kính trọng bà em mong bà sống thật lâu để dạy bảo em những điều hay lẽ phải em hứa sẽ cố gắng học tập và làm theo lời dạy bảo của bà.

Cách viết như trên chứng tỏ các em không hề để tâm đến yêu cầu sử dụng dấu câu trong văn viết.

- *Sử dụng dấu câu tùy tiện, nhiều sai sót:* Hiện tượng học sinh thiếu ý thức trong việc sử dụng dấu câu dẫn đến sai sót về dấu câu trong bài viết cũng khá phổ biến. Đó là những trường hợp bài viết của các em sử dụng thiếu hoặc thừa dấu. Nhiều bài làm của học sinh chỉ sử dụng dấu kết thúc mà không sử dụng các loại dấu câu, khiến cho các ý diễn đạt kém mạch lạc. Ngược lại có những trường hợp đã sử dụng từ ngữ liên kết các thành phần câu nhưng các em vẫn đánh dấu câu trước hoặc sau các từ nối đó. Đặc biệt trong các bài viết của các em còn có hiện tượng sử dụng dấu câu mang tính chất ngẫu hứng, không theo quy tắc nào và không đúng với chức năng của chúng. Đoạn viết của học sinh dưới đây là một ví dụ:

Ông nội em năm nay, đã ngoài bảy mươi tuổi chòm râu của ông dài, và trắng như cước. Nước da ông ngăm đen, nhăn nheo. Gương mặt ông hiền từ, với cái nhìn trù mến, trông ông thật nhân hậu. Ông rất thương con quý cháu. Em mong ước rằng ông sẽ khoẻ mạnh, để sống lâu. Em sẽ cố gắng học giỏi, để ông vui lòng. (Hoàng Xuân Mai)

Các hiện tượng sử dụng dấu câu có nhiều sai sót nêu trên cho thấy học sinh đã có ý thức sử dụng dấu câu khi viết song các em chưa hiểu đúng vai trò, chức năng, công dụng của dấu câu nên đã mắc lỗi.

- *Sử dụng dấu câu đơn điệu:* Hiện tượng bài viết của học sinh chỉ sử dụng hai loại dấu câu (dấu chấm, dấu phẩy) rất phổ biến. Qua khảo sát bài tập

làm văn của học sinh lớp 2, chúng tôi nhận thấy tỉ lệ bài viết chỉ sử dụng dấu chấm và dấu phẩy rất cao. Điều này chứng tỏ các em chưa biết hoặc chưa có ý thức sử dụng các loại dấu câu khác nhau để câu văn sinh động. Theo thống kê trong 50 bài làm văn của học sinh lớp 2, Trường tiểu học Thị trấn - huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La nói trên, chúng tôi thấy trong 38 bài có sử dụng dấu câu thì mỗi loại dấu được sử dụng trong các bài như sau:

Bảng 1.6: Mức độ sử dụng dấu câu

<i>Dấu chấm</i>	<i>Dấu chấm hỏi</i>	<i>Dấu chấm than</i>	<i>Dấu phẩy</i>	<i>Dấu chấm phẩy</i>	<i>Dấu hai chấm</i>	<i>Dấu ngoặc đơn</i>	<i>Dấu ngoặc kép</i>	<i>Dấu gạch ngang</i>	<i>Dấu ba chấm</i>
36	8	3	34	0	3	0	0	4	9

Nhìn vào bảng thống kê chúng ta thấy:

- + Không có bài nào sử dụng dấu chấm phẩy, dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép.
- + Các dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu hai chấm, dấu gạch ngang, dấu ba chấm rất ít dùng.
- + Dấu chấm và dấu phẩy được sử dụng nhiều nhất.

Đặc biệt trong 50 bài làm nói trên, loại dấu câu học sinh hay dùng sai là dấu chấm và dấu phẩy. *Các loại lỗi học sinh thường mắc phải khi sử dụng dấu phẩy là:*

- + Không dùng dấu phẩy để tách trạng ngữ với nòng cốt.
- + Không dùng dấu phẩy để tách các vế câu, các bộ phận đẳng lập hay đồng chức với nhau.
- + Sử dụng dấu phẩy thay cho dấu chấm (với chức năng của dấu chấm).
- + Dấu phẩy đặt lung tung, không theo nguyên tắc nào.

Các loại lỗi học sinh thường mắc phải khi sử dụng dấu chấm là:

- + Không biết chấm câu khi kết thúc câu.
- + Sử dụng dấu chấm câu thay cho dấu hỏi hoặc dấu cảm thán.
- + Đặt dấu chấm tùy tiện.

Bên cạnh các loại lỗi về dấu câu nói trên, học sinh còn mắc một hạn chế nữa trong việc sử dụng dấu câu, đó là chưa phát huy thế mạnh của dấu câu trong văn viết. Khi tạo lập văn bản học sinh chủ yếu tập trung tìm ý, diễn đạt ý bằng lời văn mà chưa có ý thức phát huy công dụng của dấu câu trong việc nâng cao hiệu quả biểu đạt của văn viết.

Từ tình hình nêu trên, theo chúng tôi, ở tiểu học nên chú trọng dạy cho học sinh dấu chấm và dấu phẩy hơn các dấu còn lại. Cần phải có biện pháp hỗ trợ việc dạy học dấu câu cho giáo viên và học sinh nhằm từng bước nâng cao kết quả dạy và học dấu câu trong thời gian tới.

Tiểu kết chương 1

Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến dấu câu (Dấu câu trong mối quan hệ với mục đích nói, với ngữ điệu, ngữ nghĩa, ngữ pháp của câu, dấu câu với tư cách là phương tiện, biện pháp tu từ), chúng tôi có căn cứ khoa học để nhìn lại nội dung, phương pháp dạy học dấu câu trong nhà trường, xác định nguyên nhân của việc mắc lỗi trong sử dụng dấu câu của học sinh lâu nay để tìm cách khắc phục có hiệu quả nhất. Nghiên cứu những vấn đề thuộc tâm lí lứa tuổi của học sinh tiểu học giúp ta có cái nhìn bao quát về đối tượng dạy học. Việc dạy học dấu câu cần xuất phát từ đặc điểm nhận thức của lứa tuổi học sinh tiểu học, gắn với quá trình nhận thức, trình độ khái quát hóa trong tiếp thu tri thức của các em. Cụ thể là, đối với việc dạy học dấu câu ở tiểu học, cần cân nhắc, lựa chọn thứ tự dạy trước - sau những dấu câu nào, nhóm dấu câu nào để phù hợp với khả năng nhận thức của đối tượng học sinh ở từng độ tuổi. Việc giảm thiểu giờ dạy lí thuyết, tăng cường và coi trọng dạy dấu câu thông qua thực hành, luyện tập cũng là điều nên làm bởi nó phù hợp với đặc điểm tâm lí của học sinh tiểu học, giúp các em phát huy tính tích cực và có thể đạt được kết quả cao trong học tập.

Cùng với việc nghiên cứu những vấn đề lí luận, luận văn còn tìm hiểu **thực trạng dạy học dấu câu** trên nhiều phương diện: chương trình, nội dung kiến thức - kĩ năng, hệ thống bài tập thực hành, phương pháp dạy học của thầy, kết quả học tập của trò, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cùng những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập dấu câu của học sinh. Qua nghiên cứu thực trạng nêu trên, chúng tôi nhận thấy việc học sinh mắc nhiều lỗi sử dụng dấu câu khi tạo lập văn bản là có nguyên nhân từ nhiều phía. Chúng tôi cố gắng tập trung xem xét và đánh giá những mặt được và chưa được của việc dạy học dấu câu hiện đang được áp dụng ở trường tiểu học, từ đó có cơ sở để xác định những Biện pháp dạy học dấu câu đạt hiệu quả hơn.

Tất cả những vấn đề lí luận và thực tiễn được đề cập đến trong chương 1 nói trên có mối quan hệ mật thiết với nhau. Lí luận soi sáng thực tiễn, thực tiễn phản ánh mức độ chi phối của lí luận. Chúng tôi dành chương 1 để nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn của việc dạy học dấu câu với mong muốn tìm được biện pháp hữu hiệu hơn cho việc dạy học dấu câu ở tiểu học trong những năm tới mà chúng tôi sẽ giải quyết trong chương 2 của luận văn.

CHƯƠNG 2

BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ

DAY HỌC DẤU CÂU CHO HỌC SINH LỚP 2

Day cho học sinh biết dùng dấu câu một cách phù hợp trong giao tiếp, trong các bài viết là một trong những nội dung quan trọng của việc rèn kỹ năng sử dụng Tiếng Việt ở bậc Tiểu học. Căn cứ vào cơ sở lý luận và thực tiễn dạy học về dấu câu ở chương 1, chúng tôi sẽ cố gắng xác định một số biện pháp dạy học dấu câu có thể vận dụng vào quá trình dạy học trên lớp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học dấu câu cho học sinh lớp 2 Trường Tiểu học thị trấn huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La. Cụ thể là các biện pháp sau:

2.1. Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực

Tâm lý và trình độ nhận thức của học sinh tiểu học có những nét khác biệt so với các bậc học khác nên phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở bậc học này cũng có những nét đặc thù riêng.

Phương pháp dạy học là cách thức làm việc của thầy và cách thức làm việc của trò trong môi trường giáo dục nhằm thực hiện những mục tiêu dạy học đặt ra.

Môi trường giáo dục gồm: cuộc sống của cộng đồng, môi trường sư phạm của nhà trường, những phương tiện phục vụ cho việc dạy và việc học... Để cho học sinh học tập tích cực, chủ động và được môi trường hỗ trợ cho việc học một cách tối ưu thì hoạt động của thầy phải là hoạt động có vai trò hướng dẫn. Chính hoạt động của thầy sẽ tổ chức ra các hoạt động học tập cho học sinh, sẽ vận hành môi trường tham gia một cách có hiệu quả vào việc tìm kiếm, phát hiện, vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh, phương pháp dạy học hiệu theo cách này sẽ tạo ra những giờ học không chỉ có giao tiếp một chiều: thầy phát – trò nhận, thầy yêu cầu – trò làm theo, mà còn có giao tiếp nhiều chiều: thầy – trò, trò – thầy, trò – trò. Nó tạo ra những giờ học có sự

hợp tác tốt giữa thầy và trò và giữa những người học với nhau, khiến cho việc học tập trong trường gắn với việc lao động ở cộng đồng, tạo cho người học nhiều cơ hội để vận dụng những điều đã học vào cuộc sống.

2.1.1. Phương pháp luyện tập theo mẫu

+ Khái niệm

Phương pháp luyện tập theo mẫu là phương pháp dạy học mà giáo viên đưa ra các mẫu cụ thể về lời nói hoặc mô hình lời nói (cũng có thể cùng học sinh xây dựng mẫu lời nói), để thông qua đó hướng dẫn học sinh tìm hiểu đặc điểm của mẫu, cơ chế tạo mẫu, từ mẫu đó học sinh biết cách tạo ra các đơn vị lời nói theo định hướng của mẫu. Mẫu ở đây được coi là một phương tiện để giúp học sinh tiếp nhận những lí thuyết ngôn ngữ không phải chỉ bằng cách nghe qua lời giảng của giáo viên mà còn được tận mắt chứng kiến, tận mắt được nhìn một cách tường minh mẫu mà mình cần làm theo.

+ Mục đích, yêu cầu

Đối với học sinh tiểu học, do vốn sống, vốn kiến thức, vốn ngôn ngữ... của các em chưa phong phú, cần dạy học thông qua mẫu để các em dễ quan sát, nhận diện và làm theo. Cụ thể là quá trình dạy tiếng mẹ đẻ cần phải đặc biệt dựa nhiều vào các yếu tố trực quan của ngôn ngữ. Ở dạng nói, ngôn ngữ tồn tại nhờ “vô âm thanh”. Vô âm thanh của ngôn ngữ chính là yếu tố “vật chất” khiến ngôn ngữ có trở thành cái có thể chi giác (tri giác nghe) được. Ở dạng viết, ngôn ngữ được hiện hình, được “vật chất hóa” trước mắt trẻ em, nó trở thành cái có thể nhìn được (tri giác nhìn). Do vậy, trong dạy học dấu câu cho học sinh tiểu học, người dạy cố gắng trực quan hóa nội dung dạy học để học sinh có thể dễ dàng nắm bắt kiến thức.

+ Cách thức thực hiện

Việc giảng giải, hướng dẫn của giáo viên đối với các em đòi hỏi sự giản dị, dễ hiểu, sao cho có thể đơn giản hóa những điều phức tạp. Chẳng hạn, để

dạy học sinh biết cách đặt dấu phẩy tách bộ phận cùng loại trong câu với nhau, sách Tiếng Việt 2, tập 1, đưa ra bài tập sau:

Có thể đặt dấu phẩy vào chỗ nào trong mỗi câu sau?

a. *Chăn màn quần áo được xếp gọn gàng.*

b. *Giường tủ bàn ghế được kê ngay ngắn.*

c. *Giày dép mũ nón được để đúng chỗ.*

Để giúp học sinh làm được bài tập này cũng như các bài tập phức tạp hơn, giáo viên có thể làm mẫu hoặc hướng dẫn học sinh làm mẫu một phần. Ví dụ, khi làm mẫu câu a để học sinh quan sát, giáo viên có thể đọc mẫu (thể hiện quãng nghỉ ngắn ở chỗ sẽ đặt dấu phẩy), sau đó nói với học sinh: khi viết câu “ *Chăn màn quần áo được xếp gọn gàng.*”, chúng ta cần dùng dấu phẩy để tách các sự vật với nhau: *Chăn màn, quần áo được xếp gọn gàng.* (Giáo viên có thể nói thêm: chúng ta không nên đặt dấu phẩy như thế này “*Chăn, màn, quần, áo được xếp gọn gàng.*” vì ở đây người viết muốn chỉ chung các sự vật gắn gũi với nhau chứ không muốn tách riêng ra như vậy)

+ Ưu điểm và hạn chế

Với cách tiến hành như trên, giáo viên đã làm mẫu cả đọc và viết, tạo mối quan hệ giữa nói và viết, giúp học sinh nhận biết dấu câu từ cả hai phương diện: Viết câu và đọc tái hiện câu. Cách làm này cũng đã chú trọng cho học sinh huy động nhiều giác quan vào việc tiếp nhận kiến thức, giúp các em ghi nhớ được bền lâu. Sau khi giáo viên làm mẫu, học sinh quan sát mẫu, các em sẽ dễ dàng làm được bài tập tương tự.

Trong quá trình dạy học, người giáo viên muốn duy trì sự chú ý của HS em cần phải khai thác triệt để các yếu tố trực quan có thể sử dụng cho bài học. Song cũng không nên sử dụng một phương pháp dạy học nào đó quá kéo dài và một phương pháp trực quan nào đó quá lâu sẽ khiến trẻ có cảm giác chán và phân tán sự tập trung chú ý vào việc tiếp thu bài học. Như vậy, dạy học

dấu câu theo phương pháp luyện tập theo mẫu rất phù hợp với đối tượng học sinh tiểu học. Điều quan trọng là giáo viên cần tạo ra một khoảng cách vừa phải giữa mẫu với phần thực hành theo mẫu để các em có thể phát huy tính tích cực của mình trong học tập.

2.1.2. Phương pháp phân tích ngôn ngữ

+ Khái niệm

Đây là phương pháp dạy học trong đó học sinh dưới sự tổ chức và hướng dẫn của giáo viên, tiến hành tìm các hiện tượng ngôn ngữ, quan sát và phân tích các hiện tượng đó theo định hướng của bài học, trên cơ sở đó rút ra những nội dung lí thuyết hoặc thực hành cần ghi nhớ.

Sự thể hiện của phương pháp phân tích ngôn ngữ nằm ở chính quá trình phân tích. Quá trình này được hiểu là sự phân chia đối tượng ra thành những bộ phận, những khía cạnh, những mặt khác nhau,... để lần lượt tìm hiểu một cách kĩ càng hơn, sâu sắc hơn, nhằm mục đích nhận thức về đối tượng một cách đầy đủ, chính xác.

+ Mục đích, yêu cầu

Yêu cầu phân tích ngôn ngữ đối với học sinh tiểu học chỉ ở mức độ đơn giản, với sự giúp đỡ, gợi ý, hướng dẫn tỉ mỉ của giáo viên. Bởi vậy, Phương pháp phân tích ngôn ngữ được vận dụng để dạy học dấu câu nhằm giúp học sinh làm rõ cấu trúc các kiểu câu đơn vị ngôn ngữ được học trong chương trình.

+ Cách thức thực hiện

Chẳng hạn, Khi làm một số bài tập điền dấu câu vào những đoạn văn có nhiều cấu trúc khác nhau, giáo viên có thể giúp các em đọc, phân tích để nhận ra các câu được viết theo mẫu câu đã học. Với những bài tập phức tạp hơn, giáo viên có thể cho học sinh phân tích trong đoạn văn có những câu nào được viết theo mẫu đã học, sau đó tách các câu đó riêng ra để tiếp tục phân tích đoạn còn lại. Khi tách các câu được viết theo các mẫu đã học, học sinh

chỉ còn phải tập trung vào phân tích cách ngắt của câu đoạn còn lại. Đến bước này, công việc của học sinh đơn giản hơn nhiều. Các em có thể tìm cách ngắt câu bằng cách đọc lên sau khi xác định chỗ nghỉ hơi hoặc giáo viên có thể chuyển thành bài tập trắc nghiệm nhiều lựa chọn để học sinh phân tích cách đặt dấu câu như thế nào là đúng, cần thực hiện. Việc chuyển sang bài tập trắc nghiệm rất phù hợp với đặc điểm tư duy của học sinh tiểu học. Học sinh được tư duy(phân tích, đối chiếu, so sánh, lựa chọn...) dựa trên những hình ảnh trực quan (chữ viết và dấu câu). Với cách làm này học sinh sẽ nhanh chóng chiếm lĩnh được kiến thức bằng tư duy logic hoặc bằng bản năng tiếng mẹ đẻ của mình.

+ Ưu điểm và hạn chế

Khi áp dụng phương pháp này để hướng dẫn học sinh làm bài tập đòi hỏi về kiến thức ngữ pháp, giáo viên cần hướng dẫn học sinh phân tích cấu trúc ngữ pháp của câu để xác định vị trí đặt dấu câu cho đúng.

Trên thực tế, việc vận dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ trong dạy học ngữ pháp nói chung và dạy học dấu câu nói riêng khá là phổ biến và hữu hiệu.

2.1.3. Phương pháp trực quan

+ Khái niệm

Dạy học trực quan (hay còn gọi là trình bày trực quan) là phương pháp dạy học sử dụng những phương tiện trực quan, phương tiện kỹ thuật dạy học trước, trong và sau khi nắm tài liệu mới, khi ôn tập, khi củng cố, hệ thống hóa và kiểm tra tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.

Phương pháp dạy học trực quan được thể hiện dưới hình thức là minh họa và trình bày:

- Minh họa thường trưng bày những đồ dùng trực quan có tính chất minh họa như bản mẫu, bản đồ, bức tranh, tranh chân dung, hình vẽ trên bảng,...

- Trình bày thường gắn liền với việc trình bày thí nghiệm, những thiết bị kỹ thuật, chiếu phim đèn chiếu, phim điện ảnh, băng video. Trình bày thí nghiệm là trình bày mô hình đại diện cho hiện thực khách quan được lựa chọn cẩn thận về mặt sư phạm. Nó là cơ sở, là điểm xuất phát cho quá trình nhận thức - học tập của học sinh, là cầu nối giữa lý thuyết và thực tiễn. Thông qua sự trình bày của giáo viên mà học sinh không chỉ lĩnh hội dễ dàng tri thức mà còn giúp họ học tập được những thao tác mẫu của GV từ đó hình thành kỹ năng, kỹ xảo,...

+ Mục đích, yêu cầu

Phương pháp dạy học trực quan giúp HS lĩnh hội nội dung bài học một cách rõ ràng. Củng cố, hệ thống hóa lại các kiến thức làm cho HS có một cái nhìn bao quát, hệ thống các em có thể khái quát nội dung bài và phát hiện được những mối liên hệ của các đơn vị kiến thức dễ dàng hơn.

+ Cách thức thực hiện

- GV treo những đồ dùng trực quan có tính chất minh họa hoặc giới thiệu về các vật dụng thí nghiệm, các thiết bị kỹ thuật, ... và nêu yêu cầu định hướng cho sự quan sát của học sinh.

- GV trình bày các nội dung trong lược đồ, sơ đồ, bản đồ,... tiến hành làm thí nghiệm, trình chiếu các thiết bị kỹ thuật, phim đèn chiếu, phim điện ảnh,...

- GV yêu cầu một số học sinh trình bày lại, giải thích nội dung sơ đồ, biểu đồ, trình bày những gì thu nhận được qua thí nghiệm hoặc qua những phương tiện kỹ thuật, phim đèn chiếu, phim điện ảnh.

- Từ những chi tiết, thông tin học sinh thu được từ phương tiện trực quan, giáo viên nêu câu hỏi yêu cầu học sinh rút ra kết luận khái quát về vấn đề mà phương tiện trực quan cần chuyển tải.

+ Ưu điểm và hạn chế

- Trực quan là một trong những nguyên tắc cơ bản của lí luận dạy học nhằm tạo cho học sinh những biểu tượng và hình thành các khái niệm trên cơ sở trực tiếp quan sát hiện vật đang học hay đồ dùng trực quan minh họa sự vật. Đồ dùng trực quan là chỗ dựa để hiểu sâu sắc bản chất kiến thức, là phương tiện có hiệu lực để hình thành các khái niệm, giúp học sinh nắm vững các quy luật của sự phát triển xã hội. Ví dụ, Bài 25: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi về biển, sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 2. Giáo viên yêu cầu học sinh xem tranh để nói về cảnh biển. Qua xem tranh và nói về cảnh biển, học sinh còn có thể nhận biết thêm được công việc đánh bắt hải sản mà trước đây chưa được biết. Đồ dùng trực quan có vai trò rất lớn trong việc giúp học sinh nhớ kĩ, hiểu sâu những hình ảnh, những kiến thức lịch sử. Hình ảnh được giữ lại đặc biệt vững chắc trong trí nhớ là hình ảnh chúng ta thu nhận được bằng trực quan. Vì vậy, cùng với việc góp phần tạo biểu tượng và hình thành khái niệm lịch sử, đồ dùng trực quan còn phát triển khả năng quan sát, trí tưởng tượng, tư duy và ngôn ngữ của học sinh.

Bên cạnh những ưu điểm thì phương pháp này cũng có một số hạn chế như: Phương pháp này đòi hỏi nhiều thời gian, giáo viên cần tính toán kĩ để phù hợp với thời lượng đã quy định. Nếu sử dụng đồ dùng trực quan không khéo sẽ làm phân tán chú ý của học sinh, dẫn đến học sinh không lĩnh hội được những nội dung chính của bài học. Khi sử dụng đồ dùng trực quan, đặc biệt là khi quan sát tranh ảnh, các phim điện ảnh, phim video, nếu giáo viên không định hướng cho học sinh quan sát sẽ dễ dẫn đến tình trạng học sinh sa đà vào những chi tiết nhỏ lẻ, không quan trọng.

2.1.4. Phương pháp trò chơi học tập

+ Khái niệm

Bản chất của phương pháp sử dụng trò chơi học tập là dạy học thông qua việc tổ chức hoạt động cho học sinh. Dưới sự hướng dẫn của giáo viên,

học sinh được hoạt động bằng cách tự chơi trò chơi trong đó mục đích của trò chơi chuyển tải mục tiêu của bài học. Luật chơi (cách chơi) thể hiện nội dung và phương pháp học, đặc biệt là phương pháp học tập có sự hợp tác và sự tự đánh giá

Phương pháp trò chơi là cách thức giáo viên tổ chức một trò chơi học tập để học sinh tham gia. Qua đó học sinh được củng cố kiến thức, kích thích hứng thú, nâng cao tính tích cực của tư duy.

+ Mục đích, yêu cầu

Sử dụng trò chơi học tập để hình thành kiến thức, kỹ năng mới hoặc củng cố kiến thức, kỹ năng đã học. Trong thực tế dạy học, giáo viên thường tổ chức trò chơi học tập để củng cố kiến thức, kỹ năng. Tuy nhiên, việc tổ chức cho học sinh chơi các trò chơi để hình thành kiến thức, kỹ năng mới là rất cần để tạo hứng thú học tập cho học sinh ngay từ khi bắt đầu bài học mới nên giáo viên cần lưu ý:

- Trò chơi phải đơn giản, dễ thực hiện.
- Trò chơi phải thu hút được đa số học sinh tham gia.
- Trò chơi không được tốn nhiều thời gian, sức lực để không làm ảnh hưởng đến các tiết học tiếp theo.
- Trò chơi phải có mục đích học tập, không đơn thuần là trò chơi giải trí.
- Trò chơi phải được chuẩn bị tốt về: điều kiện, phương tiện, phải có kế hoạch thực hiện như một bài soạn.

+ Cách thức thực hiện

Bước 1: Giáo viên giới thiệu tên, mục đích của trò chơi.

Bước 2: Hướng dẫn chơi:

- Tổ chức người tham gia trò chơi: Số người tham gia, số đội tham gia (mấy đội chơi), quản trò, trọng tài.
- Các dụng cụ dùng để chơi (giấy khổ to, quân bài, thẻ từ, cờ...)

- Cách chơi: Từng việc làm cụ thể của người chơi hoặc đội chơi, thời gian chơi, những điều người chơi không được làm (luật chơi).

- Cách xác nhận kết quả và cách tính điểm chơi, cách giải của cuộc chơi (nếu có)

Bước 3: Thực hiện trò chơi (chơi thử, chơi thật)

Bước 4: Nhận xét sau cuộc chơi. Bước này bao gồm những việc làm sau:

- Giáo viên hoặc trọng tài là học sinh nhận xét về thái độ tham gia trò chơi của từng đội, những việc làm chưa tốt của các đội để rút kinh nghiệm.

- Trọng tài công bố kết quả chơi của từng đội, cá nhân và trao phần thưởng cho đội đoạt giải.

- Một số học sinh nêu kiến thức, kỹ năng trong bài học mà trò chơi đã thể hiện.

+ Ưu điểm và hạn chế

Trò chơi học tập là một hình thức học tập bằng hoạt động, hấp dẫn học sinh học sinh nên duy trì tốt hơn sự chú ý của các em với bài học. Trò chơi làm thay đổi hình thức học tập chỉ bằng hoạt động trí tuệ, do đó giảm tính căng thẳng của giờ học, nhất là các giờ học kiến thức lý thuyết mới. Trò chơi có nhiều học sinh tham gia sẽ tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng học tập hợp tác cho học sinh, được rèn kỹ năng phản ứng nhanh và các giác quan. Thông qua trò chơi giáo dục phẩm chất đạo đức.

Học sinh quá khích (háo thắng), chơi gian lận, người thua buồn, giận hờn,... Học sinh dễ sa đà vào việc chơi mà ít chú ý đến tính chất học tập của các trò chơi.

2.1.5. Phương pháp sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học

+ Bản chất

Sử dụng PowerPoint để soạn giáo án điện tử dạy học. Hiện nay, dạy học với giáo án điện tử đang trở thành một phong trào sôi nổi ở các trường

học các cấp, đây là loại giáo án được biên soạn trực tiếp trên máy tính bằng một phần mềm chuyên dụng, giúp giáo viên đơn giản hóa việc lập giáo trình, chỉnh sửa... Phần mềm Microsoft PowerPoint cho phép bạn tạo dựng những Slide (lát cắt) thể hiện những chủ điểm, thông điệp đi kèm với những hiệu ứng. MS PowerPoint thường được dùng để xây dựng bài giảng điện tử, thuyết trình, thậm chí là để quảng cáo, làm phim hoạt hình và trình diễn ảnh. PowerPoint là một chương trình biên tập presentation (trình diễn) rất tốt cho những người thích nhanh chóng, tiện lợi nhưng cũng rất đẹp và chuyên nghiệp.

+ Mục đích, yêu cầu

- Trợ giúp cho giáo viên trong việc hướng dẫn học sinh học kiến thức mới, rèn luyện kỹ năng, giảm tính trừu tượng của kiến thức, kích thích sự hứng thú học tập của học sinh.

- Tạo điều kiện cần thiết cho học sinh thực hành để hình thành và rèn luyện các kỹ năng.

- Góp phần đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

- Hỗ trợ giáo viên trong việc nâng cao kiến thức, kỹ năng, thiết kế bài học theo hướng lấy học sinh làm trung tâm có hiệu quả hơn.

+ Cách thức thực hiện

- Nghiên cứu tài liệu và xác định bài dạy nào cần thiết phải trình chiếu Power point.

- Mục đích trình chiếu là gì?

- Kết quả đạt được từ việc trình chiếu đó như thế nào?

- Chọn thời điểm phù hợp của tiết học để sử dụng phương tiện trình chiếu nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

- Xác định được thời lượng sử dụng phương tiện đó.

- Cân nhắc những biện pháp, cách thức chuẩn bị cho học sinh tri giác tài liệu học tập cũng như việc nghiên cứu tài liệu sau khi đã quan sát hoặc nghe đầy đủ.

- Xây dựng kế hoạch và tiến hành tổ chức tiết học một cách thích hợp nhằm phát huy tính tích cực, tự lực nhận thức của học sinh trong việc lĩnh hội kiến thức.

- Xác định tất cả các mục tiêu có trong bài dạy và chọn mục tiêu nào phù hợp với việc trình chiếu.

- Tìm tư liệu có liên quan.

- Xác định những phim ảnh, hình ảnh có liên quan đến bài giảng.

- Tiến hành soạn giảng trên máy.

+ Ưu điểm và hạn chế

Ưu điểm

- Giúp giáo viên thực hiện được nhiều thứ mà cách dạy “bảng phấn” không thể làm được như: sơ đồ động, tài liệu minh họa đa dạng và phổ biến được đến từng học sinh,...

- Cho phép GV liên kết sử dụng các phần mềm chuyên dụng phục vụ bộ môn.

- Các hiệu ứng, màu sắc, kiểu chữ,... rất tiện lợi cho một xử lý một bài giảng linh hoạt, hấp dẫn và sư phạm.

- Khả năng sử dụng hiệu quả các hình ảnh, phim, các tư liệu dạy học nhanh chóng và chất lượng.

- Tiết kiệm nhiều thời gian viết, vẽ trên lớp.

- Thuận lợi cho việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực.

- Giáo án điện tử cũng hỗ trợ tốt cho việc dạy các môn khoa học xã hội.

Hạn chế

- Nhiều trường không có máy chiếu hoặc có chỉ một bộ nên giáo viên chỉ sử dụng trong các tiết chuyên đề, hội giảng còn đại trà thì chưa sử dụng được.

- Vấn đề kĩ thuật sử dụng máy tính, máy chiếu còn là một khó khăn chưa thể vượt qua ở nhiều giáo viên.

- Thời gian đầu tư cho một bài dạy rất nhiều, nhất là đối với GV mới biết sử dụng máy tính.

- Nếu không có ý thức sử dụng giáo án điện tử tốt thì các ưu thế của phần mềm này có thể sẽ trở thành nhược điểm lớn và cơ bản: HS thích học vì mới lạ nhưng tâm lí bị phân tán, không theo dõi được bài học, không ghi được nội dung cơ bản của bài....

2.2. Dạy học dấu câu qua phân môn Luyện từ và câu

Ở giờ Luyện từ và câu, ngoài các bài học có nội dung dạy học dấu câu, giờ học còn cung cấp các kiến thức về từ ngữ, ngữ pháp và rèn kĩ năng dùng từ đặt câu cho học sinh. Theo quan điểm dạy học tiếng Việt qua giao tiếp, giờ Luyện từ và câu vẫn có những cơ hội vận dụng kiến thức về từ và câu vào hoạt động giao tiếp. Học sinh thực hành, vận dụng các kiến thức về từ và câu được cung cấp trong giờ học thông qua việc dùng từ đặt câu, viết đoạn theo những mục đích và tình huống giao tiếp cụ thể. Đó cũng là cơ hội để các em luyện kiến thức và kĩ năng sử dụng dấu câu.

Đối với nội dung dạy học về dấu câu (các thành phần câu, cấu trúc ngữ pháp của câu, các kiểu câu, các mẫu câu...), giáo viên có thể củng cố kiến thức về dấu câu cho học sinh. Đây là cơ hội để các em nhận rõ mối quan hệ giữa dấu câu với ngữ pháp của câu.

Để tăng cường hoạt động học tập của học sinh, ngoài việc tổ chức cho các em làm việc theo lớp, tổ, nhóm, giáo viên nên cho các em học tập theo cặp hoặc cá nhân để phát huy cường độ làm việc của từng em. Giáo viên có thể cho học sinh đặt câu hỏi bằng miệng kết hợp với viết để các em một mặt

thực hành các kiến thức về từ hoặc câu được học trong giờ học, một mặt luyện viết câu, viết đoạn để thông qua đó, củng cố kỹ năng sử dụng dấu câu. Ví dụ: Trong giờ ôn luyện về các kiểu câu *Ai là gì?, Ai làm gì?, Ai thế nào?* (Tiếng Việt 2). Giáo viên có thể cho học sinh làm theo cặp: các em cùng viết vào giấy câu hỏi và câu trả lời về những người thân trong gia đình của nhau dựa trên các kiểu câu được học. Trên thực tế, khi yêu cầu học sinh ghi lại các câu vừa đặt bằng miệng, các em thường quên đánh dấu kết thúc câu.

Ví dụ: Dạy bài *Dấu chấm* GV cần giúp HS nhận biết quy tắc sử dụng dấu chấm và luyện viết và đọc câu có dấu chấm.

Khi HS đã có khái niệm thế nào là một câu, việc dạy các dấu kết thúc câu sẽ có nhiều thuận lợi. Đối với HS lớp 2 mới làm quen với khái niệm về câu, GV chỉ nên đưa những mẫu câu đơn giản để các em nhận biết về dấu chấm kết thúc câu.

GV có thể thực hiện giờ dạy học theo các bước sau:

Bước 1: Quan sát câu mẫu

- GV nêu tình huống giao tiếp để các em đưa mẫu câu (đặt câu)

* *Ngày sinh nhật, em được tặng nhiều món quà. Em hãy nói một câu kể về món quà em thích nhất với các bạn trong lớp.*

- Trong các câu mẫu, GV nên đưa ra đủ các nội dung của câu sử dụng dấu chấm kết thúc câu: câu kể, câu tả, câu khẳng định.

- GV nhận xét, đánh giá.

Bước 2: Phân tích câu mẫu

GV cho HS tìm hiểu và nêu nhận xét về nội dung các câu mẫu bằng các câu hỏi gợi ý:

- Câu này kể về ai (hoặc về cái gì)?

- Câu này nhận xét về ai (về cái gì)? v.v...

- Câu mẫu có thể từng câu rời song cũng nên khuyến khích các em đặt được cụm từ (thành đoạn nhỏ) để nhận biết ranh giới và mối quan hệ giữa các câu.

- GV nhận xét, đánh giá.

Bước 3: Tổng hợp, khái quát hóa .

- GV cho HS lên bảng (viết bảng) đặt câu có sử dụng dấu chấm. Sau đó, hướng dẫn các em nêu nhận xét về cách sử dụng dấu chấm khi viết câu và cách đọc các câu có dấu chấm (hạ giọng ở cuối câu).

Bước 4: Luyện tập

HS làm các bài tập dấu chấm dưới đây :

Em hãy ghi dấu chấm (.) vào ô trống ở cuối dòng đã thành câu:

1. Giữa sân trường

2. Vườn cây nhà Nam

3. Bạn Nam đi học

Tương tự khi dạy học bài *Dấu chấm hỏi*, GV không chỉ giúp các em nhận biết quy tắc sử dụng dấu chấm hỏi mà còn phải giúp các em luyện viết và đọc (nói) câu có dấu chấm hỏi. Lời nói của các em sẽ truyền cảm hơn, gây được ấn tượng hơn đối với người nghe, người đọc. Đồng thời các em cũng được luyện cách sử dụng dấu phẩy tách các thành phần đồng chức trong câu. GV có thể thực hiện giờ dạy học theo các bước sau:

Bước 1: Quan sát mẫu câu

- GV đưa ra một bức tranh cho HS quan sát. Sau đó lần lượt đặt từng câu hỏi để học sinh trả lời:

Ví dụ: Đưa học sinh quan sát bức tranh về cảnh biển và trả lời các câu hỏi.

(GV: Các con thấy bức tranh vẽ gì?

HS: Thưa cô, tranh vẽ cảnh biển ạ.

GV: Các con thấy sóng biển như thế nào?

HS: Thưa cô, sóng biển tung bọt trắng xóa ạ.)

- GV đưa ra một đồ vật rồi yêu cầu một HS tự nêu câu hỏi về đồ vật đó để các bạn khác trả lời.

Ví dụ: GV đưa quyển sách *Tiếng Việt 2 - Tập 2* và hỏi ai trong lớp muốn nêu câu hỏi cho các bạn về cuốn sách này.

(HS có thể hỏi nhau như sau:

HS 1: Bạn đã đọc bài “Quả tim khi” chưa?

HS 2: Mình đọc rồi

HS 1: Bạn hãy kể cho cả lớp biết trong bài có những ai (nhân vật)?

HS 2: Trong bài có Khi, Cá Sấu)

Bước 2: Phân tích câu mẫu

GV giúp HS nhận biết những câu hỏi trong hai cuộc đối thoại.

GV: Em hãy cho biết: trong hai lần đối thoại vừa rồi về bức tranh và bài “Quả tim khi”, lời của ai gọi là câu hỏi?

HS: Lời của cô và HS 1.

GV: Các câu nói đó được gọi là câu hỏi. Vậy khi nào chúng ta cần sử dụng câu hỏi? (Hoặc: Câu hỏi dùng để làm gì?)

HS: Khi ta muốn biết, muốn hiểu về một điều gì đó mà ta chưa rõ.

GV: Lời đáp lại của câu hỏi đó được coi là câu trả lời hoặc câu đáp. Khi ghi lại các câu hỏi - đáp đó, chúng ta phải sử dụng dấu câu để phân biệt câu hỏi và câu trả lời:

- Cuối câu hỏi dùng dấu chấm hỏi. Dấu chấm hỏi được viết?

- Cuối câu trả lời dùng dấu chấm.

GV ghi ví dụ trên bảng:

- Bạn thấy sóng biển như thế nào?

- Mình thấy sóng biển tung bọt trắng xóa.

GV: Em hãy tự đặt cho các bạn câu hỏi rồi cho cô biết khi nêu câu hỏi cần lên giọng ở từ nào?

HS tập đặt câu hỏi lẫn nhau và nêu nhận xét của mình. GV cần giúp HS nhận ra rằng: Khi hỏi người khác điều gì, cần lên giọng ở những từ dùng để hỏi như: gì, cái gì, thế nào, làm sao, tại sao...

Bước 3: Tổng hợp, khái quát hóa

Từ các ví dụ đã phân tích, GV nên cho các em nêu nhận xét về cách sử dụng dấu chấm hỏi khi viết câu.

Bước 4: Luyện tập

GV yêu cầu HS làm việc theo cặp: 2 bạn hỏi nhau (đổi vai) về điều mình quan tâm. Ghi lại các lời hỏi đáp vào vở nháp. GV quan sát và đi từng bàn kiểm tra, giúp đỡ. Sau đó, gọi một vài cặp lên bảng ghi lại và đọc lại các câu hỏi – đáp của mình. Cả lớp cùng nhận xét về cách đọc và ghi dấu câu của bạn. Cuối buổi, GV tổ chức trò chơi giao tiếp viết: 10 HS xếp hàng dọc.

HS 1: Nêu 1 câu hỏi.

HS 2: Trả lời câu hỏi và nêu tiếp câu hỏi khác.

HS 3: Trả lời câu hỏi của HS 2 và nêu tiếp câu hỏi cho người đứng sau.

Phần nội dung học tập về từ ngữ trong phân môn luyện từ và câu, giáo viên vẫn có thể kết hợp dạy và củng cố kiến thức, rèn kỹ năng sử dụng dấu câu của học sinh. Dạy học từ ngữ ở tiểu học phải đảm bảo nguyên tắc thực hành, đó chính là quan điểm dạy học theo quan điểm giao tiếp nhằm phát triển lời nói cho học sinh. Các kiến thức về từ ngữ và vốn từ ngữ cung cấp cho học sinh qua mỗi bài học chỉ mang tính tích cực khi nó được các em vận dụng vào giao tiếp đời sống của mình, dưới cả hai phương thức nói và viết. Trong quá trình dạy học, giáo viên có thể xen kẽ yêu cầu dùng từ với đặt câu theo mẫu câu, với tư cách sử dụng dấu câu cụ thể. Đó cũng chính là một trong những con đường giúp học sinh ôn luyện về dấu câu.

Giờ luyện từ và câu hoàn toàn có thể kết hợp dạy dấu câu cho học sinh nếu như giáo viên chú ý tới điều này. Đúng từ góc độ dạy học dấu câu, giờ

học này có quan hệ mật thiết với giờ tập làm văn, học sinh từ chỗ được luyện sử dụng dấu câu khi đặt từng câu tiến tới viết thành đoạn, thành bài.

2.3. Dạy học dấu câu qua các phân môn khác trong môn Tiếng Việt

Dạy học về dấu câu là nhiệm vụ của giờ Luyện từ và câu, mặc dù dấu câu xuất hiện ở tất cả các văn bản của mọi giờ học, môn học. Học sinh tiểu học có khả năng ghi nhớ kiến thức rất nhanh nhưng lại rất chóng quên nên cần có sự lặp lại hoặc củng cố thường xuyên. Bởi vậy, ngoài những nội dung dạy học, ôn luyện về dấu câu ở một số tiết học của phân môn luyện từ và câu, kiến thức về dấu câu và kỹ năng sử dụng dấu câu cần được củng cố trong các giờ học khác của phân môn Tiếng Việt mới có thể đem lại kết quả tốt trong việc dạy học dấu câu. Mỗi giờ học, giáo viên cần tìm ra những cơ hội để củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng dấu câu cho học sinh. Điều này cũng phù hợp với quan điểm dạy học tích hợp trong nhà trường hiện nay, đặc biệt là ở tiểu học.

2.3.1. Giờ Tập đọc

Giờ Tập đọc rèn cho học sinh kỹ năng đọc trơn, đọc thầm, đọc hiểu, đọc diễn cảm. Đây là cơ hội thuận lợi cho việc kết hợp dạy học dấu câu cho học qua việc chuyển ngôn ngữ viết sang hình thức âm thanh.

Khi học sinh đọc văn bản, thông qua việc hướng dẫn các em cách ngừng, ngắt hơi, cách lên giọng, nhấn giọng, kéo dài giọng, đặc biệt là cách đọc diễn cảm, giáo viên có thể giúp các em nhận biết chức năng thể hiện ngữ điệu của dấu câu. Đối với từng bài tập đọc cụ thể, giáo viên có thể yêu cầu học sinh dựa vào bài đọc để trả lời các câu hỏi:

+ Đọc câu có dấu chấm than (câu cảm thán, câu cầu khiến, câu hô gọi) như thế nào? Giọng đọc buồn hay vui?

+ Đọc câu có dấu hỏi chấm (câu nghi vấn) như thế nào? Giọng đọc thể hiện điều nghi vấn với thái độ hi vọng, lo lắng hay băn khoăn...

+ Đọc câu có dấu chấm (câu kể, tả, nhận xét...) như thế nào?...

+ Đọc câu là lời nói trực tiếp như thế nào để phân biệt lời tác giả (lời dẫn chuyện) với lời nói trực tiếp?

+ Đọc câu có dấu phẩy đặt giữa các thành phần đẳng lập, các thành phần đồng chức như thế nào?...

Trong giờ Tập đọc, khi học sinh nghe cô giáo hoặc bạn đọc bài, các em có cơ hội nhận biết dấu câu bằng thính giác. Việc luyện nghe ngữ điệu để nhận biết dấu câu cũng giúp học sinh hiểu và nắm vững tốt hơn các quy tắc dấu câu gắn với cấu trúc câu cụ thể. Học sinh được nghe ngữ điệu của mỗi kiểu câu qua giọng đọc của người khác, sau đó thể hiện lại bằng giọng đọc của mình. Chẳng hạn, để giúp học sinh nhận biết tốt hơn câu kể, câu cảm, câu hỏi và quy tắc đặt dấu chấm, dấu chấm cảm, dấu chấm hỏi tương ứng ở cuối câu, giáo viên cần dạy cho các em phân biệt thành thạo bằng tai nghe các ngữ điệu của câu kể, câu hỏi, câu cảm khi chúng xuất hiện trong các bài tập đọc.

Trong giờ Tập đọc, giáo viên có thể đưa ra những câu hỏi, xây dựng những bài tập luyện đọc, luyện nghe để sử dụng khi kiểm tra bài cũ đầu giờ học, khi củng cố cách đọc ở cuối giờ, khi kiểm tra cách hiểu của học sinh về dấu câu đan xen trong giờ học. Các bài tập này cần giúp học sinh nhận biết được dấu câu đóng vai trò định hướng cho cách đọc, cách thể hiện ngữ điệu của lời văn trong văn bản, thậm chí có thể quy định cách hiểu ý tứ của câu văn, đoạn văn. Khi đọc to bài tập đọc, các em có cơ hội thể hiện ngữ điệu mà từ ngữ và dấu câu có khả năng gợi ý, chỉ dẫn, quy ước cách đọc. Đây cũng chính là phương pháp trực quan trong dạy học. Cho học sinh đọc to bài tập đọc trong sách là một cách kiểm tra mức độ hiểu nội dung văn bản và dấu câu của các em. Khi hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung bài tập đọc, giáo viên có thể củng cố, bổ sung, nâng cao những nhận biết của học sinh về chức năng,

công dụng của dấu câu trong văn bản và nhận biết rõ mối quan hệ giữa dấu câu với ngữ điệu, ngữ nghĩa của câu.

Những điều chúng tôi trình bày ở trên không có nghĩa giờ Tập đọc nào cũng phải đề cập đến dấu câu, song đối với những bài tập đọc mà ở đó dấu câu có vai trò quan trọng trong việc thể hiện nội dung, ý nghĩa, ngữ điệu, cảm xúc, tâm trạng..., giáo viên cần đặc biệt chú ý hướng dẫn học sinh khai thác, phát hiện, phân tích... để hiểu rõ chức năng, công dụng của dấu câu trong từng trường hợp sử dụng cụ thể.

Những việc làm và phương pháp dạy học dấu câu trong giờ Tập đọc nêu trên sẽ phát huy được hiệu quả khi nó trở thành yêu cầu, quy định của chương trình và giáo viên có ý thức khai thác triệt để các cơ hội dạy học dấu câu trong giờ Tập đọc theo sự hướng dẫn của các tác giả biên soạn sách.

2.3.2. Giờ Kể chuyện

Trong giờ Kể chuyện, các câu chuyện hầu như được lấy từ các văn bản truyện. Khác với giờ Tập đọc, ở giờ Kể chuyện, học sinh được thoát li văn bản, thực hành nói các kiểu câu kể, câu miêu tả, câu nhận xét, câu hỏi, câu cầu khiến, câu cảm... Do vậy, lời kể của giáo viên và học sinh thực chất là khôi phục lại bằng giọng nói, ngữ điệu, vẻ mặt... các phương tiện diễn đạt của ngôn ngữ viết (chữ viết, dấu câu...). Thông qua đó, các em được luyện cách thể hiện ngữ điệu khi chuyển câu văn viết sang văn nói và cũng hiểu rõ hơn vai trò của dấu câu trong việc thể hiện ngữ điệu của lời văn.

Giờ Kể chuyện ở cấp tiểu học có sự khác biệt so với trường mẫu giáo. Học sinh tiểu học có cơ hội đối chiếu, so sánh ngôn ngữ nói với ngôn ngữ viết. Tức là trẻ biết vận dụng những hiểu biết về ngôn ngữ viết để nói tốt hơn và ngược lại. Khi hướng dẫn học sinh kể chuyện, giáo viên cần giúp các em hình dung ra câu nói ấy nếu được thể hiện trên chữ viết sẽ như thế nào, cách chấm câu ra sao. Trong quá trình dạy kể chuyện, giáo viên có thể đưa ra các

chỉ dẫn, các yêu cầu hoặc câu hỏi để củng cố kiến thức về dấu câu. Chẳng hạn, có thể yêu cầu học sinh:

- So sánh sự khác biệt về ngữ điệu lời kể chuyện

Ví dụ: Hãy so sánh giọng điệu của 2 câu nói sau:

+ *Đồ chậm như sên! Mà mà cũng đòi tập chạy à?*

+ *Chậm như sên mà cũng đòi tập chạy!*

- Kể chuyện và thể hiện rõ ngữ điệu của những lời thoại, những hô ngữ, những câu kể, câu cảm, câu khiến... có trong truyện

Ví dụ: Hãy kể lại truyện "Rùa và Thỏ" (*Tiếng Việt 1, tập 2*)

Trong quá trình học sinh kể chuyện, giáo viên cùng cả lớp nhận xét về ngữ điệu, giọng kể chuyện của người kể đã đạt yêu cầu hay chưa đạt yêu cầu. Việc làm này nhằm giúp học sinh nhận ra mối quan hệ mật thiết giữa dấu câu và ngữ điệu.

Trong giờ Kể chuyện, học sinh còn được phát triển khả năng cảm nhận thông tin lời nói bằng thính giác. Thông qua đó cũng rèn cho các em kỹ năng sử dụng dấu câu: khi muốn thể hiện câu nói với ngữ điệu nào thì phải điền dấu câu có chức năng tương ứng.

Học sinh được luyện tập kể chuyện theo vai, kể chuyện được tham gia, được chứng kiến. Đây là cơ hội để các em phát huy trí tưởng tượng sáng tạo khi được tự tạo ra lời kể chuyện mới dựa vào cốt truyện ban đầu, tự tạo ra lời thoại mới trên cơ sở hiểu biết về tính cách các nhân vật trong chuyện và tự tạo ra lời kể về người thật, việc thật, câu chuyện có thật. Giáo viên cần tạo điều kiện về thời gian để học sinh ghi chép lại lời kể của mình, thông qua đó các em được củng cố và rèn kỹ năng sử dụng dấu câu. Ví dụ:

- *Hãy đóng vai Rùa (hoặc Thỏ) để kể lại cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ.*

Thực hiện yêu cầu này sẽ giúp học sinh biết kể chuyện theo ngữ điệu, giọng điệu, lời dẫn chuyện mới, mang tính cách và tâm trạng của nhân vật trong truyện mà các em tự cảm nhận được.

Như vậy, giờ Kể chuyện có thể kết hợp dạy học dấu câu cho học sinh, đặc biệt là giúp học sinh thực hành việc nhận biết chức năng của dấu câu trong việc thể hiện ngữ điệu của lời nói trong văn bản.

2.3.3. Giờ Tập làm văn

Đối với phân môn Tập làm văn, trước khi yêu cầu học sinh tập viết bài văn bao giờ cũng có giờ lí thuyết hướng dẫn cách viết bài văn theo yêu cầu về kiểu bài và nội dung thông qua những đoạn văn, bài văn mẫu. Như vậy, phân môn này có ba nội dung dạy học: hướng dẫn học sinh tiếp nhận văn bản mẫu, luyện tập tạo lập văn bản theo mẫu, chữa lỗi văn bản do các em tạo lập (giờ trả bài). Với mỗi nội dung dạy học này, giáo viên đều có thể rèn kĩ năng sử dụng dấu câu cho học sinh.

Đối với giờ tiếp nhận văn bản mẫu, giáo viên nên yêu cầu các em vừa cảm nhận về ý tứ, nội dung của văn bản mẫu, vừa quan sát, học tập cách sử dụng dấu câu của tác giả. Ví dụ, trước khi yêu cầu học sinh luyện viết bài văn tả cảnh sông nước (Tiếng Việt 5, tập 1) học sinh được nhận xét cách quan sát cảnh, cách chọn lọc chi tiết để tả cảnh, cách xây dựng đoạn, bài của các văn bản mẫu. Khi dạy học, giáo viên không chỉ hướng dẫn học sinh nhận xét về nội dung, về cách xây dựng, triển khai ý... mà còn phải giúp các em biết đánh giá cách viết câu, cách sử dụng dấu câu trong bài văn. Chẳng hạn, giáo viên có thể đưa ra các cấu trúc câu khác nhau hoặc cách đánh dấu câu khác nhau để học sinh so sánh, nhận xét cách viết nào hay hơn (có hiệu quả biểu đạt hơn). Ví dụ:

Theo em, nên chọn cách chấm câu nào (cho câu văn in đậm) trong 2 cách dưới đây:

- Trong tiếng gió thổi, ta nghe tiếng thông reo, tiếng sóng vỗ, tiếng ve ran và cả tiếng máy, tiếng xe, tiếng còi trực từ trên các tầng than, bên cảng vọng lại. Những âm thanh của sự sống trăm ngã tụ về, theo gió ngân lên vang vọng.

- Trong tiếng gió thổi, ta nghe tiếng thông reo, tiếng sóng vỗ, tiếng ve ran và cả tiếng máy, tiếng xe, tiếng càn trục từ trên các tầng than, bên cảng vọng lại. **Những âm thanh của sự sống trăm ngã tụ về, theo gió ngân lên vang vọng...**

Với cách nêu câu hỏi như trên, học sinh sẽ dần có ý thức về cách sử dụng dấu câu sao cho có thể biểu đạt được chính xác nhất, tinh tế nhất điều muốn nói, muốn diễn tả. Từ ý thức đó, các em sẽ biết học tập, vận dụng khi viết bài.

Khi hướng dẫn học sinh viết bài theo mẫu, giáo viên cần giúp các em hiểu rõ: bản thân dấu câu không có khả năng tự thân, không thể tồn tại độc lập mà phải gắn với nội dung, ý tưởng, gắn với cách dùng từ, đặt câu để diễn đạt ý tưởng, nội dung. Cụ thể, giáo viên cần hướng dẫn học sinh nhận ra mối quan hệ của dấu câu với việc hình thành ý tưởng, diễn đạt ý tưởng bằng ngôn từ, chữ viết. Ý càng phong phú thì việc viết câu càng đòi hỏi sự hiểu biết chắc chắn về ngữ pháp, về các chức năng, công dụng của dấu câu. Chẳng hạn, từ một câu văn đơn giản:

Ngoài sân trường, học sinh đang chơi đùa vui vẻ.

Học sinh có thể mở rộng ý cho câu bằng cách thêm vào các trạng ngữ, các chủ ngữ, vị ngữ, hay bổ ngữ... cho câu. Chẳng hạn như:

- *Ngoài sân trường, dưới ánh nắng dịu nhẹ của mùa thu, các bạn học sinh đang chơi đùa vui vẻ, tiếng cười tiếng nói rộn vang...*

Cùng với việc mở rộng ý, thay đổi cấu tạo ngữ pháp của câu, học sinh còn được rèn kỹ năng sử dụng dấu câu. Trong câu văn trên, các em được rèn kỹ năng sử dụng dấu phẩy tách các bộ phận đồng chức (tách các trạng ngữ, các vị ngữ với nhau)... Như vậy, gắn liền với quá trình phát triển nội dung của câu văn, đoạn văn, bài văn là việc lựa chọn sử dụng các kiểu câu, các dấu câu thích hợp.

Trong giờ trả bài tập làm văn, giáo viên cần giúp học sinh nhận ra việc dùng đúng, dùng hay hoặc dùng sai dấu câu của các em trong bài viết của mình, của bạn. Giáo viên nên đưa dẫn chứng từ chính bài làm của học sinh trong để giúp các em nhận biết vai trò của dấu câu trong việc làm tăng khả năng biểu đạt của câu văn để tìm ra nguyên nhân dẫn đến việc dùng sai, dùng thiếu, dùng thừa... dấu câu. Đây là công việc rất thiết thực để rèn cho học sinh kỹ năng sử dụng dấu câu khi tạo lập văn bản. Bằng cách cho các em đọc lại những bài văn hay của mình, của bạn. Giáo viên có thể đánh giá kỹ năng sử dụng dấu câu của các em. Khi cho học sinh đọc to bài viết của bạn, các em sẽ phát hiện được sự giống và khác giữa mình và bạn trong cách dùng từ, viết câu, cách sử dụng dấu câu... Từ đó, các em biết rút ra những bài học cần thiết cho bản thân trong việc sử dụng dấu câu. Khi nghe người khác đọc bài văn của mình để nhận biết và lí giải sự giống hoặc khác nhau về ngữ điệu, giọng đọc, giáo viên có thể yêu cầu học sinh phải so sánh, lí giải, nhận xét cách đọc nào là đúng, là hợp lí nhất đối với nội dung văn bản. Từ đó giúp các em nhận thức sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa dấu câu và ngữ điệu trong việc thể hiện nội dung thông tin.

Như vậy, giờ Tập làm văn có rất nhiều cơ hội để học sinh thực hành và củng cố kỹ năng sử dụng dấu câu một cách rất thiết thực. Tuy nhiên, để điều này thực sự mang lại hiệu quả, giáo viên còn cần chú ý đến khâu nhận xét, đánh giá, cho điểm về những ưu khuyết của việc sử dụng dấu câu trong bài tập làm văn của các em.

2.3.4. Giờ Chính tả

Các giờ Chính tả ở tiểu học, ngoài các bài tập chính tả, bao giờ cũng có yêu cầu viết chính tả (chép một đoạn văn, đoạn thơ). Có chính tả nhìn - viết (nhìn vào văn bản được viết lên bảng lớp hoặc nhìn vào sách để chép), nghe - viết (giáo viên đọc, học sinh chép) và chính tả nhớ - viết (học sinh

chép theo trí nhớ một đoạn hoặc bài đã được học thuộc lòng). Mỗi loại bài đều có thể giúp học sinh ghi nhớ cách viết dấu câu, cách sử dụng dấu câu trong đoạn văn, bài văn.

Đối với bài chính tả nghe - viết, giáo viên cần cho học sinh nhìn sách đọc lại bài chính tả sẽ viết và nhận xét bài chính tả có mấy dấu câu, là những dấu nào, vị trí của chúng trong câu ra sao... Khi đọc chính tả cho các em chép, giáo viên cần thể hiện đúng, rõ ngữ điệu, cách ngắt nghỉ hơi tương ứng với loại dấu câu để theo đó học sinh có thể chép đúng dấu câu. Ở bài chính tả nghe - viết này, học sinh được luyện tập kỹ năng sử dụng dấu câu dựa vào ngữ điệu (qua giọng đọc của giáo viên) và dựa vào nội dung bài đọc các em đã được làm quen trước đó. Trong bộ sách Tiếng Việt 2, rất nhiều giờ Chính tả yêu cầu học sinh tìm các dấu câu, chỉ ra tác dụng của dấu câu, cách viết dấu câu... trước khi đặt bút chép bài. Đây chính là một cách giới thiệu giúp học sinh nhận diện một số dấu câu chưa được học và nhắc nhở, củng cố kiến thức, cách sử dụng đối với những dấu câu đã được học. Ví dụ, dấu câu được học ở lớp 2 là dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy, nhưng sách Tiếng Việt 2 đã có những bài tập gọi tên và nhận diện dấu hai chấm, dấu ngoặc kép, dấu ngoặc đơn, dấu gạch ngang... trong giờ Chính tả. Dưới đây là một ví dụ trong bài chính tả nghe - viết:

Nghe - viết bài “Một trí khôn hơn trăm trí khôn” (từ “*Một buổi sáng*”... đến “*lấy gậy thọc vào hang*”)

- Tìm câu nói của người thợ săn.
- Cho biết câu nói ấy được đặt trong dấu gì.

(Tiếng Việt 2, tập 2 tr 33)

Đối với bài chính tả nhớ - viết, đây chính là cơ hội rất tốt để học sinh rèn kỹ năng sử dụng dấu câu theo mẫu (nhờ học thuộc lòng, học sinh có thể ghi nhớ từ ngữ, kiểu câu, nội dung, ý nghĩa cho đến cả cách đặt dấu câu trong

văn bản). Đối với học sinh tiểu học, việc luyện theo mẫu là cần thiết, giúp các em ghi nhớ những chuẩn mực của lời nói, từ đó sẽ chủ động, tự tin hơn khi gặp các tình huống học tập và giao tiếp tương tự. Điều này sẽ thực sự phát huy hiệu quả khi giáo viên cho học sinh chép chính tả theo trí nhớ những đoạn thơ, đoạn văn có sử dụng nhiều loại dấu câu. Ví dụ đoạn thơ dưới đây:

Cốc, cốc, cốc!

- Ai gọi đó?

- Tôi là Thỏ.

- Nếu là Thỏ

Cho xem tai.

(Tiếng Việt 1, tập 2)

Trên đây là một bài chính tả, theo chúng tôi, đoạn trích trên có thể giúp học sinh ghi nhớ chức năng dấu câu và rèn luyện kỹ năng sử dụng dấu câu theo các mẫu điển hình. Các mẫu sử dụng dấu câu đưa ra cho học sinh tiểu học chính là một cách làm giàu vốn hiểu biết và kinh nghiệm sử dụng dấu câu của các em.

Đề giờ Chính tả thực sự góp phần giúp học sinh sử dụng dấu câu tốt hơn thì bản thân các em cần phải tự bộc lộ năng lực, trình độ của mình một cách độc lập, chủ động trong việc vận dụng những kiến thức đã được học về dấu câu vào những tình huống sử dụng cụ thể mà bài chính tả yêu cầu.

Kết hợp dạy học dấu câu trong các giờ học của bộ môn Tiếng Việt là điều cần thiết, phù hợp với đặc điểm đối tượng học sinh tiểu học, giúp các em có cơ hội ôn luyện thường xuyên. Song điều đó không có nghĩa nhất thiết giờ học nào cũng phải đề cập đến dấu câu. Giáo viên cần chủ động lựa chọn những bài học, những thời điểm thích hợp để dạy dấu câu sao cho vừa có thể củng cố kiến thức, kỹ năng sử dụng dấu câu vừa góp phần giúp học sinh học tập môn học đó, bài học đó tốt hơn, nhận ra mối quan hệ đa dạng

của dấu câu với các yếu tố ngôn ngữ. Mặt khác, kết hợp dạy dấu câu trong các phân môn Tiếng Việt đã đảm bảo nguyên tắc: học đi đôi với hành, chú trọng yêu cầu thực hành, ứng dụng trong dạy học tiếng Việt nói chung và dạy học dấu câu nói riêng.

2.4. Vận dụng các hình thức tổ chức dạy học

Học sinh tiểu học vốn rất hiếu động, thích sự thay đổi. Do đó để tránh sự nhàm chán do hình thức học tập đơn điệu, để khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp sáng tạo của người học, từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương pháp hiện đại vào quá trình dạy học, cần phải đổi mới các hình thức tổ chức dạy học, phối hợp giữa hình thức tổ chức dạy học truyền thống với hình thức tổ chức dạy học mới. Việc đổi mới các hình thức tổ chức dạy học sẽ khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, tự tin và sáng tạo trong học tập. Tùy theo nội dung và điều kiện học tập, việc dạy học có thể tiến hành trong lớp hoặc ngoài hiện trường.

2.4.1. Học cá nhân

Tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của học sinh để các em giải quyết các nhiệm vụ học tập ở lớp. Việc học cá nhân chỉ thực sự đạt hiệu quả khi mỗi học sinh được thực sự làm việc với đối tượng học tập theo gợi ý, hướng dẫn của giáo viên trong phiếu học tập. Giáo viên cần dự kiến các câu hỏi phụ, những hoạt động phụ để gợi ý, giúp học sinh kém hoàn thành được công việc. đồng thời cũng phải có những hoạt động, những câu hỏi thêm cho học sinh khá, vì những em này thường hoàn thành nhiệm vụ học tập sớm hơn những em khác. Trong lúc tất cả học sinh đang chăm chú làm việc, giá viên có thể trực tiếp kiểm tra từng em hoặc giúp từng cá nhân, từng nhóm thực hiện nhiệm vụ.

2.4.2. Học nhóm

Hình thức này rèn kỹ năng giao tiếp tiếp, giúp học sinh có khả năng hợp tác với tập thể, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, phát triển ngôn ngữ tư

duy. Các em biết học tập có tổ chức, có trách nhiệm giữa các thành viên trong một nhóm học sinh. trong nhóm mỗi học sinh phải phát biểu ý kiến riêng của mình, phải thực hiện những nhiệm vụ cụ thể để hoàn thành nhiệm vụ chung của cả nhóm.

Tùy theo nội dung bài học và số lượng đồ dùng dạy học được chuẩn bị, giáo viên quyết định số học sinh ở mỗi nhóm là 2,3 hay 4,5,6 em. Có thể chia nhóm theo hoạt động hoặc ghép ngẫu nhiên. Các nhóm cử một nhóm trưởng và một thư kí sẵn sàng ghi chép khi nhóm làm việc. Giáo viên nên tạo điều kiện cho học sinh luân phiên làm nhóm trưởng và thư kí để em nào cũng có cơ hội tập điều hành công việc trong nhóm. Giáo viên có thể giao cho các em giỏi, khá nhiệm vụ kèm cặp các em yếu một cách cụ thể. Điều quan trọng khi tổ chức học nhóm là nhiệm vụ được giao cho mỗi nhóm phải thật rõ ràng, cụ thể. Học sinh phải bàn bạc, thảo luận, thực hành để hoàn thành nhiệm vụ.

Trong lúc học sinh học nhóm, giáo viên phải thường xuyên đến các nhóm theo dõi diễn biến công việc của từng nhóm để hiểu được từng học sinh và cả nhóm lĩnh hội bài học như thế nào để có cách giúp đỡ cụ thể. Giáo viên nên tổ chức nhóm từ dễ đến khó. Thời gian đầu không nên yêu cầu học sinh làm việc quá nhiều. Khi học sinh đã quen với cách học nhóm, giáo viên có thể tăng thêm nhiệm vụ và kéo dài thời gian học nhóm hơn. Cần thay đổi cách bố trí lớp học khi tổ chức học theo nhóm, khi cần phân phát mẫu vật, biểu đồ, tranh ảnh cho học sinh.

2.4.3. Học toàn lớp

Giáo viên tổ chức dạy học toàn lớp khi cần thông báo, giải thích, tổng kết các ý kiến của học sinh, hướng dẫn chung cho cả lớp thực hiện nhiệm vụ học tập, tổ chức cho cả lớp cùng trao đổi ý kiến, cùng nghe đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc ở nhóm, cùng quan sát một hoặc một vài học sinh chữa bài sau khi học sinh làm việc cá nhân. Trừ một ít lần giáo viên phải

giảng giải, minh họa, chứng minh,... còn nên gợi ý, tổ chức, hướng dẫn để học sinh tham gia giải quyết các vấn đề chung của lớp như cùng thảo luận để tìm giải pháp hợp lí cho một vấn đề, cùng tìm cách giải và trình bày lời giải, cùng suy nghĩ để trả lời các câu hỏi mới nảy sinh trong quá trình học tập. Khi cần giáo viên nên sử dụng đồ dùng dạy học thích hợp (hình ảnh, sơ đồ, biểu bảng, ...) và thường xuyên quan sát, gợi ý, trao đổi ý kiến để thu thập các thông tin ngược từ học sinh rồi điều chỉnh (nếu cần thiết) nhằm nâng cao hiệu quả của lời nói với toàn lớp.

2.5. Đổi mới kiểm tra, đánh giá

2.5.1. Yêu cầu về đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập dấu câu

Với đề tài của luận văn nghiên cứu, chúng tôi không tham vọng nghiên cứu toàn diện vấn đề kiểm tra, đánh giá phần kiến thức, kĩ năng sử dụng dấu câu của học sinh, mà chỉ đề cập tới việc đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của dấu câu với mong muốn góp phần nâng cao hiệu quả dạy học dấu câu trong nhà trường.

Để kiểm tra, đánh giá trở thành một yếu tố tác động tích cực đến quá trình dạy học dấu câu, theo chúng tôi, cần đổi mới cả nội dung và hình thức kiểm tra, đánh giá phần kiến thức và kĩ năng sử dụng dấu câu của học sinh tiểu học.

Việc đổi mới nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập dấu câu cần đáp ứng đúng mục đích dạy học đã đặt ra. Đề bài kiểm tra, đánh giá (bài luyện tập sau mỗi buổi học, bài kiểm tra định kì) phải bao quát toàn bộ nội dung kiến thức về dấu câu được dạy học và đảm bảo đúng mức độ yêu cầu của chương trình. Kết quả kiểm tra, đánh giá phải có khả năng phân loại năng lực học sinh để giáo viên có biện pháp giúp đỡ kịp thời cũng như xem xét lại phương pháp dạy học của mình. Muốn vậy, nội dung kiểm tra, đánh giá phải phân thành các mức độ yêu cầu nhận thức (chủ yếu ở 3 mức độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng).

Để việc kiểm tra đánh giá có tác động tích cực đến quá trình dạy học dấu câu, hình thức kiểm tra, đánh giá cần đa dạng. Chẳng hạn, bên cạnh việc đánh giá kỹ năng sử dụng dấu câu của học sinh qua các bài viết (bài viết chính tả, bài tập làm văn, các bài kiểm tra của tất cả các môn học) như trước đây, có thể soạn các phiếu bài tập dành riêng cho việc luyện tập và đánh giá kết quả học tập phần dấu câu (sử dụng sau mỗi bài học có nội dung liên quan đến dấu câu) soạn những câu hỏi riêng về dấu câu trong các đề kiểm tra chung về kiến thức môn Tiếng Việt (các bài kiểm tra định kì) soạn các bài học và các bài tập riêng về dấu câu thực hiện trong các giờ học tự chọn... Điều quan trọng là tạo được những cơ hội để có thể đánh giá được tương đối thường xuyên khả năng sử dụng dấu câu của học sinh, giúp các em tự đánh giá được kết quả học tập của mình ở mức độ nào đó và để giáo viên có biện pháp động viên hoặc giúp đỡ kịp thời với từng đối tượng.

Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập không thể không nói tới việc đổi mới công cụ kiểm tra, đánh giá. Cần phối hợp nhiều công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập dấu câu của học sinh tiểu học. Hiện nay chúng ta có thể đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt thông qua 3 loại công cụ:

- Loại công cụ quan sát
- Loại công cụ đề kiểm tra viết
- Loại công cụ bộ câu hỏi điều tra

Đối với nội dung dạy học dấu câu, có thể đánh giá bằng loại công cụ quan sát và loại công cụ đề kiểm tra viết. Giáo viên có thể đánh giá thông qua việc quan sát học sinh đọc, nghe và nói hàng ngày (đánh giá qua ngữ điệu) trong các giờ tập đọc, kể chuyện, luyện từ và câu,... Tuy nhiên, công cụ thông dụng nhất để đánh giá kết quả học tập dấu câu của học sinh vẫn là các đề kiểm tra viết. Bên cạnh các yêu cầu và bài tập đã có trong sách giáo khoa, trong vở bài tập, cần xây dựng các bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan (test)

để kiểm tra mức độ kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu của học sinh tiểu học tương ứng với trình độ, gắn với mỗi nội dung học tập ở từng giai đoạn.

Có nhiều dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan. Dưới đây là một số dạng cơ bản:

- + Câu hỏi nhiều lựa chọn
- + Câu hỏi đúng - sai
- + Câu hỏi ghép đôi
- + Câu hỏi điền khuyết
- + Câu hỏi trả lời ngắn

Mục đích biên soạn câu hỏi trắc nghiệm khách quan về dấu câu là để đảm bảo yêu cầu kiểm tra, đánh giá toàn diện những đơn vị kiến thức, kỹ năng sử dụng dấu câu được học tập và rèn luyện “Một bài trắc nghiệm có thể phục vụ nhiều mục đích, nhưng bài trắc nghiệm ích lợi và có hiệu quả nhất khi nó được soạn thảo để nhằm cho mục đích chuyên biệt nào đó”. Người biên soạn đề cần xác định rõ mục đích đánh của đề trắc nghiệm khách quan là nhằm kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng nào của học sinh.

Thông thường, đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan đòi hỏi học sinh phải lựa chọn một câu trả lời đúng trong những câu trả lời có sẵn, hoặc điền, nối hay bổ sung một vài từ vào câu trả lời cho sẵn để tạo thành một câu trả lời đúng. Cách làm này tiết kiệm được thời gian học sinh phải viết ra câu trả lời cho câu hỏi và tăng thời gian suy nghĩ để lựa chọn câu trả lời. Như vậy so với đề tự luận, trong một khoảng thời gian như nhau nhưng trắc nghiệm có thể yêu cầu học sinh thực hiện lượng bài tập nhiều hơn với nhiều loại, dạng câu hỏi, bài tập phong phú, mang tính tích hợp cao, có thể kiểm tra bao quát được toàn bộ các đơn vị kiến thức được học trong từng thời điểm nhất định. Bởi vậy đề kiểm tra trắc nghiệm thường gây được hứng thú cho học sinh khi làm bài và theo đó là hứng thú học tập.

Câu trả lời trắc nghiệm thường đưa ra nhiều phương án lựa chọn. Đây là điều kiện thuận lợi để người ra đề có thể cung cấp hoặc củng cố hệ thống hóa hay mở rộng kiến thức cho học sinh. Đối với nội dung dạy học dấu câu, có thể ra những câu hỏi trắc nghiệm củng cố kiến thức như sau:

Dòng nào dưới đây nêu đúng tác dụng của dấu hai chấm (:) sử dụng trong câu “*Những cảnh tuyệt đẹp nhất của đất nước hiện ra: cánh đồng với những đàn trâu thung thăng gặm cỏ; dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi.*”

- A. Dấu hai chấm dùng để dẫn lời nói trực tiếp
- B. Dấu hai chấm dùng để báo hiệu những từ ngữ sau đó là lời giải thích
- C. Dấu hai chấm dùng để báo hiệu những từ ngữ sau đó liệt kê sự vật, sự việc...

Cũng có thể xây dựng những câu hỏi trắc nghiệm vừa kiểm tra kiến thức, kĩ năng, vừa rèn thao tác tư duy cho học sinh (so sánh, đối chiếu, phê phán) đặc biệt thông qua loại câu hỏi nhiều lựa chọn.

Ví dụ:

- A. *Tiếng mưa êm sơi, mưa đều như dệt.*
- B. *Tiếng mưa êm, sơi mưa đều như dệt.*
- C. *Tiếng mưa êm sơi mưa, đều như dệt.*
- D. *Tiếng mưa êm sơi mưa đều, như dệt.*

Khi nêu các phương án trả lời câu hỏi trắc nghiệm, người soạn còn có thể tạo điều kiện để hình thành ở học sinh sự năng động, óc sáng tạo, suy nghĩ đa dạng.

Ví dụ: Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu sử dụng sai dấu câu:

- A. *Anh ta hỏi: “nó làm gì?”*
- B. *Anh ta hỏi nó, làm gì?*
- C. *Anh ta hỏi nó: “ làm gì?”*
- D. *Anh ta hỏi nó làm gì?*

Với những nội dung như trên, việc làm bài kiểm tra trắc nghiệm về dấu câu cũng chính là cơ hội để học sinh tiếp tục được học tập, được củng cố kiến thức, phát huy tư duy.

Có thể xây dựng nhiều loại câu hỏi trong một bài kiểm tra để gây hứng thú học tập cho học sinh, tránh cảm giác đơn điệu, nhàm chán khi các em phải làm một khối lượng bài tập lớn.

Ví dụ :

- Câu hỏi nhiều lựa chọn:

+ Dòng nào ghi dưới đây sử dụng đúng dấu phẩy trong câu ?

A. Những làn mây trắng trắng hơn xốp hơn trôi nhẹ nhàng hơn.

B. Những làn mây trắng trắng hơn, xốp hơn trôi nhẹ nhàng hơn.

C. Những làn mây trắng trắng hơn xốp hơn, trôi nhẹ nhàng hơn.

+ Dòng nào ghi dưới đây sử dụng đúng dấu chấm hơn?

A. Trên bầu trời cao xanh vời vời.

B. Mùa xuân, trăn hoa khoe sắc.

C. Học hành chăm chỉ.

+ Dòng nào ghi dưới đây nêu đúng tác dụng của hai dấu chấm sử dụng trong câu “*Na tròn mắt kinh ngạc: Không biết Cay học lúc nào mà đã viết được những dòng chữ ngay hàng thẳng lối*”

A. Dấu hai chấm dùng để dẫn lời nói trực tiếp.

B. Dấu hai chấm dùng để báo hiệu những từ ngữ sau đó là lời giải thích.

C. Dấu hai chấm dùng để báo hiệu những từ ngữ sau đó liệt kê sự vật, sự việc...

- Câu hỏi ghép đôi:

Nối ô chữ ở bên trái với ô chữ thích hợp ở bên phải để tạo thành câu sử dụng đúng dấu câu:

Bố dặn bé Lan:

Mẹ thì đi thăm ông bà chưa về.

Bố ngạc nhiên:

“Con học xong mới được đi chơi đấy nhé!”

Bố đi làm từ sáng,

Bé Lan giờ đã biết nấu cơm giúp mẹ.

- Câu hỏi khuyết điểm:

Điền dấu chấm hay dấu chấm hỏi vào ô trống cuối mỗi câu dưới đây ?

+ *Bạn có biết đây là cây gì không*

+ *Mình không biết đây là cây gì*

- Câu hỏi trả lời ngắn:

Hãy nêu tác dụng của dấu chấm lửng trong câu : *“Đối với anh, đồng bằng là đất đai, là trù phú, là những quần tụ họ hàng làng xóm, là cây đa, giếng nước, mái đình ...”*

Đối việc dạy học dấu câu, việc đánh giá kết quả học tập của học sinh bằng đề trắc nghiệm và tự luận là thích hợp nhất. Những ưu điểm của loại đề trắc nghiệm khắc phục được nhược điểm của các đề tự luận. Do vậy cần kết hợp cả đề tự luận và trắc nghiệm để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của dấu câu của học sinh. Tuy nhiên, với thời lượng dành cho kiểm tra không nhiều, giáo viên cần phát huy thế mạnh của các câu hỏi, bài tập, đề trắc nghiệm trong các giờ luyện tập về dấu câu để học sinh được thực hành nhiều. Thông qua đó giáo viên có thể đánh giá kết quả học tập của học sinh và học sinh cũng có thể tự đánh giá thường xuyên kết quả học tập của mình.

2.5.2. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập dấu câu của học sinh qua việc luyện tập

Để nâng cao chất lượng dạy học dấu câu bên cạnh các bài trong sách giáo khoa, cần xây dựng hệ thống bài tập dấu câu để học sinh có thể thực hiện rèn luyện kỹ năng dùng dấu câu của mình, thông qua đó các em có thể tự đánh

giá kết quả học tập dấu câu của mình. Hệ thống bài tập này cũng có thể giúp giáo viên kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của các em sau mỗi bài học hoặc sau từng giai đoạn học tập.

Các chuyên gia về lĩnh vực đánh giá kết quả học tập của học sinh trên thế giới đã phân nhận thức theo 6 cấp độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá. Khả năng nhận thức của học sinh tiểu học chủ yếu đạt 3 mức độ đầu.

Trong hệ thống dấu câu tiếng Việt, có nhiều dấu giống nhau về vị trí trong câu hoặc gần nhau về chức năng. Các bài tập trong hệ thống này chủ yếu đánh giá khả năng thông hiểu của các em về cách sử dụng của từng dấu câu để đối chiếu, phân biệt các dấu câu dễ nhầm lẫn trong từng nhóm dấu. Thao tác đối chiếu, so sánh giúp các em có phương pháp tư duy khoa học, nắm bắt về mặt bản chất các chức năng riêng biệt của những nhóm dấu câu gần gũi nhau ở những điểm nào đó. Các bài tập so sánh cách dùng các dấu câu nêu trên, với thao tác đối chiếu, so sánh, các em sẽ ghi nhớ và hiểu sâu sắc hơn các chức năng, công dụng của dấu câu. Sử dụng các bài tập này trong việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập dấu câu của học sinh sẽ giúp giáo viên xác định năng lực học tập của học sinh trong lớp để có biện pháp giúp đỡ thích hợp.

Các bài tập chủ yếu đánh giá khả năng thực hành, vận dụng của các em, đòi hỏi ở các em sự hiểu biết tương đối chắc chắn về dấu câu và có sự linh hoạt trong việc lựa chọn dấu câu trong những tình huống cụ thể sử dụng cụ thể. Bài tập giúp học sinh xác định tác dụng của dấu câu trong việc biểu đạt ý tứ, thái độ, cảm xúc của người viết học đối tượng được miêu tả, phản ánh. Đây cũng chính là cách thức kiểm tra hiểu biết của học sinh về chức năng của dấu câu trong mối quan hệ ngữ nghĩa, ngữ điệu, ngữ pháp,... của câu.

Các nhà nghiên cứu giáo dục hiện nay cho rằng khả năng sư phạm của mỗi giáo viên được đánh giá không phải ở chất lượng bài diễn giảng mà ở công việc học sinh làm được trong và sau giờ học. Các mục tiêu dạy học trong từng giờ học phải được xác định một cách tường minh, phải định lượng được, phải đánh giá, kiểm tra được. Việc xây dựng hệ thống bài tập kiểm tra, đánh giá kết quả học tập dấu câu cực kì cần thiết, giúp giáo viên xác định được kết quả dạy học một cách cụ thể, rõ ràng để từ đó có biện pháp thiết thực giúp đỡ từng loại đối tượng học sinh trong lớp.

Như chúng tôi đã phân tích, mức độ yêu cầu đối với học sinh tiểu học là sử dụng dấu câu tiếng Việt. Song trên thực tế, khi các em đọc các tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi, các em đã được tiếp xúc với rất nhiều trường hợp sử dụng dấu câu với tư cách là một phương tiện, biện pháp tu từ. Bởi vậy, chúng tôi cho rằng, nên giới thiệu một số trường hợp sử dụng dấu câu đặc biệt cho học sinh tiểu học để các em bước đầu có những cảm xúc thẩm mĩ khi tiếp nhận sự sáng tạo của người nghệ sĩ trong việc sử dụng dấu câu.

Tiểu kết chương 2

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận trong mối liên quan với dạy học dấu câu ở tiểu học và việc khảo sát thực tiễn dạy học dấu câu trong nhà trường luận văn sẽ có nhiệm vụ đưa ra biện pháp nhằm nâng cao hơn hiệu quả dạy học dấu câu.

Việc dạy học dấu câu là nhiệm vụ của cả ba bậc học phổ thông. Vậy nhiệm vụ dạy học dấu câu ở tiểu học đến đâu, biện pháp dạy học ở tiểu học như thế nào để phù hợp với đặc điểm đối tượng học sinh ở lứa tuổi này? Đó là những vấn đề mà chương 2 của luận văn muốn giải quyết. Vì dấu câu có mối liên quan tới mục đích nói, tới ngữ điệu, ngữ nghĩa, ngữ pháp, tu từ... của câu nên đối với học sinh tiểu học, cần các định hướng tiếp cận với kiến thức và kĩ

năng sử dụng dấu câu thông qua kinh nghiệm sử dụng ngôn ngữ nói vốn đã quen thuộc với các em trước tuổi đến trường. Để thực hiện được điều này, việc sắp xếp dấu câu dạy học cho học sinh tiểu học cũng cần được cân nhắc. Cụ thể là nên bắt đầu từ những dấu câu liên quan chặt chẽ với mục đích nói, với ngữ điệu khi nói, từ đó hướng dẫn các em chuyển chuỗi lời nói bằng âm thanh sang dạng viết với sự xuất hiện của dấu câu. Bằng hướng tiếp cận này, theo chúng tôi, nên phân loại dấu câu theo nhóm dấu để dạy học (nên phân loại dựa vào vị trí dấu trong câu để học sinh tiểu học có thể dễ dàng quan sát được). Các dấu đặt cuối câu (dấu kết thúc) nên dạy trước rồi mới đến các dấu ở trong câu. Để tạo thuận lợi cho việc học tập của học sinh, phương pháp dạy học của giáo viên cần linh hoạt, khai thác triệt để các yếu tố trực quan trong việc dạy học dấu câu, bám sát chặt chẽ quá trình nhận thức, quy luật nhận thức của học sinh để phát huy tính tích cực chủ động của các em trong việc tiếp nhận kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng dấu câu. Luận văn đã xây dựng hai quy trình dạy học dấu câu tương ứng với hai nhiệm vụ: dạy học nhận biết chức năng của dấu câu và dạy học thực hành sử dụng dấu câu. Quy trình dạy học dấu câu được xây dựng dựa trên đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học, nhằm giúp giáo viên hướng dẫn, điều kiện quá trình nhận thức của học sinh đi đúng hướng, phát huy được sự năng động của các em trong việc học tập dấu câu nói riêng và học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học nói chung.

Cũng căn cứ vào đặc điểm tâm lý học sinh tiểu học, việc dạy học dấu câu phải được củng cố, lặp lại thường xuyên mới giúp các em ghi nhớ kiến thức và hình thành kỹ năng sử dụng dấu câu. Do vậy, dấu câu không nên chỉ được nhắc tới trong những giờ có nội dung dạy học dấu câu theo quy định của chương trình. Trong các giờ học khác của môn Tiếng Việt, cần tìm ra những cơ hội có thể củng cố, ôn luyện, thực hành kiến thức, kỹ năng sử dụng dấu câu. Mỗi giờ học (Tập đọc, kể chuyện, luyện từ và câu, tập làm văn, chính tả

...) đều có cơ hội để giáo viên kết hợp dạy học dấu câu. Bằng cách này, học sinh được ôn luyện về dấu câu từ nhiều góc độ: tiếp nhận dấu câu qua việc đọc (kể hoặc nói) tái hiện lại văn bản, sử dụng dấu câu qua thực hành ghi chép hoặc viết câu, đoạn, bài...

Để việc dạy học dấu câu có hiệu quả, một vấn đề không đề cập đến đó là hệ thống bài tập dấu câu. Hiện nay, theo chương trình và sách giáo khoa mới, dấu câu được dạy chủ yếu qua bài tập. Thông qua bài tập, học sinh đạt vào những tình huống sử dụng dấu câu cụ thể để từ rèn luyện kỹ năng sử dụng dấu câu.

Ngoài ra luận văn còn đề cập việc kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học dấu câu bởi vì khâu kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học dấu câu vẫn nằm trong quy trình một giờ dạy học, việc dạy học dấu câu có đạt được hiệu quả như mong muốn hay không theo chúng tôi, nội dung và phương pháp kiểm tra đánh giá đóng một vai trò quan trọng. Bên cạnh việc đánh giá kiến thức, kỹ năng sử dụng dấu câu thông qua bài tập làm văn như cách làm cũ, chúng tôi thấy cần tăng cường các bài tập trắc nghiệm về dấu. Bài tập trắc nghiệm có thể kiểm tra được nhiều đơn vị kiến thức trong một lượng thời gian hẹp. Điều này cũng phù hợp với thời lượng dành cho dạy học dấu câu ở tiểu học như chương trình quy định.

CHƯƠNG 3

THIẾT KẾ VÀ THỂ NGHIỆM SỰ PHẠM

3.1. Những vấn đề chung về thể nghiệm

3.1.1. Mục đích thể nghiệm

Tổ chức thể nghiệm sự phạm chủ yếu nhằm kiểm tra kết quả nghiên cứu của đề tài. Chúng tôi muốn thêm cơ sở để xác định biện pháp dạy học dấu câu mà luận văn đề xuất có nâng cao hiệu quả dạy học dấu câu cho học sinh tiểu học hay không, khả năng ứng dụng vào thực tế dạy học trong nhà trường tiểu học hiện nay như thế nào?

Kết quả thực nghiệm sẽ giúp chúng tôi có thêm cơ sở để khẳng định tính khả thi của đề tài nghiên cứu về biện pháp dạy học dấu câu cho học sinh (hoặc sẽ giúp việc điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện những kết quả nghiên cứu đó cho sát hợp hơn với tình hình thực tiễn của nhà trường tiểu học hiện nay). Cùng với kết quả thực nghiệm, kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ có thể đóng góp vào việc nâng cao hiệu quả dạy học dấu câu ở tiểu học.

3.1.2. Đối tượng, thời gian và địa bàn thể nghiệm

3.1.2.1. Đối tượng thể nghiệm

Đối tượng thể nghiệm của chúng tôi là học sinh lớp 2 tại Trường Tiểu học Thị trấn Bắc Yên - huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La.

Đối tượng thể nghiệm chia thành 2 nhóm: Nhóm thể nghiệm và nhóm đối chứng, về cơ bản có sự tương đồng giữa lớp thể nghiệm và lớp đối chứng. Nhóm thể nghiệm là lớp 2A1, nhóm đối chứng là lớp 2A2.

Bảng 3.1: Thông tin về 2 lớp thể nghiệm và đối chứng

Lớp	Tổng số HS	Giới tính		Dân tộc	Xếp loại môn Tiếng Việt			
		Nam	Nữ		Giỏi	Khá	TB	Yếu
2A1	25	13	12	4	6	12	6	1
2A2	25	12	13	5	5	11	7	2

Theo kết quả trên cho thấy trình độ 2 lớp là tương đương nhau nên rất thuận lợi cho quá trình thể nghiệm.

3.1.2.2. Thời gian thể nghiệm

Thể nghiệm được tiến hành từ ngày 12 tháng 9 đến ngày 8 tháng 10 năm 2016.

3.1.2.3. Địa bàn thể nghiệm

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm trong năm học 2015 - 2016, tại Trường Tiểu học Thị trấn Bắc Yên - huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La.

3.1.3. Nội dung thể nghiệm và tiêu chí đánh giá thể nghiệm

3.1.3.1. Nội dung thể nghiệm qua phiếu bài tập thể nghiệm

- Bài tập phát hiện dấu câu, tìm dấu câu
- Bài tập sử dụng dấu câu
- Bài tập sáng tạo khi dùng dấu câu

3.1.3.2. Tiêu chí đánh giá thể nghiệm

Tiêu chí đánh giá mức độ đạt của bài tập thể nghiệm

** Bài tập phát hiện dấu câu, tìm dấu câu.*

- Mức rất đạt (điểm 9 - 10): Điền đúng dấu câu trong tất cả các bài tập yêu cầu.

- Mức đạt (điểm 7 - 8): Điền đúng dấu câu theo yêu cầu của các bài tập nhưng sai 1 hoặc 2 lỗi.

- Mức đạt trung bình (điểm 5 - 6): Điền đúng dấu câu theo yêu cầu của các bài tập nhưng sai 3 lỗi.

- Mức không đạt (điểm dưới 5): Sai 4 lỗi trở lên.

** Bài tập sử dụng dấu câu.*

- Mức rất đạt (điểm 9 - 10): HS sử dụng đúng các dấu câu trong tất cả các bài tập yêu cầu.

- Mức đạt (điểm 7 - 8): HS sử dụng đúng các dấu câu trong bài tập yêu cầu nhưng sai 1 hoặc 2 lỗi.

- Mức đạt trung bình (điểm 5 - 6): HS sử dụng đúng các dấu câu trong bài tập yêu cầu nhưng sai 3 lỗi.

- Mức không đạt (điểm dưới 5): Sai 4 lỗi trở lên.

** Bài tập sáng tạo khi dùng dấu câu.*

- Mức rất đạt (điểm 9 - 10): HS biết sử dụng sáng tạo các dấu câu phù hợp với yêu cầu của bài tập.

- Mức đạt (điểm 7 - 8): HS biết sử dụng sáng tạo các dấu câu phù hợp với yêu cầu của bài tập nhưng sai 1 hoặc 2 lỗi.

- Mức đạt trung bình (điểm 5 - 6): HS biết sử dụng sáng tạo các dấu câu phù hợp với yêu cầu của bài tập nhưng sai 3 lỗi.

- Mức không đạt (điểm dưới 5): Sai 4 lỗi trở lên.

Thiết kế bài dạy thể nghiệm trong phân môn Luyện từ và câu

Vận dụng các phương pháp, biện pháp đã đề xuất ở chương 2, chuẩn bị các nội dung bài tập phân dấu câu. Chọn các đơn vị kiến thức cơ bản để đáp ứng phương pháp dạy học tích cực, giáo viên cần hướng dẫn học sinh tự giá làm bài tập và lĩnh hội kiến thức.

Hoạt động của giáo viên là hướng dẫn học sinh bằng các hình thức tổ chức dạy học theo nhóm, cá nhân, cả lớp. Giáo viên cần đưa ra các câu hỏi và bài tập nhằm định hướng hoạt động học tập của học sinh, sử dụng phiếu học tập hoặc phiếu bài tập để tất cả học sinh đều tích cực trả lời câu hỏi và làm bài tập. Giáo viên cần khẳng định kết quả học tập của học sinh.

Hoạt động của học sinh tự giác, chủ động tích cực làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên. Học sinh trả lời câu hỏi hoặc bài tập được giao, báo cáo kết quả hoạt động cá nhân hoặc theo nhóm, tự đánh giá, kiểm tra kết quả làm bài tập trên lớp.

Thiết kế giáo án theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường tổ chức hoạt động trí tuệ cho học sinh, để học sinh làm việc theo hướng dẫn của giáo viên. Thể hiện được sự kết hợp giữa mục tiêu - nội dung - phương pháp phù hợp với trình độ thực tế của học sinh. Ứng dụng phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của người học. Các phần thiết kế phải phát huy tính tích cực trong việc dạy học của giáo viên và phát huy được tiềm năng của người học.

Chúng tôi đã đi vào thiết kế giáo án theo các đề xuất của biện pháp đề ra trong chương 2, thiết kế 3 giáo án ở phần phụ lục:

+ Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về họ hàng - Dấu chấm, dấu chấm hỏi

+ Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về tình cảm - Dấu phẩy

+ Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về thời tiết - Đặt và trả lời câu hỏi *khi nào?* -

Dấu chấm, dấu chấm than

3.1.4. Phương pháp thử nghiệm

Chúng tôi tiến hành thử nghiệm đối chứng giữa giờ dạy học theo biện pháp dạy học dấu câu với biện pháp dạy học dấu câu mà đề tài đề xuất. Cuối đợt thực nghiệm chúng tôi đối chiếu kết quả dạy học của cách dạy mới với cách dạy học hiện hành, qua việc dạy thử nghiệm cùng một bài học, một nội dung dạy học. Thông qua các bài kiểm tra kỹ năng sử dụng dấu câu của 2 đối tượng học sinh, chúng tôi sẽ đưa ra những nhận xét bước đầu về hiệu quả dạy học dấu câu theo hướng đề tài đề xuất.

3.2. Định hướng thiết kế thử nghiệm

Thiết kế (giáo án) là công việc quan trọng trong quá trình dạy học của người giáo viên. Trong thiết kế này, chúng tôi đã vận dụng đã vận dụng các đề xuất ở chương 2, cụ thể hóa thành các định hướng như sau:

3.2.1. Vận dụng sáng tạo các phương pháp dạy học về dấu câu ở tiểu học

3.2.1.1. Phương pháp phân tích thành phần câu

Câu là một tập hợp từ ngữ kết hợp với nhau theo một quy tắc nhất định, diễn đạt một ý tương đối trọn vẹn, dùng để thực hiện một mục đích nói năng nào đó. Dấu hiệu để nhận biết một câu là khi nói, câu phải có ngữ điệu kết thúc; khi viết, cuối câu phải đặt một trong các dấu câu: dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

Một câu tiếng Việt hiện nay có thể được phân tích theo nhiều phương pháp. Phổ biến nhất là bốn phương pháp sau: (1) theo cấu trúc *chủ - vị* (ngữ pháp truyền thống), (2) theo cấu trúc *vị từ - tham thể* (ngữ pháp ngữ nghĩa), (3) theo cấu trúc *đề - thuyết* (ngữ pháp chức năng), và (4) theo cấu trúc *cái cho sẵn - cái mới* (lý thuyết phân đoạn thực tại).

Các phương pháp này được xây dựng dựa trên ba bình diện nghiên cứu câu: *kết học*, *ngĩa học* và *dụng học*. Trong đó, phân tích câu theo cấu trúc chủ - vị thuộc bình diện kết học của câu. Ở tiểu học hiện nay giáo viên cũng đang hướng dẫn học sinh phân tích thành phần câu theo cấu trúc này. phân tích thành phần câu theo cấu trúc chủ - vị là phương pháp lâu đời nhất của ngữ pháp truyền thống, được xây dựng dựa trên ba quan hệ ngữ pháp cơ bản của câu: *quan hệ đẳng lập*, *quan hệ chính phụ* và *quan hệ chủ vị*. Đối với người Việt, chủ ngữ và vị ngữ là những khái niệm hết sức quen thuộc. Đây lại là phương pháp ra đời sớm, được nghiên cứu nhiều, nên hệ thống lý thuyết tương đối sáng rõ. Các thành tố cấu tạo nên câu được phân tích hết sức tỉ mỉ và cặn kẽ. Không có bất kỳ một từ nào trong câu không được làm rõ, dù đó là thực từ hay hư từ. (Theo chúng tôi, trong số bốn phương pháp phân tích câu, đây là phương pháp phân tích chi tiết nhất). Quan hệ giữa các từ trong cụm từ, quan hệ giữa các cụm từ với nhau luôn được thể hiện rõ ràng. Chức

năng của các thành phần câu được phản ánh một cách rất cụ thể. Nếu dạy cho học sinh phân tích câu theo cách này, người học dễ dàng xây dựng những câu đúng ngữ pháp, chuẩn mực. Tuy nhiên, trong một số ít trường hợp khi nói một câu, cái quan trọng là ta truyền đi một thông tin. Phân tích câu theo cấu trúc chủ - vị chỉ quan tâm đến bình diện hình thức của câu mà không làm nổi rõ vấn đề trọng tâm thông báo của câu. Các thành phần câu được gọi tên thuần túy theo kiểu ngữ pháp, không rõ chức năng ngữ nghĩa. Cách phân tích này quá tỉ mỉ, nên không phải lúc nào cũng có thể ứng dụng được cho mọi câu tiếng Việt, đặc biệt là những câu trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày, những câu có cấu trúc hơi khác thường.

3.2.1.2. Phương pháp giảng dạy các bài tập sử dụng dấu câu

Đối với các tiết học có nội dung thực hành sử dụng dấu câu, người GV có vai trò quan trọng trong việc định hướng và điều khiển quá trình tư duy của HS thông qua việc làm mẫu, đặt câu hỏi gợi ý... Các câu hỏi nên phân thành những mức độ yêu cầu khác nhau để mọi đối tượng HS trong lớp đều được tham gia trả lời. GV cần giúp HS biết cách kết nối kiến thức cũ và mới khi cần thiết. Hệ thống câu hỏi đặt ra theo định hướng yêu cầu nhận thức ngày một nâng cao dần. Trong quá trình giảng dạy GV nên tích cực sử dụng các phương pháp dạy học về dấu câu phù hợp với trình độ học sinh tiểu học. Phương pháp giảng dạy tốt sẽ góp phần giúp ta phát huy năng lực sáng tạo cho học sinh, kích thích được khả năng tự học, tự rèn luyện của các em. Do đó giáo viên nên sử dụng các phương pháp dạy học sau đây cho phù hợp với các nhóm đối tượng học sinh của lớp:

a. Phương pháp động não, tự suy nghĩ.

Phương pháp này dùng cho học sinh có năng khiếu. Cứ mỗi bài tập về dấu câu giáo viên nêu ra để yêu cầu học sinh thực hành thì các phút đầu tiên, giáo viên không được gợi ý mà chỉ yêu cầu học sinh đọc thầm để hiểu nội

dung văn bản. Với đối tượng học sinh có năng khiếu, khi đã hiểu nội dung văn bản thì các em sẽ điền đúng các loại dấu vào đoạn văn. Nếu không thể điền đúng hết thì cũng có khoảng 80% số dấu đã sử dụng đúng chỗ. Đây là phương pháp động não, tăng cường khả năng suy nghĩ của học sinh, rất có hiệu quả khi sử dụng để dạy về dấu câu cho học sinh có năng khiếu.

b. Phương pháp phân tích thành phần câu.

GV trong quá trình hướng dẫn HS làm bài tập, nếu trong lớp vẫn còn một số em học sinh chưa hoàn thành bài tập, hay với những chỗ khó của bài tập HS phân vân chưa biết lựa chọn dấu câu để điền thì giáo viên phải sử dụng phương pháp phân tích thành phần câu, khai thác việc đọc hiểu của học sinh bằng câu hỏi để các em suy nghĩ và có thể điền dấu đúng.

Ví dụ: Điền dấu câu thích hợp vào đoạn văn sau đây:

Giờ ra chơi đã hết Dũng xúc động nhìn theo bố đang đi ra phía cổng trường rồi lại nhìn cái khung cửa sổ lớp học em nghĩ bố cũng có lần mắc lỗi thầy không phạt nhưng bố nhận đó là hình phạt và nhớ mãi nhớ để không bao giờ mắc lại nữa.

(Tiếng Việt 2 - tập 1, tr 67)

Để hướng dẫn học sinh làm bài tập này, giáo viên phải thực hiện các bước:

- Yêu cầu đọc thầm và điền dấu vào chỗ thích hợp (dành cho học sinh có năng khiếu)
- Cho thời gian các em suy nghĩ, GV theo dõi nếu thấy còn nhiều học sinh chưa làm được thì giáo viên dùng hệ thống câu hỏi gợi ý:
 - Đoạn văn nói về việc gì ?
 - Đoạn văn có mấy câu? Câu một từ đâu đến đâu ? Câu hai...v..v..
 - Câu nào là lời của nhân vật? Cần phải sử dụng dấu câu nào?
 - Có thể đặt dấu phẩy ở những chỗ nào? Vì sao?

Như thế, khi học sinh trả lời được các câu hỏi nghĩa là các em đã điền được dấu câu vào đoạn văn.

c. Phương pháp đọc mẫu

Cuối giờ học, nếu trong lớp còn vài học sinh chưa hoàn thành, chưa thể điền đúng hết được thì giáo viên sử dụng phương pháp cuối cùng. Đó là đọc, chú ý ngắt nghỉ hơi đúng chỗ để thông qua việc nghe đọc, học sinh điền dấu. Và đây cũng là bước để học sinh có năng khiếu tự kiểm tra bài làm của mình, xem đúng hay chưa đúng, trước khi chữa bài trước lớp.

3.2.2. Biện pháp dạy học dấu câu qua tiết học Luyện từ và câu

3.2.2.1. Dạy học nhận biết chức năng của dấu câu

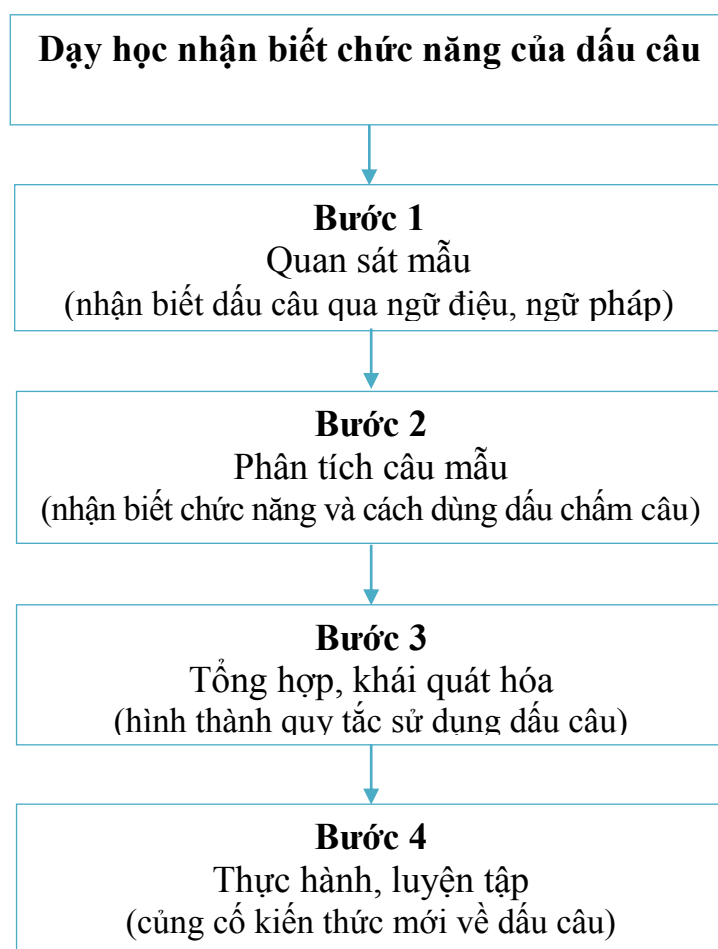
Trong bộ sách giáo khoa Tiếng Việt, ở phân môn Luyện từ và câu lớp 1, 2, 3 không có giờ lí thuyết học về dấu câu, học sinh được học dấu câu qua bài tập. Tuy nhiên trong hệ thống bài này vẫn có những bài tập giúp học sinh nhận biết cách sử dụng, kĩ thuật sử dụng từng loại dấu câu được học. Những loại bài tập này vẫn chứa những yếu tố lí thuyết để định hướng. Có thể coi đó là dạng bài tập cung cấp kiến thức, hình thành kĩ năng sử dụng dấu câu.

Để giờ dạy học dấu câu thực sự có kết quả và tạo được hứng thú học tập ở người học, cần áp dụng những phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong quá trình khám phá, chiếm lĩnh kiến thức và rèn luyện kĩ năng sử dụng dấu câu. Giáo viên cần vận dụng phối hợp, linh hoạt các phương pháp dạy học đặc thù của bộ môn Tiếng Việt (phương pháp phân tích ngôn ngữ, phương pháp thực hành giao tiếp, phương pháp luyện tập theo mẫu, ...). Trong quá trình dạy học giáo viên cần lưu ý đến đặc điểm nổi bật của học sinh tiểu học là thích quan sát, nhận xét và phát hiện kiến thức song các em chưa có khả năng độc lập tư duy nên cần phải có sự giúp đỡ, hướng dẫn, gợi ý, ... tỉ mỉ của giáo viên. Cụ thể với mỗi bài học, giáo viên cần thiết kế một hệ thống câu hỏi, bài tập hoặc yêu cầu để dẫn dắt, gợi mở, tạo tình huống học tập, giúp học sinh có cơ hội tham gia tích cực vào hoạt động

nhận thức, huy động tối đa vốn hiểu biết và kỹ năng đã có vào quá trình phát hiện kiến thức mới của bài học.

Đối với bài học giúp học sinh nhận biết chức năng của dấu câu, cần xác định rõ những yêu cầu riêng, cụ thể, phù hợp với mỗi loại dấu câu để lựa chọn phương pháp dạy học. Vì dấu câu liên quan đến mục đích nói, ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ điệu,... của câu, giáo viên cần giúp học sinh nhận biết dấu câu trên các phương diện đó và tạo điều kiện để các em thực hành, vận dụng nhiều trong các tình huống giao tiếp cụ thể ở cả dạng nói và dạng viết. Qua đó, các em sẽ dần nhận ra chức năng của dấu câu và ghi nhớ quy tắc sử dụng.

Theo chúng tôi, dựa vào đặc thù của giờ học tiếng mẹ đẻ, việc dạy học sinh nhận biết chức năng của dấu câu và cách dùng dấu câu nên tiến hành theo các bước sau.



Sơ đồ 3.1: Dạy học nhận biết chức năng của dấu câu

Bước 1: Quan sát câu mẫu

Ở bước này, giáo viên có thể vận dụng phương pháp thực hành giao tiếp để tạo các tình huống giao tiếp, tận dụng câu mẫu từ lời nói sinh động của các em. Qua đó, các em được quan sát ngữ điệu lời nói ứng với dấu câu khi viết lại lời nói đó. Vì dung lượng của sách giáo khoa có giới hạn nên giáo viên có thể giới thiệu thêm ví dụ để hướng dẫn các em quan sát, tập suy đoán để nhận ra yếu tố lặp lại mang tính bản chất của mỗi loại dấu câu đang là nội dung của bài học. Giáo viên nên tạo điều kiện để học sinh quan sát mẫu (ở đây là mẫu lời nói). Học sinh quan sát trên chữ viết để nhận diện vị trí dấu câu ở trong câu; đọc thành tiếng câu mẫu để bước đầu nhận diện dấu câu từ phương diện ngữ điệu. Quan sát ngữ điệu trong dạy học dấu câu khá quan trọng bởi trong rất nhiều trường hợp, dấu câu và ngữ điệu có sự tương hợp với nhau. Chẳng hạn, cùng một câu văn nhưng nếu điền các dấu khác nhau sẽ đọc với ngữ điệu khác nhau và mang nội dung thông báo hoặc nội dung biểu cảm khác nhau, ví dụ như 3 câu dưới đây có cách đọc hoàn toàn khác nhau:

- *Hoa đợi tớ.* - *Hoa, đợi tớ.* - *Hoa! Đợi tớ!*

Đối với những trường hợp nêu trên, việc quan sát ngữ điệu đóng vai trò quan trọng để nhận biết nội dung lời nói, thông qua đó nhận diện chức năng của dấu câu. Đặc biệt đối với người bản ngữ, ngay cả khi đọc thầm văn bản, ngữ điệu của lời văn vẫn có thể vang lên trong tâm trí người đọc, tạo nên sức biểu đạt, sức truyền cảm cho văn bản.

Khi đọc câu mẫu biểu thị ngữ điệu mà dấu câu quy định, giáo viên có thể đọc mẫu, song tốt hơn nên yêu cầu học sinh tự tìm cách đọc và biết cách lí giải về cách đọc của mình. Đó cũng là cách giúp học sinh học tập và ghi nhớ chức năng, công dụng của dấu câu rất hữu hiệu. Theo đó, giáo viên có thể tạo điều kiện để học sinh học tập tích cực, đồng thời cũng tạo cơ hội để học sinh vận dụng vốn hiểu biết về văn bản viết và kinh nghiệm giao tiếp bằng ngôn ngữ nói của mình vào việc chiếm lĩnh nội dung bài học.

Bước 2: Phân tích câu mẫu

Sau khi quan sát và chỉ ra đặc điểm ngữ điệu của câu và vị trí dấu câu, giáo viên cho học sinh phân tích câu mẫu trên các phương diện mà nó liên quan hoặc thể hiện, đó là: mục đích nói, nội dung, ngữ điệu, ngữ pháp... của câu để nhận ra tác dụng của dấu câu được học. Đây là bước giáo viên có thể vận dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ trong dạy học tiếng Việt để dạy dấu câu.

Ở bước này, giáo viên cần lưu ý, không nên chỉ từ một mẫu câu, một ví dụ mà đã yêu cầu học sinh khái quát, phát biểu về chức năng, công dụng của một dấu câu nào đó. Với mỗi chức năng của một loại dấu câu, cần cho học sinh quan sát một số ví dụ đủ để các em có thể so sánh, đối chiếu, từ đó nhận ra tính lặp lại của một hiện tượng nào đó gắn với sự xuất hiện của dấu câu mà bài học có nhiệm vụ cung cấp. Đó chính là cơ sở để các em có thể khái quát hoá thành quy tắc sử dụng loại dấu câu được học.

Ví dụ:

Có thể đặt dấu phẩy vào chỗ nào trong mỗi câu sau?

a) Lớp em học tập tốt lao động tốt.

b) Cô giáo chúng em rất yêu thương quý mến học sinh.

(Tiếng Việt 2 - tập 1, tr 67)

Sự lặp lại hợp lí của một hiện tượng sử dụng dấu câu nào đó (như ví dụ nêu trên) có khả năng giúp học sinh ghi nhớ lâu cách dùng. Bên cạnh giúp học sinh nhận ra tính lặp lại nào đó của hiện tượng sử dụng dấu câu, cũng cần có những câu hỏi hoặc bài tập giúp học sinh biết loại trừ những hiện tượng dễ nhầm lẫn. Ví dụ, khi dạy về dấu chấm hỏi, giáo viên nên đưa thêm bài tập giúp học sinh phân biệt được sự khác nhau của hai câu dưới đây về mục đích nói:

Hãy so sánh sự khác nhau về nội dung của hai câu dưới đây và cách sử dụng dấu câu của mỗi câu:

- Cô ơi, cô có biết nhà bác Thanh ở đâu không ạ?

- Cô làm ơn chỉ giúp cháu nhà bác Thanh ở đâu ạ.

Cần lưu ý, ở bước này học sinh không chỉ nhận diện được vị trí xuất hiện của dấu trong câu mà còn cần nhận biết rõ ý nghĩa, tác dụng của dấu câu trong việc truyền đạt nội dung thông tin và nội dung biểu cảm của lời nói. Học sinh phải nhận biết từ hiện tượng đến bản chất của việc sử dụng dấu câu trong văn bản.

Bước 3: Tổng hợp và khái quát hoá

Đây là bước giáo viên giúp học sinh tổng kết và khái quát thành định nghĩa, quy tắc sử dụng dấu câu. Trước tiên, giáo viên cần dành cho học sinh một khoảng thời gian nhìn lại các ví dụ đã phân tích trước đó để đối chiếu, so sánh, hệ thống hoá, rút ra nhận xét hoặc kết luận về cách sử dụng dấu câu và nêu thành quy tắc sử dụng. Để thực hiện tốt bước này, giáo viên cần có câu hỏi dẫn dắt, gợi mở để học sinh tự phát hiện và tự khái quát. Học sinh chỉ có thể thực hiện tốt bước này khi đã nắm rõ tính quy luật của việc sử dụng dấu câu trên cơ sở nhận biết được sự lặp lại nào đó từ các trường hợp sử dụng dấu câu cụ thể.

Chẳng hạn, khi học về dấu phẩy tách trạng ngữ chỉ thời gian với nòng cốt câu, giáo viên có thể đưa thêm các ví dụ để học sinh có cái nhìn khái quát về sự đa dạng của bộ phận trạng ngữ chỉ thời gian. Các ví dụ về trạng ngữ giới thiệu với học sinh nên được sắp xếp theo trình tự từ dễ đến khó như sau: trạng ngữ chỉ thời gian là một từ, một ngữ, một (hoặc hơn một) cụm chủ - vị. Có như thế các em sẽ dễ dàng hơn ở phần luyện tập, củng cố, dễ dàng ghi nhớ cách sử dụng dấu phẩy tách bộ phận trạng ngữ trong câu để vận dụng khi tạo lập văn bản.

Như vậy, ở bước tổng hợp, khái quát hoá (về quy tắc sử dụng dấu câu), giáo viên cần giúp học sinh từ một số ít ví dụ cụ thể, các em có thể hình dung, liên tưởng được nhiều tình huống tương tự để từ đó khái quát hoá cách sử dụng dấu câu mà bài học yêu cầu.

Bước 4: Luyện tập, thực hành

Ở bước này, giáo viên tiếp tục giao việc, hướng dẫn học sinh vận dụng những kiến thức, kĩ năng mới lĩnh hội được vào việc giải quyết các bài tập thực hành. Với mỗi bài tập, giáo viên cần giúp học sinh xác định đúng yêu cầu của bài tập, suy nghĩ, so sánh với những trường hợp sử dụng dấu câu đã biết, đã học để nhận xét và đi đến lựa chọn hướng giải quyết bài tập. Nhờ vậy, từ một số ít kiến thức và kinh nghiệm ban đầu, học sinh sẽ tự mở rộng kiến thức và tạo được những cơ hội rèn kĩ năng sử dụng dấu câu cho mình.

Bên cạnh các bài tập ở sách giáo khoa, cần thiết kế riêng hệ thống bài tập bổ trợ cho việc dạy và học từng loại dấu câu có thể sử dụng trong phần luyện tập, thực hành cuối giờ học. Trong đó, các bài tập cần được sắp xếp từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, ứng với từng lớp để học sinh có cơ hội rèn luyện kĩ năng sử dụng dấu câu một cách có hệ thống.

Bốn bước cơ bản nêu trên là những gợi ý dạy loại bài nhận biết cách dùng dấu câu. Tùy từng dấu câu, từng giai đoạn học tập, đối tượng học sinh cụ thể..., giáo viên có thể vận dụng quy trình dạy học theo các bước nói trên một cách chủ động, linh hoạt, sáng tạo nhằm thực hiện tốt nhất mục đích, yêu cầu của từng bài học cụ thể.

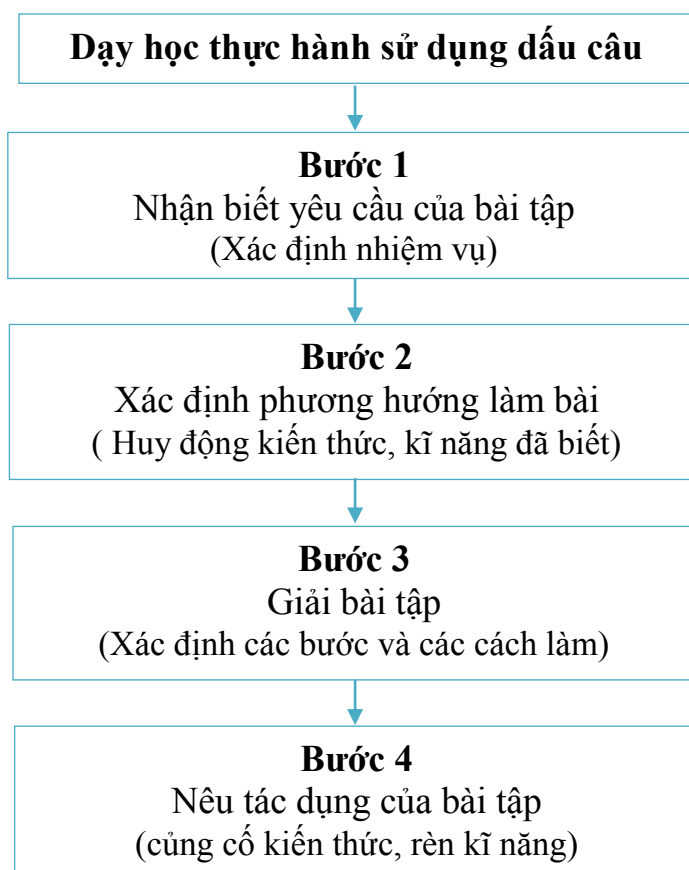
3.2.2.2. Dạy học thực hành sử dụng dấu câu

Theo chúng tôi, đối với các tiết học có nội dung thực hành sử dụng dấu câu, người giáo viên vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và điều khiển quá trình tư duy của học sinh thông qua việc làm mẫu, nêu câu hỏi, gợi ý... Câu hỏi hoặc gợi ý của giáo viên cần được diễn đạt dễ hiểu. Các câu hỏi nên phân thành những mức độ yêu cầu khác nhau để mọi đối tượng học sinh (giỏi, khá, trung bình,...) trong lớp đều được tham gia trả lời. Giáo viên cần giúp học sinh biết cách kết nối kiến thức cũ - mới khi cần thiết và định thời gian cho mỗi câu hỏi và điểm dừng giữa các câu hỏi sao cho vừa sức với các em. Hệ thống câu hỏi đặt ra theo hướng yêu cầu nhận thức ngày một nâng cao dần. Đặc

biệt đối với việc dạy học dấu câu, nên chú trọng sử dụng hiệu quả các câu hỏi viết. Trong giờ học, việc sử dụng câu trả lời của học sinh theo cách tích cực (cả câu trả lời chưa đúng) là điều giáo viên phải hết sức quan tâm.

Trong quá trình dạy thực hành, luyện tập, giáo viên cần dành thời gian thích đáng cho học sinh suy nghĩ, thảo luận theo cặp, sau đó chia sẻ suy nghĩ với cả nhóm. Cách tổ chức hoạt động học tập này giúp học sinh biết hợp tác trong suy nghĩ và hành động để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao.

Bài luyện tập, thực hành dấu câu là cơ hội để học sinh rèn luyện một cách chủ động kỹ năng sử dụng dấu câu. Qua hệ thống bài tập thực hành, học sinh được đặt vào những tình huống buộc phải bộc lộ kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu. Để giúp giáo viên thực hiện có hiệu quả giờ dạy thực hành về dấu câu, theo chúng tôi, cần xây dựng quy trình chung đối với giờ dạy luyện tập dấu câu theo các bước:



Sơ đồ 3.2: Dạy học thực hành sử dụng dấu câu

Bước 1: Nhận biết yêu cầu của bài tập

Đây là bước giáo viên giúp học sinh hiểu yêu cầu của bài tập. Với học sinh việc hiểu yêu cầu, nhiệm vụ bài tập không đơn giản. Giáo viên nên để cho các em đọc toàn bộ bài tập, suy nghĩ và xác định nhiệm vụ mà bài tập yêu cầu. Hiểu và xác định đúng yêu cầu của bài tập là một bước giúp trẻ tự tin hơn và có ý thức cần hoàn thành nhiệm vụ. Ví dụ, học sinh phải làm bài tập sau:

Hãy tìm các cách đặt dấu câu cho câu dưới đây để tạo ra các thông tin khác nhau:

Bò cày không được thịt

Đây là dạng bài từ một câu văn cho trước, học sinh thi tìm nhanh các phương án chấm câu khác nhau (dùng các dấu câu khác nhau) sẽ đưa lại những nội dung khác nhau (nội dung thông tin, nội dung biểu cảm,...). Với bài tập trên, học sinh có thể có những cách chấm câu như sau:

+ *Bò cày, không được thịt!*

Đây là câu mệnh lệnh, ý muốn nói: Bò dùng để cày ruộng, không được đem giết thịt.

+ *Bò cày không được, thịt!*

Đây là câu mệnh lệnh, ý muốn nói: Bò không còn dùng để cày ruộng được nữa, cho giết thịt.

+ *Bò cày không được thịt.*

Đây là câu kể (nêu nhận xét): Bò dùng để cày ruộng thường gầy, mổ ra được ít thịt.

Để hướng dẫn học sinh giải bài tập, giáo viên cần có biện pháp xác định xem các em có hiểu đúng yêu cầu của bài tập hay không bằng cách nêu câu hỏi để học sinh suy nghĩ, trả lời.

Ví dụ: Bài tập này có gì đặc biệt? (học sinh cần nêu: đây là dạng bài cùng một câu văn nhưng có thể hiểu nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào việc ngắt hơi khi nói và cách sử dụng dấu câu khi viết).

Bước nhận biết yêu cầu của bài tập chính là bước học sinh phải xác định được nhiệm vụ bài tập yêu cầu. Làm tốt bước này, các bước tiếp theo mới đúng hướng.

Bước 2: Xác định phương hướng làm bài tập

Thông thường, ở bước này, giáo viên yêu cầu học sinh tự suy nghĩ làm bài. Cách dạy này, theo chúng tôi, khó đưa lại kết quả như mong muốn, đặc biệt với đối tượng học sinh đại trà. Bởi các em sẽ lúng túng không biết suy nghĩ cái gì hoặc phải làm "mò", nặng về cảm tính và kinh nghiệm chủ quan, khả năng khái quát không được rèn tập. Để khắc phục điều này theo chúng tôi, giáo viên nên nêu ra các câu hỏi nhỏ để gợi ý, định hướng cách tư duy cho học sinh. Với bài tập nêu trên, giáo viên có thể nêu yêu cầu hoặc câu hỏi cho học sinh suy nghĩ:

- Em hãy tìm những cách đọc (cách ngắt hơi, ngữ điệu) khác nhau (cho câu văn trên), sao cho câu văn vẫn có nghĩa (có thể nội dung thông báo của câu trong mỗi cách ngắt câu - tương ứng với mỗi cách sử dụng dấu câu không giống nhau). *Theo em, nên đặt dấu câu như thế nào để làm rõ nghĩa và rõ ngữ điệu của mỗi cách đọc em tìm ra?*

Hoặc:

- *Em hãy đặt dấu câu nào, ở những vị trí nào cho câu văn trên để tạo ra những nội dung thông báo khác nhau?*

Giáo viên cũng có thể đưa thêm những dạng bài tương tự rồi giúp học sinh nhận ra vấn đề cần giải quyết ở dạng bài này là gì. Đó cũng là một cách gợi ý về cách làm, cách giải bài tập rất hữu hiệu.

Với yêu cầu của bước này, những câu hỏi, những lời gợi ý, dẫn dắt... như vậy, giáo viên có thể định hướng cách suy nghĩ, cách giải quyết bài tập sử dụng dấu câu trong các trường hợp cụ thể cho học sinh.

Bước 3: Giải bài tập

Từ bước xác định phương hướng đến bước giải bài tập cũng còn một khoảng cách đòi hỏi học sinh phải nỗ lực huy động vốn kiến thức và kinh nghiệm sử dụng ngôn ngữ của mình. Với đối tượng học sinh khá giỏi, ở bước này giáo viên có thể để các em tự giải bài, song với học sinh trung bình lại rất cần có sự hỗ trợ của giáo viên trong việc lựa chọn cách giải bài tập. Với bài tập nêu trên, giáo viên có thể gợi ý cách giải bài bằng việc đưa ra một bài tập khác như sau:

Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu sử dụng sai dấu câu:

- A. Anh ta hỏi: "Nó làm gì?"*
- B. Anh ta, hỏi nó, làm gì?*
- C. Anh ta hỏi nó: "Làm gì?"*
- D. Anh ta hỏi nó làm gì?*

Hoặc:

Dấu phẩy đặt ở vị trí nào trong câu dưới đây là đúng?

- A. Tiếng mưa êm sơi, mưa đều như dẹt.*
- B. Tiếng mưa êm, sơi mưa đều như dẹt.*
- C. Tiếng mưa êm sơi mưa, đều như dẹt.*
- D. Tiếng mưa êm sơi mưa đều, như dẹt.*

Đưa ra những bài tập như vậy, giáo viên đã gợi ý cho học sinh cách làm bài theo hướng đặt ra những giả thiết, những phương án sử dụng dấu câu khác nhau cho cùng một câu văn. Trên cơ sở đối chiếu các cách sử dụng dấu câu khác nhau, các em biết lựa chọn các cách sử dụng dấu câu chính xác và linh hoạt.

Bước 4: Nêu tác dụng của bài tập trong việc củng cố, mở rộng, nâng cao... kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu

Đây là bước quan trọng giúp học sinh tích lũy vốn kinh nghiệm, khắc sâu phương pháp tư duy thông qua việc giải quyết những nhiệm vụ cụ thể của

từng bài tập. Nếu bỏ qua bước này, các em sẽ không có ý thức thu lượm những kiến thức cơ bản, cốt lõi mà mỗi bài tập muốn hướng đến. Do vậy, ở bước này, giáo viên nên giúp học sinh nhìn lại toàn bộ quá trình giải bài tập của mình để rút ra những bài học cần thiết về phương pháp giải bài tập, kiến thức về công dụng, chức năng của dấu câu, về khả năng sử dụng dấu câu linh hoạt, sáng tạo,... Có như vậy, các em mới có thể sử dụng khi gặp lại những trường hợp sử dụng dấu câu đa dạng trong mọi loại hình văn bản mà các em gặp.

Dạy thực hành dấu câu theo các bước nêu trên sẽ giúp học sinh thực sự tham gia vào hoạt động học tập tích cực. Các kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu được hình thành ở học sinh một cách chắc chắn, hợp quy luật nhận thức và khả năng nhận thức của học sinh tiểu học.

Hiểu được dụng ý của mỗi loại, dạng bài tập về dấu câu là điều rất quan trọng đối với giáo viên để từ đó có kế hoạch, biện pháp thích hợp giúp học sinh học tập và rèn luyện kỹ năng sử dụng dấu câu đạt hiệu quả. Rèn kỹ năng sử dụng dấu câu thông qua hệ thống bài tập là cách thức, biện pháp hữu hiệu để nâng cao hiệu quả dạy học dấu câu.

3.2.2.3. củng cố kiến thức và rèn kỹ năng sử dụng dấu câu qua phân môn Luyện từ và câu

Ở giờ Luyện từ và câu, ngoài các bài học có nội dung dạy học dấu câu, giờ học còn cung cấp các kiến thức về từ ngữ, ngữ pháp và rèn kỹ năng dùng từ, đặt câu cho học sinh. Theo quan điểm dạy học tiếng Việt qua giao tiếp, giờ Luyện từ và câu vẫn có những cơ hội vận dụng kiến thức về từ và câu vào hoạt động giao tiếp. Học sinh thực hành, vận dụng các kiến thức về từ và câu được cung cấp trong giờ học thông qua việc dùng từ đặt câu, viết đoạn theo những mục đích và tình huống giao tiếp cụ thể. Đó cũng là cơ hội để các em luyện kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu.

Đối với nội dung dạy học về câu (các thành phần câu, cấu trúc ngữ pháp của câu, các kiểu câu, các mẫu câu...), giáo viên có thể củng cố kiến thức về dấu câu cho học sinh. Chẳng hạn, cho học sinh phân tích vai trò của dấu câu đối với việc xác định chức năng ngữ pháp của các thành phần câu (dạy dấu câu dựa vào ngữ pháp). Đây là cơ hội để các em nhận rõ hơn mối quan hệ giữa dấu câu với ngữ pháp của câu. Ví dụ, học về thành phần chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ... của câu, giáo viên có thể đưa ra những bài tập với những yêu cầu như sau:

a. Hãy xác định thành phần vị ngữ của các câu dưới đây:

- *Cây hồi thẳng, cao, tròn xoe.*
- *Những làn mây trắng trắng hơn, xốp hơn, trôi nhẹ nhàng hơn.*
- *Mây bò trên mặt đất, tràn vào nhà, quán lấy người đi đường.*

Cho biết tác dụng của dấu phẩy trong mỗi câu.

b. Hãy xác định thành phần chủ ngữ của các câu sau:

- *Chôm chôm, xoài tượng, xoài cát mọc chen nhau.*
- *Núi đồi, thung lũng, làng bản chìm trong biển mây mù.*
- *Hoa lá, quả chín, những vạt nấm ẩm ướt và con suối chảy thẳm*

dưới chân đua nhau tỏa mùi thơm.

Cho biết tác dụng của dấu phẩy trong mỗi câu.

Các bài tập nêu trên vừa giúp học sinh củng cố cách nhận biết các thành phần câu mà bài học yêu cầu, vừa rèn cho các em kỹ năng sử dụng dấu câu gắn với yêu cầu hiểu biết ngữ pháp của câu. Trên cơ sở đó, các em sẽ viết được câu có cấu trúc ngữ pháp mạch lạc, chặt chẽ, sử dụng dấu câu chính xác, chắc chắn.

Để tăng cường hoạt động học tập của học sinh, ngoài việc tổ chức cho các em làm việc theo lớp, tổ, nhóm, giáo viên nên cho các em học tập theo cặp hoặc cá nhân để phát huy cường độ làm việc của từng em. Giáo viên có

thể cho học sinh đặt câu bằng miệng kết hợp với viết để các em một mặt thực hành các kiến thức về từ hoặc câu được học trong giờ, một mặt luyện viết câu, viết đoạn để thông qua đó, củng cố kỹ năng sử dụng dấu câu. Ví dụ, ở sách giáo khoa Tiếng Việt 2, trong giờ ôn luyện về các kiểu câu Ai là gì?, Ai làm gì?, Ai thế nào?, giáo viên có thể cho học sinh làm việc theo cặp: các em cùng viết vào giấy câu hỏi và câu trả lời về những người thân trong gia đình của nhau dựa trên các kiểu câu được học. Trên thực tế, khi yêu cầu học sinh ghi lại các câu vừa đặt bằng miệng, các em thường quên đánh dấu kết thúc câu.

Phần nội dung học tập về từ ngữ trong phân môn Luyện từ và câu, giáo viên vẫn có thể kết hợp dạy và củng cố kiến thức, rèn kỹ năng sử dụng dấu câu của học sinh. Trong quá trình dạy học, giáo viên có thể xen kẽ yêu cầu dùng từ với đặt câu theo mẫu câu, với cách sử dụng dấu câu cụ thể. Đó cũng chính là một trong những con đường giúp học sinh ôn luyện về dấu câu. Ví dụ, khi dạy học về từ láy trong phần luyện tập đặt câu với từ láy, giáo viên có thể đưa ra những bài tập như sau:

Hãy đặt câu với những từ láy tả âm thanh ngân vang của tiếng gió thổi hoặc tiếng sóng biển.

Với bài tập nêu trên, giáo viên hướng học sinh viết được những câu tả âm thanh, trong đó sử dụng được các dấu chấm lửng như:

- *Tiếng mưa rơi lộp bộp... lộp bộp... trong vườn chuối sau nhà*
- *Ngồi trong nhà mà em vẫn nghe thấy tiếng gió thổi ù...ù...ngoài trời.*
- *Tiếng sóng biển cứ ì ầm... ì ầm... suốt đêm ngày.*

Tương tự, khi dạy học về từ đồng nghĩa, giáo viên không chỉ giúp các em hiểu thế nào là từ đồng nghĩa, nhận biết và tìm được các từ đồng nghĩa... mà còn phải giúp các em biết nói và viết câu sử dụng từ đồng nghĩa. Khi biết nói, viết câu chứa các từ đồng nghĩa, lời nói của các em sẽ truyền cảm hơn, gây được ấn tượng hơn đối với người nghe, người đọc; đồng thời, các em

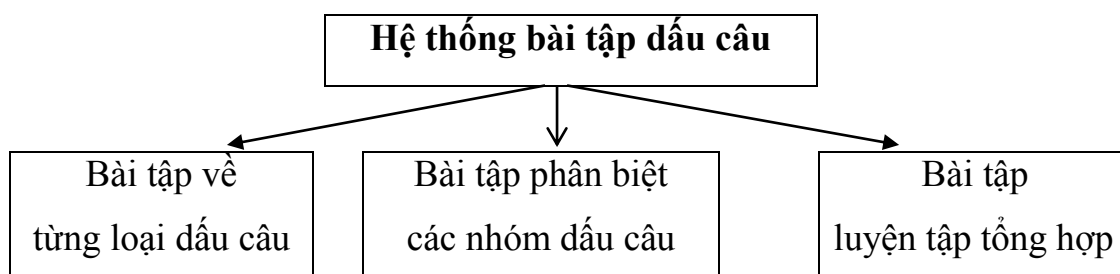
cũng được luyện cách sử dụng dấu phẩy tách các thành phần đồng chức trong câu. Các em cần viết được các câu như:

- *Không khí ngày tựu trường thật rộn ràng, náo nức.*
- *Giờ tan tâm, đường phố thật ồn ào, náo nhiệt.*
- *Buổi học của lớp em hôm nay rất sôi nổi, hào hứng.*

Nói tóm lại, giờ Luyện từ và câu hoàn toàn có thể kết hợp dạy dấu câu cho học sinh nếu như giáo viên chú ý tới điều này. Đúng từ góc độ dạy học dấu câu, giờ học này có quan hệ mật thiết với giờ Tập làm văn: học sinh từ chỗ được luyện sử dụng dấu câu khi đặt từng câu tiến tới viết thành đoạn, thành bài.

3.2.3. Dạy học dấu câu qua hệ thống bài tập Luyện từ và câu

Hệ thống bài tập về dấu câu dành cho học sinh tiểu học có thể phân thành ba nhóm, mỗi nhóm được sử dụng ở những giai đoạn, thời điểm học tập khác nhau của học sinh, tương ứng với những yêu cầu về kiến thức và kỹ năng sử dụng dấu câu khác nhau, đó là: bài tập về từng loại dấu câu, bài tập phân biệt các nhóm dấu câu, bài tập luyện tập tổng hợp.



Sơ đồ 3.3: Hệ thống bài tập dấu câu

3.2.3.1. Bài tập về từng loại dấu câu

Loại bài tập này được sử dụng sau mỗi bài học về từng loại dấu câu, giúp học sinh nắm chắc chức năng, công dụng của dấu câu được học. Mỗi dấu câu có một hệ thống bài tập riêng, với các kiểu - dạng phong phú, sắp xếp từ dễ đến khó, phù hợp với quy luật và khả năng nhận thức của học sinh ở từng giai đoạn, có thể xây dựng các kiểu bài tập:

- Bài tập nhận biết chức năng dấu câu (đánh giá khả năng nhận biết).
- Bài tập sửa lỗi dấu câu (đánh giá khả năng thông hiểu).
- Bài tập sử dụng dấu câu (đánh giá khả năng vận dụng).

Ví dụ, bài tập về dấu chấm:

* Bài tập nhận biết dấu chấm :

Dòng nào dưới đây nêu tác dụng của dấu chấm

Dấu chấm là dấu được đặt ở cuối câu

Dấu chấm là dấu được đặt ở cuối câu cảm thán.

Dấu chấm là dấu đặt cuối câu hỏi

* Bài tập thông hiểu chức năng của dấu chấm :

Điền dấu chấm vào những chỗ nào trong đoạn văn sau?

Sơn dương còn gọi là dê núi sơn dương ưa sống trên các chỏm núi đá lỏm chỏm chúng đi kiếm ăn vào buổi sáng sớm hoặc chiều mát thức ăn của chúng là lá cây.

Hoặc :

Đoạn văn dưới đây chân câu sai chỗ nào ? Hãy sửa lại cho đúng.

Có anh chàng đi chợ mua được một đàn bò. Sáu con anh ta ngồi trên lưng. Con bò đầu đàn dắt cả đàn về. Đi đến giữa đường, anh ta ngoái cổ nhìn. Đàn bò đếm:

- *Một, hai, ba, bốn, năm !*

Đếm đi đếm lại vẫn chỉ có năm.con anh chàng cuống lên, sợ hãi.

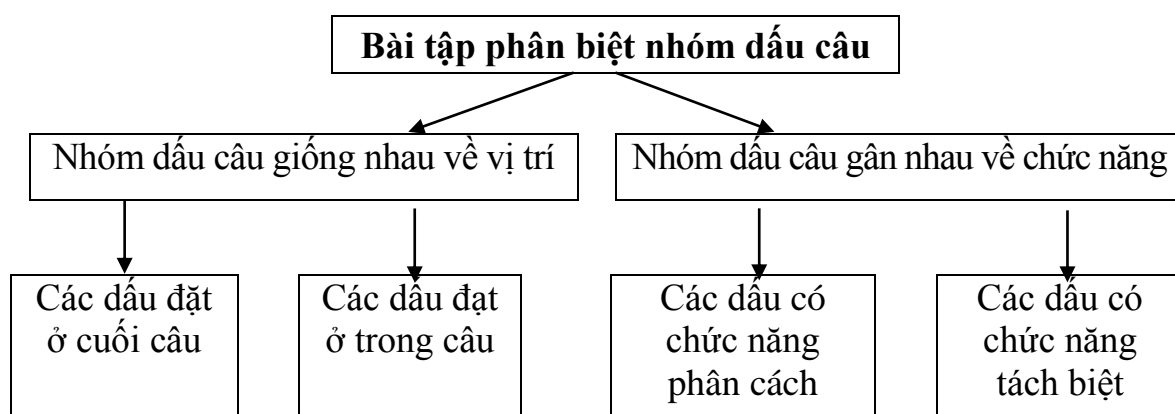
- Bài tập sử dụng dấu chấm:

Hãy viết đoạn văn từ 3 đến 5 câu nói về con vật em yêu thích.

Bài tập dành riêng cho từng loại dấu câu nói trên được sử dụng sau giờ học về một loại dấu câu nào đó. Bài tập giúp các em hệ thống hoá những hiểu biết của mình về các chức năng của dấu câu vừa được học, giúp các em kiểm tra lại mức độ hiểu bài của mình cũng như khả năng thực hành sử dụng dấu câu đó.

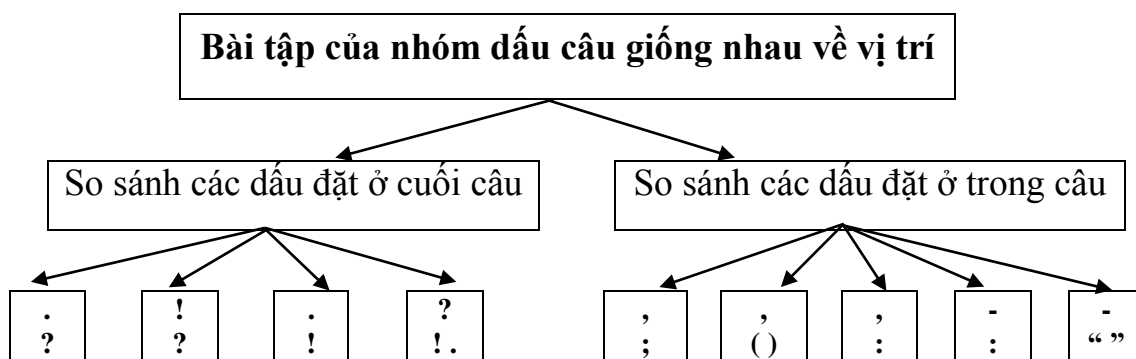
3.2. 3.2. Bài tập phân biệt các nhóm dấu câu

Loại bài tập này được sử dụng sau khi học sinh đã được học một nhóm dấu câu nào đó nhằm giúp các em hiểu đúng các chức năng của từng dấu câu trong một nhóm dấu nào đó. Phân loại theo vị trí dấu câu, có: nhóm dấu kết thúc câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm cảm); nhóm dấu trong câu (các dấu còn lại). Phân loại theo chức năng của dấu câu (các dấu có chức năng giống hoặc gần nhau) có nhóm dấu có chức năng phân cách; nhóm dấu có chức năng tách biệt.



Sơ đồ 3.4: Bài tập phân biệt nhóm dấu câu

Đối với đối tượng học sinh tiểu học ở mọi vùng miền, đặc biệt là học sinh các lớp đầu bậc học này, chưa nên yêu cầu các em làm kiểu bài tập đối chiếu các dấu câu gần gũi nhau về chức năng mà chỉ nên yêu cầu các em so sánh được các dấu giống nhau về vị trí trong câu. Qua việc đối chiếu cách sử dụng các dấu giống nhau về vị trí, các em vẫn có thể nhận biết sự gần gũi nhau về chức năng của một số dấu câu nào đó. Có thể xây dựng các bài tập về các nhóm dấu như sau:



Sơ đồ 3.5: Bài tập nhóm dấu câu giống nhau về vị trí

Cụ thể, có thể xây dựng các bài tập so sánh các dấu giống nhau về vị trí trong câu như sau:

- Bài tập so sánh các dấu đặt ở cuối câu, gồm có:

- So sánh dấu chấm và dấu chấm hỏi

Đây là bài tập nhằm giúp học sinh khắc phục sự nhầm lẫn do chưa phân biệt sự khác nhau về mục đích nói của câu (chưa phân biệt được câu kể với câu hỏi hoặc câu hỏi với câu cầu khiến có nội dung hỏi). Ví dụ:

Đọc các câu dưới đây. Hãy giải thích vì sao cuối câu thứ nhất đặt dấu chấm hỏi, cuối câu thứ hai đặt dấu chấm.

- + *Bạn tên là gì ?*

- + *Hãy nói cho cho tớ biết bạn tên là gì.*

- So sánh dấu chấm than và dấu chấm hỏi

Đây là bài tập nhằm giúp học sinh phân biệt câu có mục đích hỏi và câu có mục đích cầu khiến được nói với ngữ điệu mạnh. Ví dụ:

Đọc các câu dưới đây. Hãy giải thích vì sao cuối câu thứ nhất đặt dấu chấm hỏi, cuối câu thứ hai đặt dấu than.

- + *Cậu đập lửa đi chưa?*

- + *Cậu đập lửa đi!*

- So sánh dấu chấm và dấu chấm cảm

Đây là bài tập giúp học sinh phân biệt câu có mục đích cầu khiến có thể sử dụng hai loại dấu câu (dấu chấm và dấu chấm than), tùy thuộc ngữ điệu người nói. Ví dụ:

Đọc các câu dưới đây. Hãy giải thích vì sao cuối câu thứ nhất đặt dấu chấm, cuối câu thứ hai đặt dấu chấm than.

- + *Cậu hãy giúp tớ vẽ tranh cho tờ báo tường của lớp mình nhé.*

- + *Cậu nhớ giúp tớ đấy nhé!*

- Phân biệt dấu chấm, chấm hỏi, chấm cảm

Đây là bài tập giúp học sinh sử dụng chính xác các dấu kết thúc câu, đặc biệt là trong những trường hợp học sinh dễ nhầm lẫn. Ví dụ:

Đọc các câu dưới đây. Hãy giải thích cách dùng dấu câu của mỗi câu.

+ *Hoa hướng dương mới rụng rồi làm sao!*

+ *Bạn thích bông hoa đó sao?*

+ *Cô bé rất thích ngắm bông hoa ấy.*

• Bài tập so sánh các dấu đặt ở trong câu, gồm có:

- So sánh cách dùng dấu phẩy với dấu chấm phẩy

Đây là bài tập giúp học sinh nhận ra sự giống nhau về vị trí và sự gần gũi nhau về chức năng giữa dấu phẩy và dấu chấm phẩy. Ví dụ:

Điền dấu phẩy hay dấu chấm phẩy vào mỗi chỗ trống trong các câu sau:

+ *Những cảnh tuyệt đẹp của đất nước ta hiện ra: cánh đồng với những đàn trâu thung thẳng gặm cỏ □ dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi.*

+ *Những cảnh tuyệt đẹp của đất nước ta hiện ra: cánh đồng □ thềm cỏ □ dòng sông □ những đoàn thuyền xuôi ngược ...*

- So sánh cách dùng dấu phẩy với dấu ngoặc đơn

Em hãy so sánh cách dùng dấu phẩy và dấu ngoặc đơn của các câu dưới đây:

+ *Tóc bà tôi còn đen, dày kì lạ, phủ kín cả hai vai.*

+ *Câu có đủ hai bộ phận chính (chủ ngữ và vị ngữ) gọi là câu đơn bình thường.*

- So sánh cách dùng dấu phẩy và dấu hai chấm

Đây là bài tập giúp học sinh phân biệt dấu phẩy tách bộ phận cùng loại trong câu với dấu hai chấm đứng trước bộ phận giải thích của câu. Các bài tập đòi hỏi các em phải hiểu mối quan hệ của các thành phần câu với nhau khi tạo lập cũng như khi tiếp nhận văn bản. Ví dụ:

Điền dấu phẩy hay dấu hai chấm vào các ô trống dưới đây:

+ *Càng về khuya, bầu trời càng xanh trong □ trăng càng sáng.*

+ *Mở gói quà; Hà tròn mắt ngạc nhiên □ một con búp bê tuyệt đẹp!*

- So sánh cách dùng dấu gạch ngang và dấu hai chấm

Đây là bài tập giúp học sinh phân biệt cách dùng dấu hai chấm và dấu gạch ngang trong trường hợp: dấu hai chấm báo hiệu lời tiếp theo là lời giải thích cho hiện tượng nói đến trong bộ phận câu đứng trước với dấu gạch ngang báo hiệu lời tiếp theo chú thích cho từ ngữ đứng trước.

Ví dụ:

Điền dấu hai chấm hay dấu gạch ngang vào mỗi ô trống dưới đây:

+ *Tôi không thể nói hết tình yêu của tôi đối với mẹ □ người đã nuôi tôi khôn lớn.*

+ *Mở cửa, tôi vô cùng sửng sốt □ trước mặt tôi là người bạn thân đã lâu không gặp.*

- So sánh cách dùng dấu ngoặc kép và dấu gạch ngang

Bài tập này giúp học sinh phân biệt hai cách sử dụng dấu câu phân biệt lời nói trực tiếp. Ví dụ:

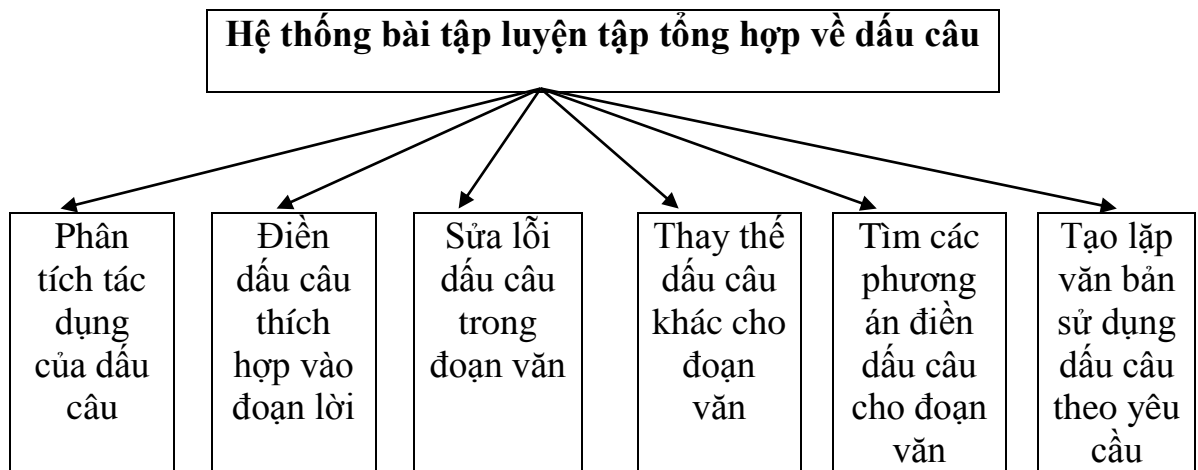
Điền dấu ngoặc kép hay dấu gạch ngang vào chỗ thích hợp trong đoạn văn dưới đây:

Gặp bác chiều ấy, tôi thấy bác rất vui. Bác tặng tôi hai con giống, rồi kể: Hôm nay, bác bán hết hàng. Thì ra, vẫn còn nhiều trẻ nhỏ thích đồ chơi của bác. Bác còn bảo:

Về quê, bác cũng sẽ nặn đồ chơi để bán. Nghe nói trẻ ở nông thôn thích thứ này hơn trẻ ở thành phố.

3.2.3.3. Bài tập luyện tập tổng hợp về dấu câu

Loại bài tập này dành cho học sinh các lớp cuối cấp tiểu học, khi các em đã được học và đã sử dụng được hầu hết các dấu câu tiếng Việt khi viết bài. Có thể xây dựng các kiểu bài tập như sau:



Sơ đồ 3.6: Hệ thống bài tập luyện tập tổng hợp về dấu câu

- Bài tập phân tích tác dụng của dấu câu

Bài tập giúp học sinh xác định tác dụng của dấu câu trong việc biểu đạt ý tứ, thái độ, cảm xúc của người viết học đối tượng được miêu tả, phản ánh.

Ví dụ:

Hãy nêu tác dụng của dấu hai chấm trong việc truyền đạt nội dung của những câu sau:

- + *Cảnh vật xung quanh tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.*
- + *Mẹ dặn bé Hoa: “Con phải học xong mới được đi chơi đấy!”.*
- + *Trên bàn bày đủ thứ: sách, vở, bút, thước, lọ mực, giấy màu...*

- Bài tập điền dấu câu thích hợp vào đoạn lời

Bài tập này có các dạng như sau:

- Cho đoạn văn lược bỏ dấu câu nhưng đã đánh dấu sẵn vào những chỗ cần đặt dấu, yêu cầu học sinh lựa chọn dấu để điền cho phù hợp.

Bài tập này giúp học sinh tìm ra mối liên hệ giữa các từ, các cụm từ, các vế câu và giữa các câu với nhau để xác định dấu câu thích hợp có thể để điền vào chỗ đã chỉ định. Những bài tập dạng này chấp nhận nhiều phương án điền dấu câu khác nhau, miễn sao vẫn hợp lí, tránh máy móc lệ thuộc vào cách chấm câu của nguyên tác. Ví dụ:

Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào những chỗ có gạch chéo để câu văn đúng ngữ pháp.

*Ngoài xa / dòng sông ào ào vỗ sóng / gió chạy loạt soạt trong cỏ /
trăng đã lên cao / đêm đã khuya lắm /*

Học sinh có thể điền theo các cách như sau:

+ Cách 1: *Ngoài xa, dòng sông ào ào vỗ sóng. Gió chạy loạt soạt trong cỏ. Trăng đã lên cao. Đêm đã khuya lắm.*

+ Cách 2: *Ngoài xa, dòng sông ào ào vỗ sóng. Gió chạy loạt soạt trong cỏ. Trăng đã lên cao, đêm đã khuya lắm.*

+ Cách 3: *Ngoài xa, dòng sông ào ào vỗ sóng. Gió chạy loạt soạt trong cỏ. Trăng đã lên cao: đêm đã khuya lắm.*

Cách ngắt câu và cách điền dấu câu sao cho nội dung của đoạn rõ ràng, hợp lí là bài tập đòi hỏi học sinh phát huy sự năng động của mình trong việc tìm cách ngắt câu để hiểu được nội dung của câu, đoạn. Dạng bài tập này cũng chấp nhận các phương án điền dấu câu khác nhau, miễn sao hợp lí về nội dung và đúng ngữ pháp của câu. Ví dụ:

Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào những chỗ thích hợp trong đoạn văn sau:

Hai chú chim chìa vôi lông đen láy có đốm trắng trên ngực hót riu rít trên cây bưởi cạnh bờ ao cuối tháng giêng bưởi đã ra hoa từng chùm nụ trắng muốt trên cành hương thơm bay ngào ngạt trong gió.

Học sinh có thể điền dấu theo nhiều cách:

Cách 1: *Hai chú chim chìa vôi lông đen láy, có đốm trắng trên ngực hót riu rít trên cây bưởi cạnh bờ ao. Cuối tháng giêng, bưởi đã ra hoa. Từng chùm nụ trắng muốt trên cành. Hương thơm bay ngào ngạt trong gió.*

Cách 2: *Hai chú chim chìa vôi lông đen láy, có đốm trắng trên ngực hót riu rít trên cây bưởi cạnh bờ ao. Cuối tháng giêng, bưởi đã ra hoa từng chùm. Nụ trắng muốt trên cành. Hương thơm bay ngào ngạt trong gió.*

- Bài tập sửa lỗi dấu câu trong đoạn văn

Đây là bài tập yêu cầu học sinh phát hiện lỗi và chữa lỗi dấu câu trong đoạn văn. Giáo viên có thể đưa câu văn, đoạn văn mắc lỗi dùng dấu câu và yêu cầu học sinh sửa cho đúng. Song nên lấy câu văn mắc lỗi từ chính các bài viết của học sinh trong lớp (bài chính tả, tập làm văn,...) để giúp các em khắc phục lỗi. Giáo viên hướng dẫn học sinh xác định nguyên nhân mắc lỗi về dấu câu và sửa chữa các lỗi đó. Đây là bài tập rèn kỹ năng sử dụng dấu câu rất thiết thực đối với học sinh tiểu học.

Ví dụ: Em hãy sửa lại cách đặt dấu câu trong đoạn văn của bạn dưới đây:

Đến hai chín, cả nhà đi chợ mua quần áo và mua bánh kẹo. Ngày đầu tiên, của năm mới, mẹ bảo.

- Hai anh em cầm chai rượu, đem lên nhà ông mừng tuổi ông bà đi.

- Bài tập thay thế dấu câu khác cho đoạn văn

Bài tập này nhằm giúp học sinh nhận biết và so sánh một số dấu câu gần nhau ở chức năng nào đó để có thể dùng thay thế cho nhau (dấu chấm với dấu phẩy, dấu phẩy với dấu chấm phẩy,...). Sự thay thế này có thể không làm thay đổi nội dung của câu, ví dụ:

Tìm một dấu câu có thể thay thế dấu chấm phẩy trong câu sau:

Những cảnh tuyệt đẹp của đất nước hiện ra: cánh đồng với những đàn trâu thung thắng gặm cỏ; dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi.

Hoặc:

Tìm một dấu câu có thể thay thế dấu chấm trong đoạn văn sau: *Cảnh thu thật đẹp! Nước hồ trong xanh. Thảm cỏ mượt rì rì. Trời đầy mây trắng. Gió thu hiu hiu thổi...*

- Bài tập tìm các phương án điền dấu khác nhau cho đoạn văn

Bài tập này nhằm rèn óc tư duy linh hoạt, sáng tạo cho học sinh. Đó có thể là cùng một câu văn, nếu biết cách sử dụng các dấu khác nhau, đặt ở những vị trí khác nhau sẽ đưa lại những cách hiểu khác. Ví dụ:

- Những dấu câu nào có thể điền vào câu "Trời sáng rồi"?

Với bài tập này, học sinh có thể điền các dấu như sau:

- *Trời sáng rồi.*

- *Trời sáng rồi!*

- *Trời! Sáng rồi!*

- *Trời sáng rồi?*

Hoặc có thể cho trước các phương án điền dấu khác nhau và yêu cầu học sinh xác định phương án nào đúng, phương án nào sai. Ví dụ:

- Hãy so sánh các cặp câu dưới đây và xác định xem câu a hay a', b hay b', c hay c' là đúng. Trong một số trường hợp cả hai câu đều có thể đúng nhưng nghĩa của chúng khác nhau. Sự khác biệt về nghĩa trong trường hợp đó là gì? Tại sao?

a) *Mẹ dặn con ở nhà phải học bài.*

a') *Mẹ dặn: "Con ở nhà phải học bài."*

b) *Cây cối vào mùa xuân đâm chồi nảy lộc.*

b') *Cây cối vào mùa. Xuân đâm chồi nảy lộc.*

c) *Tiếng mưa êm. Sợi mưa đều như dệt.*

c') *Tiếng mưa êm, sợi mưa đều như dệt.*

- Khoanh tròn vào chữ cái trước dòng sử dụng dấu câu chưa đúng.

A. *Anh ta hỏi: "Nó làm gì?"*

B. *Anh ta hỏi nó, làm gì?*

C. *Anh ta hỏi nó: "Làm gì?"*

Những bài tập như trên giúp học sinh nhận thấy rõ sự đa dạng của các cách sử dụng dấu câu trong việc thể hiện nội dung của văn bản, giúp các em có ý thức hơn trong việc lựa chọn dấu câu khi viết bài.

• Bài tập tạo lập văn bản sử dụng dấu câu theo yêu cầu

Đây là bài tập rèn kỹ năng sử dụng dấu câu đồng thời với việc rèn kỹ năng lập ý, kỹ năng diễn đạt. Để bài tập phát huy được các hiệu quả đó, cần

tìm những chủ đề viết phù hợp với học sinh (học sinh muốn nói, muốn viết về vấn đề đó).

Ví dụ:

- Hãy đặt hai câu có dùng dấu ngoặc đơn:

+ *Một câu có phần chú thích trong ngoặc đơn làm rõ ý cho một từ.*

+ *Một câu có phần chú thích trong ngoặc đơn cho biết xuất xứ của đoạn văn (hoặc đoạn thơ).*

Hoặc:

- Hãy viết một đoạn văn kể lại cuộc nói chuyện giữa em với bạn về một bộ phim đã xem, trong đó có dùng dấu hai chấm, dấu ngoặc kép.

- Viết đoạn văn tả âm thanh buổi sáng, trong đó sử dụng dấu ba chấm, dấu chấm than.

Hệ thống bài tập dấu câu trên đây nên được chuyển thành các phiếu bài tập sử dụng sau mỗi giờ học, mỗi giai đoạn học về dấu câu. Chúng tôi tin rằng nếu hệ thống bài tập này được áp dụng, chúng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả dạy học dấu câu trong nhà trường.

3.3. Thể nghiệm và đánh giá kết quả thể nghiệm

3.3.1. Cách thức thể nghiệm

Việc thực nghiệm của chúng tôi tuân thủ theo những yêu cầu chung của thể nghiệm sư phạm, đồng thời có chú ý tới những đặc trưng riêng của vấn đề nghiên cứu để có sự đánh giá, nhìn nhận, xử lý một cách khách quan, trung thực, biện chứng những kết quả thu được. Do điều kiện có hạn, chúng tôi chỉ tiến hành thực nghiệm với tính chất thống kê kết quả đạt được, không nhằm suy rộng kết quả thực nghiệm cho tổng thể.

Chúng tôi hướng dẫn giáo viên ở các lớp được chọn dạy thực nghiệm nghiên cứu giáo án mà chúng tôi đề xuất. Cuối đợt thực nghiệm, chúng tôi cùng giáo viên tổ chức cho học sinh làm bài kiểm tra khả năng nhận thức của

học sinh đối với mỗi loại dấu câu được học. Chúng tôi thu bài kiểm tra lại để chấm và đi đến xác định các kết quả sau:

- Số lượng bài đạt điểm kém (dưới 5)
- Số lượng bài đạt yêu cầu (từ 5 điểm trở lên), trong đó xác định số lượng bài đạt điểm khá, điểm giỏi.

3.3.2. Kết quả thể nghiệm

3.3.2.1. Bài tập phát hiện dấu câu, tìm dấu câu

Bảng 3.2: Bảng tổng hợp kết quả khảo sát thực hành làm bài tập phát hiện dấu câu, tìm dấu câu

Lớp	Tổng số bài KT	Mức độ đạt							
		Rất đạt (điểm 9 - 10)		Đạt (điểm 7 - 8)		Đạt TB (điểm 5 - 6)		Không đạt (điểm dưới 5)	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2A1	25	9	36	12	48	4	16	0	0
2A2	25	6	24	9	36	9	36	1	4

Qua kết quả thể nghiệm ở hai lớp TN và ĐC, chúng ta thấy lớp TN do có áp dụng các biện pháp dạy học tìm và phát hiện dấu câu nên đạt kết quả cao hơn ở lớp ĐC. Cụ thể: Trong tổng số 25 bài kiểm tra ở lớp TN có 09 HS thực hiện được yêu cầu của bài tập ở mức rất đạt chiếm 36%, 12 HS thực hiện ở mức đạt chiếm 48%, 04 HS ở mức đạt TB chiếm 16%, mức không đạt không có HS nào.

3.3.2.2. Bài tập sử dụng dấu câu

Bảng 3.3: Bảng tổng hợp kết quả khảo sát thực hành làm bài tập sử dụng dấu câu

Lớp	Tổng số bài KT	Mức độ đạt							
		Rất đạt (điểm 9 - 10)		Đạt (điểm 7 - 8)		Đạt TB (điểm 5 - 6)		Không đạt (điểm dưới 5)	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2A1	25	8	32	12	48	5	20	0	0
2A2	25	5	20	8	32	10	40	2	8

Bảng 3.3 tổng hợp kết quả khảo sát thực hành làm bài tập sử dụng dấu câu của học sinh cho thấy: có 08 HS làm tốt bài tập sử dụng dấu câu, chiếm 32%, 12 HS làm bài ở mức độ đạt chiếm 48%, 05 HS được đánh giá ở mức TB chiếm 20%.

Kết quả tổng hợp trên về việc sử dụng dấu câu của HS ở lớp TN và ĐC cho thấy lớp thực nghiệm đạt kết quả cao hơn. Đặc biệt là HS đã biết cách sử dụng dấu câu tốt hơn.

3.3.2.3. Bài tập sáng tạo khi dùng dấu câu

Bảng 3.4: Bảng tổng hợp kết quả khảo sát thực hành làm bài tập sáng tạo khi dùng dấu câu

Lớp	Tổng số bài KT	Mức độ đạt							
		Rất đạt (điểm 9 - 10)		Đạt (điểm 7 - 8)		Đạt TB (điểm 5 - 6)		Không đạt (điểm dưới 5)	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2A1	25	6	24	14	56	5	20	0	0
2A2	25	5	20	9	36	9	36	2	8

Bảng 3.4 tổng hợp kết quả khảo sát thực hành làm bài tập sáng tạo khi dùng dấu câu cho thấy: có 06 HS ở mức rất đạt chiếm 24%, có 14 HS ở mức đạt chiếm 56%, có 05 HS ở mức đạt TB chiếm 20%.

Như vậy trong quá trình dạy học dấu câu ở Tiểu học nói chung và dạy dấu câu lớp 2 nói riêng. Muốn học sinh sử dụng dấu câu đúng thì người giáo viên phải biết vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy, tổ chức cho học sinh làm bài tập theo nhiều hình thức khác nhau. Đặc biệt là phải lựa chọn phương pháp sao cho phù hợp với đối tượng học sinh. Hệ thống câu hỏi gợi mở phải sát thực, tự nhiên, không máy móc. Một điều quan trọng nữa là người giáo viên phải nắm chắc mục đích, yêu cầu đó là cơ sở xây dựng cho từng bài cụ thể hướng dẫn học sinh theo phương pháp tích cực hoá các hoạt động. Bởi

vậy buộc người giáo viên phải biết lựa chọn phương pháp hình thức tổ chức dạy học, lời dẫn dắt sao cho khéo léo sát thực với từng nội dung mà yêu cầu bài tập đề ra.

3.3.3. Kết luận rút ra từ thể nghiệm

Trong quá trình thể nghiệm lớp 2 tôi rút ra được kết luận như sau:

Vận dụng các biện pháp tổ chức dạy học đầu câu tôi thấy học sinh tiếp thu bài tốt hơn, hoạt động lớp học sôi nổi, giáo viên vận dụng các phương pháp giúp học sinh hứng thú với môn học, chủ động tìm tòi tri thức. Học sinh thể hiện kỹ năng thực hành vận dụng linh hoạt trong làm bài tập. Từ kết quả thực nghiệm và những phân tích trên, chúng tôi kết luận rằng việc vận dụng những biện pháp mà đề tài đưa vào trong quá trình dạy học đầu câu sẽ có tác dụng và có tính khả thi.

Tiểu kết chương 3

Luận văn tiến hành thực nghiệm theo hai hình thức: thực nghiệm khẳng định và thực nghiệm đối chứng trên đối tượng học sinh lớp 2. Khi tiến hành thể nghiệm, tác giả đã nêu rõ mục đích thể nghiệm là ứng dụng các biện pháp đã đề xuất của chương 2 vào thể nghiệm để chứng minh tính khả thi cho các biện pháp đề xuất, tác giả còn nêu rõ địa điểm và thời gian thể nghiệm, tiến hành tổ chức thể nghiệm. Từ đó, tác giả đánh giá kết quả thể nghiệm và đưa ra kết luận, hoàn tất quá trình nghiên cứu của luận văn, kết quả đưa ra cho thấy khả năng tiếp nhận của học sinh cao hơn, học sinh tiếp thu bài tốt hơn, hoạt động của lớp học sôi nổi. Như vậy chúng tôi chứng tỏ rằng các biện pháp mà tác giả đưa ra bước đầu phát huy được hiệu quả.

KẾT LUẬN

1. Kết luận

Biện pháp dạy học dấu câu cho học sinh trường tiểu học đã và đang là vấn đề cần được rà soát lại một cách có hệ thống, từ chương trình dạy học dấu câu đến nội dung, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả dạy học dấu câu ở trường tiểu học, để từng bước nâng cao chất lượng dạy học dấu câu ở trường tiểu học góp phần vào công cuộc giữ gìn trong sáng của Tiếng Việt của toàn dân tộc.

1. Thực trạng dạy học dấu câu trong trường tiểu học và những yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng học tập của học sinh, như chúng tôi đã trình bày ở chương 1, buộc chúng ta phải suy nghĩ để tìm cách phát huy những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế của cả quá trình dạy học dấu câu trong nhà trường hiện nay.

Hiện tượng giáo viên lúng túng về phương pháp dạy học dấu câu, học sinh mắc lỗi khi sử dụng dấu câu và hiện tượng sử dụng dấu câu thiếu thống nhất hoặc nhiều sai sót trên phương tiện thông tin bằng chữ viết là khá phổ biến. Luận văn của chúng tôi đã cố gắng phân tích nguyên nhân của thực trạng dấu câu hiện nay và đưa ra biện pháp dạy học dấu câu phù hợp với học sinh tiểu học. Cụ thể, luận văn đã đề cập tới các vấn đề:

- Dấu câu lên được dạy ngay từ những lớp đầu của bậc học và được tiếp tục củng cố ở tất cả các lớp tiến theo.
- Sắp xếp lại trình tự các dấu câu lần lượt dạy cho học sinh tiểu học.
- Đổi mới phương pháp dạy học dấu câu ở trường tiểu học (gồm: phương pháp dạy học nhận biết chức năng của dấu câu và phương pháp dạy học thực hành của dấu câu)
 - Kết hợp dạy dấu câu trong các giờ học của môn Tiếng Việt.
 - Xây dựng hệ thống bài tập kỹ năng sử dụng dấu câu.
 - Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học dấu câu.

2. Nghiên cứu những vấn đề nêu trên, chúng tôi đã xác định điểm tựa về mặt lý luận và thực tiễn dạy học dấu câu trong nhà trường tiểu học.

Để xây dựng phương pháp dạy học dấu câu đảm bảo tính khả thi, chúng tôi đã cố gắng xác lập cơ sở lý luận của việc dạy học dấu câu: cơ sở tâm lý học (dựa vào đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh tiểu học và hoạt động dạy học ở nhà trường tiểu học) cơ sở ngôn ngữ học (dựa vào mối quan hệ giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết và vai trò của dấu câu trong văn bản) cơ sở giáo dục học (dựa vào những đặc trưng của phương pháp dạy học ở tiểu học và phương pháp dạy học bộ môn). Qua nghiên cứu, phân tích, đánh giá... của chúng tôi ở chương 1 và chương 2 của luận văn, chúng tôi đi đến nhận định rằng: để đảm bảo tính vừa sức và tính hiệu quả trong việc dạy học dấu câu cho học sinh tiểu học cần dựa vào mối quan hệ mật thiết giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết ở mọi phương diện (mục đích nói, nội dung nói, ngữ điệu lời nói, cấu trúc ngữ pháp của câu, biện pháp tu từ về câu,... giúp trẻ em biết cái chưa biết thành cái đã biết, phát huy cao độ sử dụng tiếng mẹ đẻ vào việc học dấu câu. Cụ thể, xây dựng biện pháp dạy học dấu câu cho học sinh tiểu học theo quy trình riêng với các bước nhận định để giáo viên có thể thực hiện một cách dễ dàng và học sinh học tập các bài học về dấu câu một cách nhẹ nhàng và hiệu quả.

Việc xây dựng quy trình dạy học các dạng bài học về dấu câu, chúng tôi nhận thấy rằng đối với lứa tuổi học tiểu học dễ nhớ chóng quên, nên dạy học dấu câu cần được nhắc lại thường xuyên để trẻ có thể từng bước ghi nhớ các chức năng, công dụng của mỗi loại dấu câu bằng cách kết hợp dạy học dấu câu trong các giờ của bộ môn Tiếng Việt khi có cơ hội thuận lợi. Trong luận văn, chúng tôi đã gợi ý cách khai thác các cơ hội dạy học dấu câu trong từng phân môn tập đọc, luyện từ và câu, kể chuyện, tập làm văn, chính tả... Kết hợp dạy học dấu câu trong các giờ dạy học của môn Tiếng Việt là điều cần thiết, song không nhất thiết giờ học nào cũng đề cập đến dấu câu. Người

giáo viên cần chủ động lựa chọn những bài học, những thời điểm thích hợp để dạy học dấu câu sao cho vừa có thể củng cố kiến thức kỹ năng sử dụng dấu câu và góp phần giúp học sinh học tập môn học đó, bài học đó tốt hơn, sâu hơn. Mặt khác, kết hợp dạy học dấu câu trong các phân môn Tiếng Việt đã đảm bảo nguyên tắc: học đi đôi với hành, chú trọng yêu cầu thực hành, ứng dụng trong dạy học Tiếng Việt nói chung và dạy học dấu câu nói riêng.

3. Học sinh nhớ, hiểu các chức năng của dấu câu không có nghĩa là các em đã biết sử dụng dấu câu thành thạo. Do vậy, cần tổ chức dạy học dấu câu theo tinh thần thực hành, theo phương pháp thực hành. Cụ thể là, cần thiết kế hệ thống bài tập về dấu câu giúp học sinh có nhiều cơ hội rèn luyện kỹ năng sử dụng dấu câu khi tiếp nhận cũng như tạo lập văn bản. Trong luận văn, chúng tôi cũng đã dự kiến đề ra hệ thống bài tập về dấu câu theo ba nhóm: bài tập rèn luyện kỹ năng sử dụng từng loại dấu câu, bài tập phân biệt các nhóm dấu câu, bài tập luyện tập tổng hợp. Ở mỗi nhóm, chúng tôi đã phân tích về mục đích, ý nghĩa, tác dụng của bài tập, cơ chế tạo lập, nội dung, cấu trúc của bài tập, các tiểu loại bài tập, quy trình thực hiện bài tập... nhằm giúp giáo viên chủ động trong việc lựa chọn kiểu loại bài tập và tổ chức cho học sinh thực hành luyện tập.

Để việc dạy học dấu câu đạt kết quả tốt, không thể không tính đến việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh sao cho các em có ý thức tự giác và nhiệt tình học tập các bài học về dấu câu hơn. Trong luận văn, chúng tôi bước đầu bày tỏ suy nghĩ về vấn đề này thông qua việc giới thiệu phương thức đánh giá kết quả học tập dấu câu của học sinh.

4. Chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt mới đã quán triệt quan điểm dạy học tiếng Việt thông qua hoạt động giao tiếp ngôn ngữ, lấy 4 kỹ năng đọc, viết, nghe, nói làm nhân tố chính để xây dựng nội dung học tập bộ môn. Biện pháp dạy học dấu câu ở tiểu học mà chúng tôi đề cập trong luận văn mong

muôn đóng góp một phần nhỏ bé trong việc điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học dấu câu cho học sinh tiểu học. Những điều mà luận văn của chúng tôi đưa ra có thể còn điểm này, điểm khác chưa hợp lý nhưng hi vọng nó sẽ giúp ích ít nhiều cho việc dạy và học dấu câu của giáo viên và học sinh trong trường tiểu học hiện nay.

2. Khuyến nghị

Từ nghiên cứu lý luận và thực tiễn đề tài “*Biện pháp dạy học dấu câu cho học sinh lớp 2 trường Tiểu học Thị trấn huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La*” để nâng cao hơn nữa hiệu quả dạy học dấu câu đề tài xin đưa ra một số khuyến nghị:

Đối với nhà trường:

- Nhà trường cần khảo sát tổng thể và đánh giá chính xác việc **dạy học dấu câu** cho học sinh trong những năm qua, từ đó có những định hướng cơ bản, khái quát và biện pháp dạy học cụ thể phù hợp, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học dấu câu.

- Tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên làm tốt công tác giảng dạy.

- Quan tâm đến việc rèn kỹ năng sử dụng dấu câu cho học sinh thông qua việc bố trí thời khoá biểu, lên chương trình dạy học; tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu từng bài học cụ thể... để việc dạy học của giáo viên có định hướng, có hiệu quả tốt hơn.

Đối với lãnh đạo cấp trên:

Tổ chức thêm những hội thảo về các mảng kiến thức khó dạy trong đội ngũ giáo viên để giúp giáo viên sớm khắc phục hững tồn tại trong quá trình giảng dạy. Nghiên cứu sách giáo khoa để có chương trình hợp lý hơn về thời lượng dạy kiến thức phần dấu câu cho học sinh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A - Đinh Thanh Huệ (1997), *Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo dục.
2. Hoàng Hòa Bình (1998), *Dạy văn cho học sinh Tiểu học*, NXB Giáo dục.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tiếng Việt 1*, tập 1,2, NXB Giáo dục.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tiếng Việt 2*, tập 1,2, NXB Giáo dục.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tiếng Việt 3*, tập 1,2, NXB Giáo dục.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tiếng Việt 4*, tập 1,2, NXB Giáo dục.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tiếng Việt 5*, tập 1,2, NXB Giáo dục.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Dự án phát triển giáo viên Tiểu học, Đổi mới phương pháp dạy học Tiểu học*, NXB Giáo dục.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Việt - Bỉ (2014), *Dạy và học tích cực. Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học sư phạm.
10. V.V.Đavudôv (2000), *Các dạng khái quát hóa trong dạy học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Điều lệ trường Tiểu học Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2010/TT BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
12. Nguyễn Thiện Giáp(chủ biên) - Đoàn Thiện Thuật - Nguyễn Minh Thuyết (2002), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục.
13. Phạm Minh Hạc, Trần Trọng Thủy (1989), *Tâm lý học*, NXB Giáo dục.
14. Nguyễn Thị Hạnh (2002), *Một số vấn đề đổi mới cách đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở Tiểu học*, NXB Giáo dục.
15. Nguyễn Kế Hào (1985), *Sự phát triển chỉ tuệ của học sinh đầu tuổi học*, NXB Giáo dục.
16. Bùi Hiền - Nguyễn Văn Giao - Nguyễn Hữu Quỳnh - Vũ Văn Tảo (2001), *Từ điển giáo dục học*, NXB Từ điển bách khoa
17. Bùi Văn Huệ (1994), *Tâm lý học lứa tuổi*, Đại học sư phạm Hà Nội 1.

18. Nguyễn Xuân Khoa (1997), *Phương pháp dạy học dấu câu Tiếng Việt ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục.
19. Nguyễn Xuân Khoa (2000), *Dấu câu Tiếng Việt và cách dạy ở trường phổ thông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
20. V.A.Krutetxki (1978), *Những cơ sở tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục.
21. Đinh Trọng Lạc (2002), *99 phương tiện và biện pháp tu từ Tiếng Việt*, NXB Giáo dục.
22. V.I.Lênin (1963), *Bút kí triết học*, NXB Sự thật.
23. Lê Phương Nga (2002), *Dạy học ngữ pháp ở tiểu học*, NXB Giáo dục.
24. Nhiều tác giả (1989), *Phương pháp dạy tiếng mẹ đẻ tập 1-2*, NXB Giáo dục.
25. Trần Thị Hoàng Oanh (2003), *Những vấn đề về sách giáo khoa Tiếng Việt ở Tiểu học - 2000*, Hội thảo khoa học - Hội ngôn ngữ học TP HCM và viện nghiên cứu giáo dục.
26. G.Piagie (1986), *Tâm lý học và giáo dục học*, NXB Giáo dục.
27. Lý Toàn Thắng (2002), *Mấy vấn đề về Việt ngữ học và ngôn ngữ học đại cương*, NXB Khoa học xã hội.
28. Trần Trọng Thủy - Nguyễn Quang Uẩn (1998), *Tâm lý học đại cương*, NXB Giáo dục.
29. Lê Hữu Tĩnh (2001), *Hệ thống bài tập rèn luyện năng lực từ ngữ cho học sinh Tiểu học*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học.
30. Trung tâm tâm lý học - Sinh lý lứa tuổi (Viện KHGD) (2001), *Một số đặc điểm sinh lý và tâm lý của học sinh tiểu học hiện nay*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
31. Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam (1983), *Ngữ pháp Tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội.
32. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1996), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục.

PHỤ LỤC THIẾT KẾ BÀI DẠY

Để kiểm nghiệm tính khả thi và hiệu quả của các biện pháp đưa ra, chúng tôi tiến hành thiết kế giáo án mẫu, cụ thể như sau:

GIÁO ÁN 1:

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Bài 10 TỪ NGỮ VỀ HỌ HÀNG DẤU CHẤM, DẤU CHẤM HỎI

I. Mục tiêu

- Mở rộng và hệ thống hoá vốn từ chỉ người trong gia đình.
- Rèn kỹ năng sử dụng dấu chấm và dấu chấm hỏi.
- Biết cách sử dụng từ trong gia đình.
- Giáo dục cho học sinh ý thức tự giác, luyện tập, yêu thích môn học.

II. Đồ dùng dạy học

1. Giáo viên:
 - Bảng phụ để học sinh làm bài tập 2
 - Bảng phụ ghi sẵn nội dung bài tập 4 điền dấu chấm, dấu chấm hỏi
2. Học sinh: Sách vở bài tập môn học

III. Phương pháp

Quan sát, làm mẫu, nêu vấn đề, thảo luận, luyện tập, thực hành...

IV. Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Ổn định tổ chức Cho cả lớp hát, nhắc nhở học sinh	- Cả lớp hát, lấy sách vở bộ môn
2. Kiểm tra bài cũ: <ul style="list-style-type: none">- Tìm những từ chỉ hoạt động của vật, người trong bài: Làm việc thật là vui?- Nhận xét, đánh giá và ghi điểm cho HS.	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh thực hiện yêu cầu: đồng hồ tích tắc, tu hú kêu, bé học bài...- Nhận xét.- Lắng nghe.

<p>3. Bài mới:</p> <p>a. GT bài: Trong giờ học hôm nay cô sẽ giúp các em hệ thống hóa vốn từ chỉ những người trong gia đình. Cách sử dụng dấu đầu chấm và dấu chấm hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên ghi đầu bài lên bảng. <p>b. Hướng dẫn làm bài tập:</p> <p><u>Bài tập 1:</u> Tìm những từ ngữ chỉ người trong gia đình, họ hàng ở câu chuyện: <i>Sáng kiến của bé Hà.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu. - GV viết lên bảng những từ đúng. - Gọi học sinh đọc lại những từ chỉ người trong gia đình, họ hàng ở câu chuyện: <i>Sáng kiến của bé Hà</i> vừa tìm được. <p><u>Bài tập 2:</u> Kể thêm các từ chỉ người trong gia đình, họ hàng mà em biết?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát giấy và bút dạ cho từng nhóm. - YC thảo luận nhóm - YC các nhóm trình bày. - GV kết luận về phiếu đúng, đầy đủ nhất. - GV: Những từ: Cha, mẹ, ông, bà, cô, chú, cậu, dì, thím, dượng, con dâu, con rể, cháu, chắt... là các từ chỉ người trong gia đình, trong họ hàng. <p><u>Bài tập 3:</u> Xếp vào mỗi nhóm sau một từ chỉ người trong gia đình, họ hàng mà em biết?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Họ nội là những người họ hàng về đằng bố, họ ngoại là những người họ hàng về đằng mẹ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe. - Học sinh ghi đầu bài vào vở - 1 HS đọc to, cả lớp theo dõi. - HS làm bài - <i>Bố, ông, bà, con, mẹ, cụ già, cô, chú, con cháu, cháu.</i> - 2 học sinh đọc lại. - 1 HS đọc to, cả lớp theo dõi. - Thảo luận nhóm. - Đại diện nhóm trình bày: - Cha, mẹ, ông, bà, cô, chú, cậu, dì, thím, dượng, con dâu, con rể, cháu, chắt... - Lắng nghe. - 1 HS đọc to, cả lớp theo dõi. - Lắng nghe.
--	--

<p>- Tổ chức cho HS thảo luận nhóm điền vào phiếu bài tập</p> <p>- Nhận xét - đánh giá.</p> <p>- Gọi học sinh đọc lại nội dung bài tập.</p> <p>Bài tập 4: Em chọn dấu chấm hay dấu hỏi để điền vào chỗ trống? ? Dấu chấm hỏi thường đặt ở đâu?</p> <p>- Phát giấy và bút dạ cho từng nhóm.</p> <p>- YC thảo luận nhóm</p> <p>- YC các nhóm trình bày.</p> <p>- Nhận xét - đánh giá.</p> <p>- GV: Cuối mỗi câu ghi dấu chấm, cuối câu hỏi ghi dấu chấm hỏi.</p> <p>3. Củng cố, dặn dò:</p> <p>- Khi nào ta dùng dấu chấm? Dấu chấm hỏi? Lấy ví dụ về câu có dùng dấu chấm, dấu chấm hỏi?</p> <p>- Nhận xét giờ học.</p> <p>- Dẫn HS về nhà học bài.</p> <p>- Chuẩn bị cho bài sau</p>	<p>- Thảo luận nhóm.</p> <p>- Các nhóm trình bày.</p> <table border="1" data-bbox="906 360 1430 539"> <thead> <tr> <th>Họ ngoại</th> <th>Họ nội</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Ông ngoại, bà ngoại, bác, dì, cậu, mợ,...</td> <td>Ông nội, bà nội, cô, chú, thím, bác,...</td> </tr> </tbody> </table> <p>- 2 học sinh đọc lại.</p> <p>- 1 HS đọc to, cả lớp theo dõi.</p> <p>- Cuối câu hỏi.</p> <p>- Thảo luận nhóm.</p> <p>- Các nhóm trình bày.</p> <p><i>Nam nhờ chị viết thư cho ông bà vì em vừa mới vào lớp 1, chưa biết viết. Viết song thư chị hỏi:</i></p> <p>- <i>Em còn muốn nhắn gì nữa không ?</i></p> <p><i>Cậu bé đáp:</i></p> <p>- <i>Dạ có. Chị viết hộ em vào cuối thư: “Xin lỗi ông bà vì chữ cháu xấu và sai nhiều lỗi chính tả.”</i></p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- 2 HS nói tiếp trả lời.</p> <p>- Lắng nghe.</p>	Họ ngoại	Họ nội	Ông ngoại, bà ngoại, bác, dì, cậu, mợ,...	Ông nội, bà nội, cô, chú, thím, bác,...
Họ ngoại	Họ nội				
Ông ngoại, bà ngoại, bác, dì, cậu, mợ,...	Ông nội, bà nội, cô, chú, thím, bác,...				

GIÁO ÁN 2:

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Bài 12 TỪ NGỮ VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH DẤU PHẪY

I. Mục tiêu

- Mở rộng vốn từ về tình cảm gia đình.
- Biết đặt dấu phẩy ngăn cách các bộ phận giống nhau trong câu.
- Giáo dục HS làm nhanh các bài tập. Sử dụng đúng từ ngữ để điền vào chỗ trống.
- Giáo dục HS kính yêu ông bà , bố mẹ những người thân trong gia đình.

II. Đồ dùng dạy học

1. Giáo viên:
 - Bảng phụ viết nội dung bài tập 1.
 - Phiếu bài tập viết 3 câu văn ở bài tập 2.
 - Tranh minh họa bài tập 3.
2. Học sinh: Sách vở bài tập môn học.

III. Phương pháp

Quan sát, làm mẫu, nêu vấn đề, thảo luận, luyện tập, thực hành...

IV. Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Ổn định tổ chức Cho cả lớp hát, nhắc nhở học sinh	- Cả lớp hát, lấy sách vở bộ môn
2. Kiểm tra bài cũ: - Gọi 1 HS nêu các từ ngữ chỉ đồ vật trong gia đình và tác dụng của mỗi đồ vật đó. - 1 HS tìm từ ngữ chỉ việc làm của em (hoặc người thân trong gia đình, để giúp	- Học sinh thực hiện yêu cầu: + Bát hoa to để đựng thức ăn . + Cái thìa để xúc thức ăn + Cái cốc để đựng nước uống + Cái chổi để quét nhà + Dớt nước, lấy ghế, lấy tắm,

<p>đỡ ông bà)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét và ghi điểm cho HS. <p>3. Dạy bài mới:</p> <p>a. Giới thiệu bài : Trong gia đình tất cả mọi thành viên đều yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Bài học hôm nay cô cùng các em sẽ tìm hiểu và tìm những từ ngữ nói về tình cảm gia đình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên ghi đầu bài lên bảng. <p>b. Hướng dẫn HS làm bài tập :</p> <p><u>Bài tập 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài. Ghép theo mẫu trong SGK. Để tạo thành các từ chỉ tình cảm gia đình. - Có thể gợi ý HS cách ghép nhanh. <p>Yêu ↔ thương ; yêu ↔ quý</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu học sinh làm miệng, sau đó HS làm vào vở. <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét - đánh giá. - GV mời 3, 4 học sinh đọc lại kết quả đúng. <p><u>Bài tập 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài - GV hướng dẫn HS tìm từ chỉ tình cảm gia đình vừa tìm được ở BT1 điền vào chỗ trống để tạo thành câu hoàn chỉnh. - GV phát phiếu bài tập cho các nhóm thảo luận làm bài tập. 	<p>Đưa qua đường,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe. <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh ghi đầu bài vào vở <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc to, cả lớp theo dõi. <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài: yêu thương, thương yêu, yêu mến, mến yêu, yêu kính, kính yêu, thương mến, mến thương, quý mến, kính mến, yêu quý. - Lắng nghe. - 4 học sinh đọc lại. - Lớp làm vở . <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc to, cả lớp theo dõi. <ul style="list-style-type: none"> - Lớp làm vào phiếu bài tập + Cháu kính yêu (yêu quý, thương yêu) ông bà. + Con yêu quý (kính yêu, thương yêu) cha mẹ. + Em yêu mến (yêu quý, yêu thương, thương yêu,) anh chị.
---	---

<p>- (Trong trường hợp HS nói: Cháu mến yêu ông bà, GV cần phân tích để các em thấy từ mến yêu dùng để thể hiện tình cảm, với bạn bè, người ít tuổi hơn, không hợp khi thể hiện tình cảm với người lớn tuổi, đáng kính trọng như ông bà.)</p> <p>- Nhận xét - đánh giá.</p> <p>- GV mời 2 học sinh đọc lại kết quả đúng.</p> <p><u>Bài tập 3:</u> Nói 2, 3 câu về hoạt động của mẹ và con.</p> <p>- Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài</p> <p>- GV treo tranh lên bảng cho HS quan sát, yêu cầu mỗi em nói 2, 3 câu về hoạt động của mẹ và con.</p> <p>? Người mẹ đang làm gì?</p> <p>? Bạn gái đang làm gì?</p> <p>? Em bé đang làm gì?</p> <p>? Thái độ của từng người trong tranh như thế nào?</p> <p>? Về mặt mọi người thế nào?</p> <p>- Nhận xét - đánh giá tuyên dương HS.</p> <p><u>Bài tập 4:</u></p> <p>- Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài</p> <p>- GV đọc yêu cầu của bài (đọc liền mạch, không nghỉ hơi giữa các ý trong câu)</p> <p>- Yêu cầu HS trao đổi làm bài</p> <p>- GV thu 1 số vở chấm bài.</p>	<p>- Lắng nghe.</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- 2 học sinh đọc lại.</p> <p>- 1 HS đọc to, cả lớp theo dõi.</p> <p>- HS quan sát tranh và đặt câu theo gợi ý của GV.</p> <p>Em bé ngủ trong lòng mẹ. Bạn gái đang đưa cho mẹ xem quyển vở ghi một điểm 10 đỏ chói. Một tay mẹ ôm em bé trong lòng, một tay mẹ cầm cuốn vở của bạn. Mẹ khen: “ con gái mẹ học giỏi lắm!” Cả hai mẹ con đều rất vui.</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- 1 HS đọc to, cả lớp theo dõi.</p> <p>- HS trao đổi làm bài vào vở.</p> <p>a) Chăn màn, quần áo được xếp gọn gàng.</p> <p>b) Giường tủ, bàn ghế được kê</p>
--	--

<p>- Nhận xét - đánh giá.</p> <p>4. Củng cố, dẫn dò:</p> <p>? Em hay nêu 3 từ nói về tình cảm gia đình.</p> <p>- GV nhận xét tiết học, khen ngợi động viên tuyên dương.</p> <p>- Về nhà tìm thêm các từ chỉ tình cảm gia đình.</p>	<p>ngay ngắn.</p> <p>c) Giày dép, mũ nón được để đúng chỗ</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- 2 HS nối tiếp trả lời.</p> <p>- Lắng nghe.</p>
---	---

GIÁO ÁN 3:

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Bài 20 TỪ NGỮ VỀ THỜI TIẾT ĐẶT CÂU VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI: KHI NÀO? DẤU CHẤM, DẤU CHẤM THAN

I. Mục tiêu

- Mở rộng vốn từ về thời tiết.
- Biết dùng các cụm từ *bao giờ, lúc nào, tháng mấy, mấy giờ*, thay cho cụm từ *khi nào* để hỏi về thời điểm.
- Điền đúng dấu chấm và dấu chấm than vào ô trống trong đoạn văn đã cho.

II. Đồ dùng dạy học

1. Giáo viên:
 - 6 bảng con ghi 6 từ ngữ ở bài tập 1
 - Bảng phụ ghi nội dung bài tập 3
2. Học sinh: Sách vở bài tập môn học

III. Phương pháp

Quan sát, làm mẫu, nêu vấn đề, thảo luận, luyện tập, thực hành...

IV. Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Ổn định tổ chức Cho cả lớp hát, nhắc nhở học sinh	- Cả lớp hát, lấy sách vở bộ môn
2. Kiểm tra bài cũ : - Gọi HS trả lời câu hỏi ? Tháng 10, 11 là mùa nào ? ? Ngày tựu trường là ngày nào ? thuộc mùa nào trong năm ? - GV nhận xét, cho điểm.	- 2 học sinh trả lời - Mùa đông - Ngày 5/9, mùa thu
3. Dạy bài mới: a. Giới thiệu bài: Bài học hôm nay cô cùng các em sẽ tìm hiểu và tìm những từ	- Lắng nghe. - Lắng nghe.

<p>ngữ nói về tình cảm gia đình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên ghi đầu bài lên bảng. <p><i>b.Hướng dẫn HS làm bài tập</i></p> <p><u>Bài tập 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài. - GV giơ bảng con ghi sẵn các từ ngữ cần chọn. HS lần lượt đọc các từ ngữ. - GV chỉ định 1 HS nói tên mùa hợp với từ ngữ trên bảng con. - GV nhận xét, đánh giá - Yêu cầu từng cặp lên đọc lại lời giải của bài, 1 em hỏi, 1 em trả lời. <p><u>Bài tập 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu của bài. - GV hướng dẫn: Đọc từng câu văn, lần lượt thay cụm từ khi nào trong câu văn đó bằng các cụm từ <i>bao giờ, lúc nào, tháng mấy, mấy giờ</i>; kiểm tra xem trường hợp nào thay được, trường hợp nào không thay được. - GV phát bảng phụ cho các nhóm làm bài tập. - GV nhận xét bổ sung. - Yêu cầu từng cặp lên hỏi đáp nhau, 1 em nêu câu hỏi, 1 em trả lời. <p>VD: Tháng mấy trường bạn nghỉ hè ? + Tháng 5 trường tớ được nghỉ hè .</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá <p><u>Bài tập 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu của bài. + Khi nào ta dùng dấu chấm? + Dấu chấm than được dùng ở cuối các 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh ghi đầu bài vào vở - 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm lại bài. - HS suy nghĩ và trả lời miệng. + Mùa xuân: ấm áp. + Mùa hạ: nóng bức, oi nồng. + Mùa thu: se se lạnh. + Mùa đông: mưa phùn, gió bắc, giá lạnh. - Lắng nghe - HS thực hiện yêu cầu. - 1 HS đọc yêu cầu của bài. a) Khi nào (bao giờ, lúc nào, tháng mấy, mấy giờ) lớp bạn đi thăm viện bảo tàng b) Khi nào (bao giờ, lúc nào, tháng mấy) trường bạn nghỉ hè? c) Bạn làm bài tập này khi nào (bao giờ, lúc nào, tháng mấy)? d) Bạn gặp cô giáo khi nào (bao giờ, lúc nào, tháng mấy)? - HS thực hiện yêu cầu - Lắng nghe - 1 HS đọc yêu cầu của bài. - Đặt ở ở câu kể. - Ở cuối các câu văn biểu lộ thái
---	---

<p>câu văn nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV dán 2 tờ giấy khổ to đã chép sẵn nội dung bài tập 3 lên bảng , mời 2 em lên bảng làm bài dưới lớp làm vào vở bài tập. - GV theo dõi HS làm bài chú ý HS yếu, chậm. - GV thu 1 số vở chấm bài. - GV cho 2 HS khá đọc bài viết của mình, lớp nhận xét. - GV nhận xét, đánh giá. <p>4.Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu quy tắc sử dụng dấu chấm than? - GV nhận xét tiết học, khen ngợi động viên HS. - Về nhà xem lại bài kỹ, làm tiếp bài tập (nếu chưa xong) 	<p>độ cảm xúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 em lên bảng làm bài dưới lớp làm vào vở bài tập. a. Ông Mạnh nổi giận, quát: <ul style="list-style-type: none"> - Thật độc ác! b. Đêm ấy, Thần Gió lại đến đập cửa, thét: <ul style="list-style-type: none"> - Mở cửa ra! - Không ! Sáng mai ta sẽ mở cửa mời ông vào. - 2 HS nối tiếp trả lời. - Lắng nghe. - 2 HS nối tiếp trả lời. - Lắng nghe.
---	--

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
(Dành cho giáo viên trường Tiểu học)

Để góp phần nâng cao hiệu quả của việc dạy học về dấu câu cho học sinh xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau (Đánh dấu (x) vào ý kiến phù hợp nhất).

1. Đồng chí hãy đánh giá việc sử dụng các hình thức tổ chức dạy học của giáo viên.

TT	Các hình thức tổ chức dạy học của giáo viên	Mức độ thực hiện		
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên
1	Cá nhân			
2	Học tập theo nhóm			
3	Cả lớp			

2. Đồng chí có nhận xét thế nào về việc soạn giáo án của giáo viên?

TT	Các tiêu chí đánh giá	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Mục tiêu phù hợp với chuẩn kiến thức, kỹ năng			
2	Phương pháp dạy học phù hợp với mục tiêu, phối hợp nhiều phương pháp, phát huy được tính tích cực của học sinh			
3	Nội dung bài dạy đảm bảo tính hệ thống, đủ nội dung, phù hợp với chương trình			
4	Có sự liên hệ thực tế			
5	Sử dụng nhiều hình thức tổ chức dạy học			
6	Cách trình bày sạch đẹp, rõ ràng, đảm bảo tính chính xác, khoa học			

3. Khi tổ chức dạy học về dấu câu cho học sinh, đồng chí thấy có những thuận lợi và khó khăn gì:

Thuận lợi:

.....
.....
.....
.....
.....

Khó khăn:

.....
.....
.....
.....
.....

4. Xin đồng chí cho biết một vài đề nghị nhằm nâng cao hiệu quả dạy học dấu câu cho học sinh.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Xin đồng chí vui lòng cho biết đôi điều về bản thân.

- Chức vụ:
- Giáo viên đang dạy lớp:
- Đơn vị công tác:

Xin chân thành cảm ơn đồng chí.

Họ và tên:

Lớp:

Trường:.....

BÀI KIỂM TRA

(Dành cho học sinh trường Tiểu học)

1. Điền dấu câu thích hợp vào ô trống cuối mỗi câu dưới đây, biết rằng cuối mỗi câu có thể dùng dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than.

1. Trời nóng quá
2. Bạn đi đâu đấy
3. Cậu có muốn đi đá bóng không
4. Mặt trời chiếu sáng khắp nơi
5. Vườn hoa tỏa hương ngan ngát
6. Bạn định hái bông hoa đó sao
7. Hoa hồng đỏ mới rụng rờ làm sao
8. Tôi rất thích ngắm vườn hoa nhiều màu sắc
9. Tiếng hát nghe thật tuyệt vời
10. Bạn có nghe thấy tiếng chim hót trong vườn không

2. Em hãy chọn dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm hỏi để điền vào ô trống?

Bé nói với mẹ:

- Con xin mẹ tờ giấy để viết thư cho bạn Hà

Mẹ ngạc nhiên:

- Nhưng con đã biết viết đâu

Bé đáp:

- Không sao mẹ ạ! Bạn Hà cũng chưa biết đọc

3. Điền dấu thích hợp vào ô trống cho đúng:

Chợt có người đi qua đường chàng lười gọi lại nhờ nhặt sung bỏ
hộ vào miệng Không may gặp phải một tay cũng lười Hấn ta lấy
hai ngón chân cặp quả sung bỏ vào miệng cho chàng lười Anh chàng
bực lắm gất
- Chao ôi Người đâu mà lười thế

4. Em hãy ghi lại lời cô giáo dặn trước khi tan học buổi sáng hôm qua.

.....
.....